

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM
THE STATE BANK OF VIET NAM

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2012

NHÀ XUẤT BẢN THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG
INFORMATION AND COMMUNICATIONS PUBLISHING HOUSE



MỤC LỤC

Vị thế, chức năng của Ngân hàng nhà nước Việt Nam	iii
Ban Lãnh đạo Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	v
Lời tựa của Thống đốc	vii
Các Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	ix
■ Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam	1
1. Tổng quan kinh tế thế giới	1
1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới	1
1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia	3
2. Kinh tế Việt Nam	4
2.1. Tăng trưởng kinh tế	4
2.2. Lao động, thu nhập	6
2.3. Diễn biến lạm phát	7
2.4. Thu chi ngân sách Nhà nước	8
2.5. Cán cân thanh toán	9
2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ	12
2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng	22
■ Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	27
1. Điều hành chính sách tiền tệ	27
2. Quản lý ngoại hối	31
3. Ổn định tài chính	33
4. Công tác pháp chế	38
5. Công tác phát hành kho quỹ	40
6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán	42
7. Hoạt động thông tin tín dụng	45
8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin	47
■ Phần III - Quản trị nội bộ	49
1. Hoạt động kiểm toán nội bộ	49
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng	50
3. Công tác nghiên cứu khoa học	53
4. Công tác thống kê	54
5. Công nghệ thông tin	55
■ Phần IV - Hợp tác quốc tế	57
1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế	57
2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế	59
3. Quan hệ hợp tác song phương	61
■ Phụ lục	64

VỊ THỂ CHỨC NĂNG CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Trụ sở chính, 49 Lý Thái Tổ, Hà Nội, Việt Nam

□ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cơ quan ngang bộ của Chính phủ, là Ngân hàng trung ương của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và ngoại hối; thực hiện chức năng của ngân hàng trung ương về phát hành tiền, ngân hàng của các tổ chức tín dụng và cung ứng dịch vụ tiền tệ cho Chính phủ.

Tóm lược Điều 2, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính sách tiền tệ quốc gia là các quyết định về tiền tệ ở tầm quốc gia của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm quyết định mục tiêu ổn định giá trị đồng tiền biểu hiện bằng chỉ tiêu lạm phát, quyết định sử dụng các công cụ và biện pháp để thực hiện mục tiêu đề ra.

Khoản 1, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm được thể hiện thông qua việc quyết định chỉ số giá tiêu dùng và giám sát việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Khoản 2, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

□ Chính phủ trình Quốc hội quyết định chỉ tiêu lạm phát hàng năm. Thủ tướng Chính phủ, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định việc sử dụng các công cụ và biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu chính sách tiền tệ quốc gia theo quy định của Chính phủ.

Khoản 4, Điều 3, Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2010

**BAN LÃNH ĐẠO
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM**



Ông Nguyễn Văn Bình
Tổng đốc



Ông Nguyễn Đông Tiến
Phó Tổng đốc



Ông Trần Minh Tuấn
Phó Tổng đốc



Ông Đặng Thanh Bình
Phó Tổng đốc



Ông Nguyễn Toàn Thắng
Phó Tổng đốc



Ông Lê Minh Hưng
Phó Tổng đốc



Ông Đào Minh Tú
Phó Tổng đốc



Thống đốc
Nguyễn Văn Bình

Lời tựa của Thống đốc

Năm 2012, kinh tế thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp dưới tác động của khủng hoảng nợ công châu Âu. Ở trong nước, kinh tế vĩ mô, tiền tệ vào nửa cuối năm 2011 phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Lạm phát mặc dù tăng chậm lại từ tháng 8/2011 nhưng cả năm 2011 vẫn ở mức cao 18,13%. Mặt bằng lãi suất cho vay cao khoảng từ 20-25%/năm, tỷ giá biến động và chịu áp lực gia tăng. Nhiều tổ chức tín dụng (TCTD) gặp khó khăn thanh khoản, tiềm ẩn rủi ro hệ thống. Trong bối cảnh đó, nhiệm vụ đặt ra cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) là vô cùng khó khăn bởi đồng thời với việc kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, NHNN phải điều hành để giảm mặt bằng lãi suất, tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó hỗ trợ tăng trưởng kinh tế ở mức hợp lý, đảm bảo an toàn hệ thống các TCTD.

Xác định năm 2012 là năm bản lề quan trọng thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về ưu tiên kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội đi đôi với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2011-2015, trên cơ sở bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, và chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã chủ động xây dựng các chỉ tiêu định hướng, đề ra các biện pháp, triển khai quyết liệt trong toàn hệ thống và đã đạt được những thành quả nổi bật sau đây:

Một là, việc điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng đã đóng góp tích cực trong việc đưa lạm phát từ mức cao trong năm 2011 xuống còn 6,81% trong năm 2012.

Hai là, mặt bằng lãi suất cho vay giảm mạnh, góp phần tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh, đáng chú ý là thành tựu này đạt được trong bối cảnh NHNN thực hiện các giải pháp để kiểm chế lạm phát. Có được thành công này là nhờ sự định hướng, dẫn dắt thị trường của NHNN, kết hợp hài hòa giữa điều hành linh hoạt lượng tiền cung ứng qua các kênh với việc điều hành lãi suất, trên cơ sở bám sát diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, đặc biệt là diễn biến của lạm phát, diễn biến thanh khoản của hệ thống các TCTD. Thị trường tiền tệ về cơ bản ổn định, mặt bằng lãi suất huy động giảm nhưng hệ thống các TCTD tiếp tục huy động được vốn trên thị trường, hiện tượng cạnh tranh lãi suất gây xáo trộn thị trường giảm mạnh, kỷ luật thị trường được thiết lập và củng cố.

Ba là, thanh khoản của hệ thống các TCTD được cải thiện, các TCTD đã chú trọng quản trị rủi ro, đặc biệt là quản trị rủi ro thanh khoản, góp phần đảm bảo an toàn hệ thống.

Bốn là, các giải pháp về tiền tệ, tín dụng được đề ra, triển khai đồng bộ theo hướng đảm bảo tăng trưởng tín dụng đi đôi với an toàn, hiệu quả, tập trung vốn cho các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, tích cực tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quan hệ vay vốn của khách hàng và TCTD thông qua các biện pháp cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vốn vay...

Năm là, tỷ giá ổn định, lòng tin vào đồng Việt Nam được tăng cao nhờ kết hợp đồng bộ giữa các giải pháp về ngoại hối với việc điều hành các công cụ chính sách tiền tệ theo hướng khuyến khích nắm giữ VND, thu hẹp đối tượng được vay ngoại tệ, tăng cường chế tài và xử phạt nghiêm các vi phạm pháp luật về ngoại hối. Năm 2012, NHNN đã mua khối lượng lớn ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Mặc dù đưa tiền ra với khối lượng lớn để mua ngoại tệ nhưng NHNN đã hút tiền về một cách kịp thời và linh hoạt qua các kênh, đảm bảo kiểm soát tiền tệ hợp lý, không gây áp lực tăng lạm phát.

Sáu là, NHNN đã thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm đổi mới căn bản thị trường vàng, từng bước xóa bỏ tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế. Trong năm 2012, giá vàng thế giới biến động ở mức cao nhưng không gây ra tác động tiêu cực lên tỷ giá và thị trường ngoại hối trong nước.

Bây là, công tác thanh tra, giám sát hoạt động của các TCTD được chấn chỉnh, củng cố nhằm tăng cường kỷ cương, kỷ luật của thị trường, đảm bảo các TCTD thực hiện nghiêm quy định của pháp luật về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và an toàn hệ thống.

Tám là, NHNN ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 đã được Chính phủ phê duyệt, tập trung triển khai đồng bộ, quyết liệt các giải pháp theo lộ trình, đánh giá toàn diện hệ thống TCTD để xác định và tiến hành những giải pháp xử lý một số ngân hàng yếu kém. Việc cơ cấu lại các ngân hàng thương mại cổ phần, kể cả các trường hợp sáp nhập, hợp nhất cho đến nay hoàn toàn dựa trên cơ sở tự nguyện giữa các ngân hàng dưới sự giám sát chặt chẽ của NHNN. Quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD được tiến hành công khai, minh bạch, đúng pháp luật, đúng Đề án đã được phê duyệt và có sự tham gia của các Bộ, ngành và địa phương có liên quan. Cùng với việc triển khai Đề án cơ cấu lại các TCTD, NHNN cũng chỉ đạo các TCTD chủ động thực hiện các giải pháp xử lý nợ xấu và kiểm chế nợ xấu gia tăng, yêu cầu các TCTD sử dụng dự phòng để xử lý nợ xấu, tiếp tục đẩy mạnh trích lập dự phòng rủi ro, xây dựng Đề án thành lập Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).

Chín là, NHNN tiếp tục cải tiến, đẩy mạnh hiệu quả các hoạt động khác như đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trong nền kinh tế trên cơ sở phát triển công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng; thực hiện phát hành tiền mặt đảm bảo đúng kế hoạch, đẩy mạnh công tác an toàn kho quỹ thông qua áp dụng kỹ thuật công nghệ thông tin tiên tiến, tiếp tục phối hợp tốt với các cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả; công tác thống kê đã gắn bó chặt chẽ hơn với việc tăng cường hạ tầng công nghệ thông tin nhằm đáp ứng tốt hơn yêu cầu thống kê, trao đổi dữ liệu; hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học được đẩy mạnh bám sát yêu cầu chuyên môn, nhiệm vụ về xây dựng và thực thi chính sách của NHNN. Quan hệ hợp tác quốc tế song phương và đa phương trong lĩnh vực tài chính, tiền tệ tiếp tục được củng cố, góp phần tích cực vào quá trình hội nhập chung của toàn nền kinh tế và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Với những thành tựu nổi bật trên đây, việc điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng năm 2012 đã đóng góp quan trọng vào công cuộc ổn định kinh tế vĩ mô và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Các giải pháp điều hành và những thành tựu đạt được của NHNN trong năm 2012 đã được Chính phủ ghi nhận, nhiều tổ chức quốc tế, các nhà đầu tư trong và ngoài nước đánh giá cao. Tuy nhiên, việc điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như rủi ro tăng trở lại của lạm phát, sức cầu của nền kinh tế còn yếu trong khi kinh tế thế giới vẫn còn khó khăn, quá trình xử lý nợ xấu, tái cơ cấu hệ thống các TCTD là một chặng đường dài ở phía trước, đòi hỏi sự chỉ đạo sát sao của Đảng, Chính phủ và sự phối hợp chặt chẽ từ phía nhiều bộ, ngành cũng như của toàn nền kinh tế.

Trong những năm tới, NHNN tiếp tục chủ động, sáng tạo, quyết liệt trong điều hành chính sách tiền tệ, một mặt kiên định mục tiêu kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, mặt khác tiếp tục triển khai tái cấu trúc hệ thống TCTD một cách an toàn, phát triển bền vững, hỗ trợ đắc lực cho công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam



NGUYỄN VĂN BÌNH

CÁC VỤ, CỤC, ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CỦA NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tham mưu, giúp Thống đốc xây dựng chính sách tiền tệ quốc gia và sử dụng các công cụ chính sách tiền tệ theo quy định của pháp luật.

Vụ Chính sách tiền tệ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo quy định của pháp luật.

Vụ Quản lý ngoại hối

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực thanh toán trong nền kinh tế quốc dân theo quy định của pháp luật.

Vụ Thanh toán

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước về lĩnh vực tín dụng ngân hàng và điều hành thị trường tiền tệ theo quy định của pháp luật.

Vụ Tín dụng

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác dự báo, thống kê tiền tệ theo quy định của pháp luật.

*Vụ Dự báo,
Thống kê tiền tệ*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hợp tác và hội nhập quốc tế thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Hợp tác quốc tế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện kiểm toán nội bộ hoạt động của các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Vụ Kiểm toán nội bộ

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước bằng pháp luật và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong ngành Ngân hàng.

Vụ Pháp chế

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện công tác tài chính, kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của Ngân hàng Nhà nước và quản lý nhà nước về kế toán, đầu tư xây dựng cơ bản của ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

Vụ Tài chính - Kế toán

Tham mưu, giúp Thống đốc, Ban cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước thực hiện công tác tổ chức, biên chế; quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức; chế độ tiền lương và các chế độ khác thuộc phạm vi quản lý của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Vụ Tổ chức cán bộ

*Vụ Thi đua -
khen thưởng*

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng trong ngành Ngân hàng theo quy định của pháp luật.

*Cơ quan Thanh tra,
giám sát ngân hàng*

Thực hiện chức năng thanh tra hành chính, thanh tra chuyên ngành và giám sát chuyên ngành về ngân hàng trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước đối với các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính quy mô nhỏ, hoạt động ngân hàng của các tổ chức khác; thực hiện phòng, chống rửa tiền theo quy định của pháp luật.

Văn phòng

Tham mưu, giúp Thống đốc chỉ đạo và điều hành hoạt động ngân hàng; thực hiện công tác cải cách hành chính của Ngân hàng Nhà nước; quản lý hoạt động thông tin, tuyên truyền, báo chí, văn thư, lưu trữ của ngành ngân hàng theo quy định của pháp luật; thực hiện công tác hành chính, lễ tân, văn thư, lưu trữ tại Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.

Cục Công nghệ tin học

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện quản lý nhà nước chuyên ngành về lĩnh vực công nghệ tin học trong phạm vi toàn ngành Ngân hàng.

*Cục Phát hành và
Kho quỹ*

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện chức năng quản lý nhà nước và chức năng Ngân hàng Trung ương về lĩnh vực phát hành và kho quỹ theo quy định của pháp luật.

Cục Quản trị

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý tài sản, tài chính, cơ sở vật chất kỹ thuật, hậu cần, bảo vệ an ninh, trật tự an toàn cơ quan, chăm lo đời sống, sức khỏe cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc Trụ sở chính Ngân hàng Nhà nước.

Sở Giao dịch

Tham mưu, giúp Thống đốc thực hiện các nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương.

*Các chi nhánh tại tỉnh,
thành phố trực thuộc
Trung ương*

Tham mưu, giúp Thống đốc quản lý nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng trên địa bàn và thực hiện một số nghiệp vụ Ngân hàng Trung ương theo ủy quyền của Thống đốc.

*Văn phòng đại diện tại
thành phố Hồ Chí Minh*

Thực hiện nhiệm vụ đại diện theo sự ủy quyền của Thống đốc.

CÁC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP VÀ ĐƠN VỊ DO THỐNG ĐỐC QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP

Nghiên cứu và xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành Ngân hàng; tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ ngân hàng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước về tiền tệ và hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật.

*Viện Chiến lược
ngân hàng*

Thu nhận, xử lý, lưu trữ, phân tích, dự báo thông tin tín dụng phục vụ cho yêu cầu quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước; thực hiện các dịch vụ thông tin ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

*Trung tâm Thông tin
tín dụng*

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn xã hội và là công cụ tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và hoạt động của ngành Ngân hàng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Thời báo Ngân hàng

Là cơ quan ngôn luận, diễn đàn về lý luận nghiệp vụ, khoa học và công nghệ ngân hàng; có chức năng tuyên truyền, phổ biến đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, hoạt động ngân hàng và những thành tựu về khoa học, công nghệ của ngành Ngân hàng và lĩnh vực liên quan theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của pháp luật.

Tạp chí Ngân hàng

Có chức năng đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước và chuyên môn nghiệp vụ thuộc lĩnh vực ngân hàng phục vụ yêu cầu phát triển và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của Ngân hàng Nhà nước và của ngành Ngân hàng theo quy hoạch, kế hoạch đã được Thống đốc phê duyệt.

*Trường Bồi dưỡng cán bộ
ngân hàng*

Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Tài trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ và Dự án Tài chính nhà ở.

*Ban quản lý Các dự án tín
dụng quốc tế ODA*

Giúp Thống đốc quản lý và thực hiện Dự án Hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng.

*Ban quản lý Dự án đầu tư
hệ thống thông tin quản lý
và hiện đại hóa ngân hàng
(FSMIMS)*

Phần I - Kinh tế thế giới và Việt Nam

1. Tổng quan kinh tế thế giới

1.1. Tăng trưởng kinh tế thế giới

Tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2012 giảm xuống 3,1% so với mức 3,9% của năm 2011 (theo Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới của Quỹ Tiền tệ quốc tế - IMF, Bản cập nhật tháng 7/2013) dưới tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu. Đà phục hồi vẫn yếu tại các nước phát triển mặc dù kinh tế Mỹ có một số tín hiệu tích cực từ thị trường lao động, thị trường nhà đất và Nhật Bản thực hiện tái thiết sau thảm họa năm 2011; trong khi đó, tăng trưởng cũng bắt đầu chậm lại tại các nền kinh tế đang phát triển do cầu nước ngoài tăng thấp. Lạm phát giảm trên các khu vực do sức cầu tăng thấp và giá hàng hóa thế giới giảm. Các nền kinh tế Đông Nam Á trở thành điểm sáng mới năm 2012.

Kinh tế Mỹ tăng 2,2%, cao hơn mức 1,7% của năm 2011 sau nhiều nỗ lực của chính phủ và ngân hàng trung ương (NHTW) trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Với những tín hiệu hồi phục khá vững từ thị trường bất động sản, đầu tư tư nhân đã diễn biến tích cực kéo theo tín dụng ngân hàng tăng cao hơn so với năm 2011 và là động lực chủ yếu của tăng trưởng kinh tế năm nay. Trong khi đó, tỷ lệ thất nghiệp cao, tháng 12/2012 ở mức 7,8% khiến tiêu dùng cá nhân chỉ tăng thấp. Năm 2012, trong điều kiện khả năng vay nợ giảm khi nợ công đã gần đạt mức trần quy định, chi tiêu chính phủ tiếp tục được cắt giảm mặc dù tốc độ giảm chậm hơn năm 2011 nhằm cải thiện vị thế ngân sách. Thâm hụt ngân sách năm tài khóa 2012 giảm nhẹ so với năm 2011 nhưng vẫn báo động, ước khoảng 8,5%GDP (theo IMF, 2013), gây lo ngại về khả năng duy trì mức nợ công hiện đã vượt 100%GDP. Lạm phát có xu hướng giảm mạnh từ mức 3% năm 2011 xuống 1,7% năm 2012.

Kinh tế khu vực đồng Euro giảm 0,6% sau khi tăng trưởng yếu 1,5% năm 2011. Hầu hết các nền kinh tế trong khu vực đều suy thoái, đáng kể nhất là Italia giảm 2,4%;

“

Kinh tế thế giới năm 2012 tiếp tục khó khăn dưới tác động của cuộc khủng hoảng nợ công châu Âu. Lạm phát giảm trên các khu vực.

Tây Ban Nha giảm 1,4%; Hy Lạp giảm 6,4% và Pháp tăng trưởng 0%. Nền kinh tế đầu tàu Đức mặc dù vẫn tăng trưởng dương nhưng cũng chỉ ở mức 0,9%, giảm mạnh so với mức 3,1% năm 2011 khi cầu bên ngoài từ Mỹ, châu Á và các nước châu Âu khác suy yếu. Lòng tin kinh doanh, lòng tin tiêu dùng giảm trong điều kiện tỷ lệ thất nghiệp tăng cao (tháng 12/2012 là 11,8%), cùng với việc hệ thống ngân hàng thắt chặt điều kiện cho vay trong bối cảnh căng thẳng tài chính và rủi ro tăng cao, dẫn đến tiêu dùng và đầu tư giảm mạnh trên toàn khu vực. Các biện pháp tài khóa khắc khổ tiếp tục được thực thi tại các nước khủng hoảng nên không thể hỗ trợ các hoạt động kinh tế, tuy nhiên cũng góp phần thu hẹp thâm hụt ngân sách, ước thâm hụt của toàn khu vực đồng Euro năm 2012 ở mức 3,5%GDP so với mức 4,2%GDP năm 2011. Lạm phát khu vực giảm từ 4,1% của năm 2011 xuống 2,2% năm 2012.

Kinh tế Nhật Bản tăng trưởng 1,9% năm 2012 sau khi giảm 0,6% năm 2011. Tuy nhiên, sự hồi phục này diễn ra không bền vững, tập trung chủ yếu trong quý đầu năm (quý I/2012 kinh tế tăng trưởng 1,4% so với quý trước, lũy kế năm đạt 4,7%) nhờ các hoạt động tái thiết sau thảm họa thiên nhiên năm 2011. Quý II và III/2012, tăng trưởng kinh tế liên tục suy giảm khiến Nhật Bản lại rơi vào suy thoái nhẹ; và quý IV/2012, tăng trưởng cũng chỉ ở mức 0% so với quý trước cho thấy nền kinh tế này vẫn chưa thể thoát khỏi tình trạng giảm phát và trì trệ kinh tế kéo dài hơn hai thập kỷ qua. Tỷ lệ thất nghiệp giảm so với năm 2011 nhưng vẫn ở mức cao, cuối năm 2012 là 4,3%. Thâm hụt ngân sách ở mức báo động, dự kiến 10,2%GDP năm 2012, tiếp tục làm trầm trọng vấn đề nợ công hiện đã lên đến 237,8%GDP. Tình trạng giảm phát tiếp tục dai dẳng, lạm phát cả năm ở mức -0,24%.

Các nước mới nổi và đang phát triển tăng trưởng chậm lại chủ yếu do xuất khẩu tăng thấp trong điều kiện kinh tế thế giới khó khăn, đồng thời đầu tư trong nước cũng bị tác động trể bởi các biện pháp thắt chặt vĩ mô kiểm chế lạm phát thực hiện từ năm 2011. Xu hướng này diễn ra rõ nét nhất tại hai đầu tàu kinh tế là Trung Quốc và Ấn Độ, tăng trưởng năm 2012 đều ở mức thấp nhất

trong nhiều năm trở lại đây, tương ứng là 7,8% và 3,2%. Nga và Brazil - hai thành viên thuộc khối BRIC - cũng đều tăng trưởng thấp, tương ứng ở mức 3,4% và 0,9%. Tuy nhiên, điểm sáng kinh tế năm 2012 lại tập trung tại khối ASEAN-4 gồm Indonesia, Malaysia, Thái Lan và Philippines. Tăng trưởng khả quan của cả đầu tư và tiêu dùng đã bù đắp được sự suy yếu của cầu từ bên ngoài, giúp các nền kinh tế này duy trì được mức tăng khá tương ứng là 6,2%, 5,6%, 6,4% và 6,6%. Lạm phát của các nước nhìn chung theo xu hướng giảm nhờ giá thế giới giảm và mức sản lượng thực tế được điều chỉnh về khá sát với mức tiềm năng, lạm phát bình quân khu vực đang phát triển châu Á ở mức 4,5% so với mức 6,4% năm 2011.

1.2. Điều hành chính sách tiền tệ của một số quốc gia

Chính sách tiền tệ được thực hiện theo hướng nói lỏng mạnh mẽ ở hầu hết các khu vực thông qua việc bơm tiền và cắt giảm mạnh lãi suất nhằm đối phó với tăng trưởng kinh tế suy giảm và ảnh hưởng tiêu cực từ khủng hoảng nợ công châu Âu.

Đối với các nước phát triển, các NHTW như Fed, BOJ, BOE, ECB,... tăng cường bơm tiền ra nền kinh tế và duy trì lãi suất điều hành ở mức thấp gần 0%, trong đó có ECB hạ lãi suất xuống mức thấp kỷ lục 0,75%/năm. Fed và ECB cũng đã đưa ra quyết định chưa từng có tiền lệ, Fed tuyên bố bơm tiền không hạn chế thông qua gói QE3 từ ngày 14/9/2012 nhằm thúc đẩy sự phục hồi kinh tế và ECB sẵn sàng “mọi thứ có thể để cứu đồng Euro” từ ngày 26/7/2012 trong bối cảnh thị trường tài chính căng thẳng khiến lo ngại khủng hoảng tài chính và nguy cơ sụp đổ đồng Euro gia tăng. Nhiều NHTW khác liên tục điều chỉnh giảm lãi suất điều hành, điển hình có Thụy Điển, Na Uy, Đan Mạch và Australia.

Đối với các nước mới nổi và đang phát triển, chính sách tiền tệ nói lỏng chủ yếu dựa trên việc tiếp tục cắt giảm lãi suất. Hai nền kinh tế lớn, Trung Quốc và Brazil, có mức điều chỉnh giảm mạnh nhất, trong đó Brazil bốn lần liên tục cắt giảm lãi suất, Trung Quốc hai lần cắt giảm lãi suất (lần đầu tiên kể từ năm 2008) và hai lần điều chỉnh giảm tỷ lệ dự trữ bắt buộc; áp dụng thử nghiệm hạ

“

Chính sách tiền tệ nói lỏng mạnh mẽ trên toàn cầu, đi kèm với các gói kích thích kinh tế tại một số quốc gia.

tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với gần 1.000 chi nhánh ngân hàng nông nghiệp (nhằm tăng mức cung tiền) và dự kiến tăng tỷ lệ dư nợ/huy động vốn cho một số ngân hàng lớn; nới lỏng kiểm soát đối với lãi suất cho vay của ngân hàng thương mại (NHTM). Tại một số nước như Brazil, Trung Quốc, các biện pháp nới lỏng tiền tệ còn được thực hiện song song với gói kích thích kinh tế của chính phủ.

2. Kinh tế Việt Nam



Kinh tế vĩ mô ổn định trên nhiều mặt nhưng tăng trưởng kinh tế chậm lại, sức tiêu thụ giảm, doanh nghiệp khó khăn.

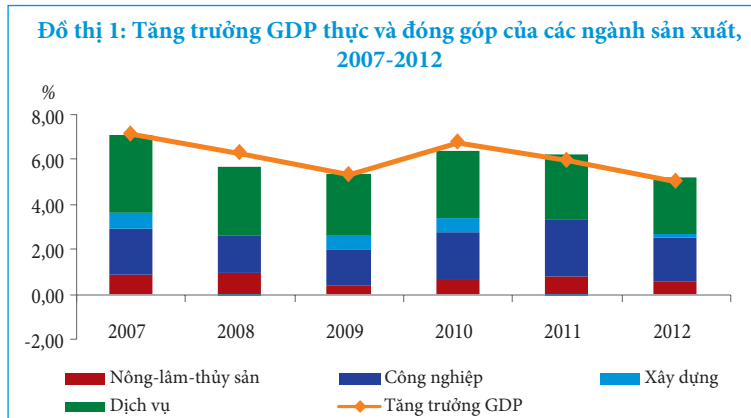
Bước sang năm 2012, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu tăng chậm lại, kinh tế Việt Nam tiếp tục giữ được sự ổn định. Lạm phát được kiểm chế, cán cân thanh toán thặng dư ở mức cao, thị trường tài chính tiền tệ ổn định, lãi suất giảm liên tục phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, tiền tệ, đặc biệt là diễn biến lạm phát. Tỷ giá ổn định, dự trữ ngoại hối Nhà nước tăng cao. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế chậm lại, sản xuất kinh doanh vẫn còn khó khăn, hàng tồn kho tăng cao, sức mua của thị trường giảm. Thực hiện Nghị quyết số 13/NQ-CP ngày 10/5/2012 (Nghị quyết 13) của Chính phủ, các Bộ, ngành trong đó có Ngân hàng Nhà nước đã triển khai đồng bộ các giải pháp nhằm tập trung tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh gắn với hỗ trợ phát triển thị trường nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội như chỉ đạo tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 03/01/2012 (Nghị quyết 01).

2.1. Tăng trưởng kinh tế

Tăng trưởng kinh tế năm 2012 chậm lại ở mức 5,25% (tính theo giá so sánh năm 2010) phù hợp với việc điều hành chặt chẽ các chính sách kinh tế vĩ mô để kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, bảo đảm an sinh xã hội.

Theo ngành kinh tế, tăng trưởng GDP thấp hơn so với các năm trước ở hầu hết các ngành

Ngành Nông-lâm-thủy sản có tốc độ tăng chỉ đạt 1,69%, thấp hơn mức 3,02% của năm 2011 chủ yếu do lĩnh vực nông nghiệp có tốc độ tăng chậm lại trong bối cảnh kinh tế khó khăn, diễn biến thời tiết khắc nghiệt và nguồn vốn đầu tư hạn hẹp.



Nguồn: Tổng cục Thống kê, tính toán của NHNN

Ngành Công nghiệp có tốc độ tăng 5,75% năm 2012, giảm nhẹ so với mức tăng của năm 2011. Công nghiệp chế biến năm nay gặp nhiều khó khăn do cầu trong nước suy giảm. Tốc độ tăng trưởng chỉ ở mức 5,8%, bằng ½ tốc độ 11% của năm 2011; chỉ số tồn kho tăng cao, thời điểm 01/01/2012 tăng 20,14% so với cùng kỳ năm 2011.

Ngành Xây dựng tăng nhẹ 3,3%, sau khi tăng trưởng âm gần -0,6% năm 2011. Mặc dù thị trường bất động sản vẫn trầm lắng, sức tiêu thụ trên thị trường giảm đáng kể nhưng nhờ các giải pháp chính sách vĩ mô được triển khai mạnh mẽ theo tinh thần Nghị quyết 13 như đưa một số nhu cầu vay vốn trong lĩnh vực bất động sản ra khỏi danh mục tín dụng không khuyến khích, chỉ đạo đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư từ nguồn trái phiếu Chính phủ nên các hoạt động xây dựng đã chuyển từ giảm sang tăng nhẹ trong 6 tháng cuối năm.

Khu vực Dịch vụ cũng tăng chậm lại trong bối cảnh chung, tăng 5,9% so với mức 6,83% của năm 2011 trong đó những ngành dịch vụ chính như thương nghiệp, nhà hàng khách sạn, các hoạt động liên quan đến kinh doanh tài sản và dịch vụ tư vấn đều tăng thấp.

Về bên cầu, tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu đều tăng cao hơn năm 2011, tuy nhiên kéo theo nhập khẩu cũng tăng nhanh hơn năm 2011.

Tiêu dùng cuối cùng tăng 5,1%, cao hơn mức 4,4% của năm 2011. Tiêu dùng cuối cùng hồi phục nhẹ phản ánh tác động tích cực của việc kiểm chế lạm phát, nâng cao sức mua thực tế cho người tiêu dùng. Bên cạnh đó,

tiền lương tối thiểu được điều chỉnh tăng từ 48,1-68,7% cho khối doanh nghiệp từ 01/10/2011 và tăng 26,5% cho công chức từ 01/5/2012 cũng góp phần tích cực cải thiện tiêu dùng trong điều kiện thị trường lao động khó khăn, tình trạng doanh nghiệp giải thể, phá sản gia tăng.

Tổng tích lũy tài sản tăng nhẹ 2,4% sau khi giảm 6,8% trong năm 2011, nhờ những nỗ lực của Chính phủ trong việc thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2012, ứng trước 30.000 tỷ đồng vốn ngân sách trung ương kế hoạch 2013 và vốn trái phiếu Chính phủ giai đoạn 2013-2015 cho các dự án hoàn thành năm 2012 và 6 tháng đầu năm 2013. Tuy nhiên, đầu tư hồi phục nhẹ cũng một phần do hàng tồn kho tăng cao nên tích lũy tài sản lưu động tăng cao 7,2% (năm 2011: 3,6%).

Xuất khẩu tăng 15,7%, cao hơn mức 10,8% năm 2011, là diễn biến tích cực trong bối cảnh kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn. Nhóm hàng Điện tử, máy tính và linh kiện; Điện thoại và các loại linh kiện; Dệt may, Giày dép... đóng góp chủ yếu vào động lực tăng xuất khẩu năm 2012, cho thấy năng lực cạnh tranh của hàng Việt Nam đã có sự cải thiện tích cực, cơ cấu xuất khẩu đa dạng hơn. Tuy nhiên, do đây là các mặt hàng gia công nên cũng kéo theo nhập khẩu nguyên vật liệu tăng cao.

Nhập khẩu tăng 9,1%, cao hơn so với mức 4,1% của năm 2011. Tương ứng với xuất khẩu hàng điện tử, linh kiện, máy tính, điện thoại, dệt may... tăng cao, nhập khẩu các nhóm hàng linh kiện điện tử, điện thoại, bông... cũng tăng đáng kể.

2.2. Lao động, thu nhập

Thị trường lao động năm 2012 diễn ra trầm lắng trong bối cảnh hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp gặp khó khăn. Lực lượng lao động là 52,58 triệu người, tăng 2,3% so với năm 2011. Tỷ lệ thất nghiệp cả nước năm 2012 ở mức 1,96%, trong đó thành thị là 3,21%, khu vực nông thôn là 1,19% thấp hơn các mức tương ứng 2,22%, 3,6%, 1,6% của năm 2011. Tỷ lệ thiếu việc làm cả nước năm 2012 là 2,74%, trong đó thành thị là 1,56%, nông thôn là 3,27%, giảm so với các mức tương



Thị trường lao động trầm lắng. GDP bình quân đầu người năm 2012 đạt 1.749 USD.

ứng 2,96%, 1,58% và 3,56% của năm 2011. Kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn nhưng do hệ thống an sinh xã hội chưa phát triển nên người lao động vẫn chấp nhận làm những công việc trong khu vực phi chính thức với mức thu nhập thấp và bấp bênh dẫn đến tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm không biến động nhiều. Số lượng lao động xuất khẩu của Việt Nam năm 2012 khoảng 80 nghìn lao động, đạt 90% kế hoạch và giảm 9,4% so với thực hiện năm 2011.

GDP bình quân đầu người năm 2012 đạt 1.749 USD, tăng so với mức 1.517 USD của năm 2011. Tiếp tục thực hiện lộ trình Đề án cải cách tiền lương, tiền lương tối thiểu của lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước và doanh nghiệp nhà nước được điều chỉnh tăng từ mức 830 nghìn đồng/tháng năm 2011 lên mức 1.050 nghìn đồng/tháng, tương đương với mức tăng 26,5%, cao hơn so với mức 13,7% của năm 2011.

2.3. Diễn biến lạm phát

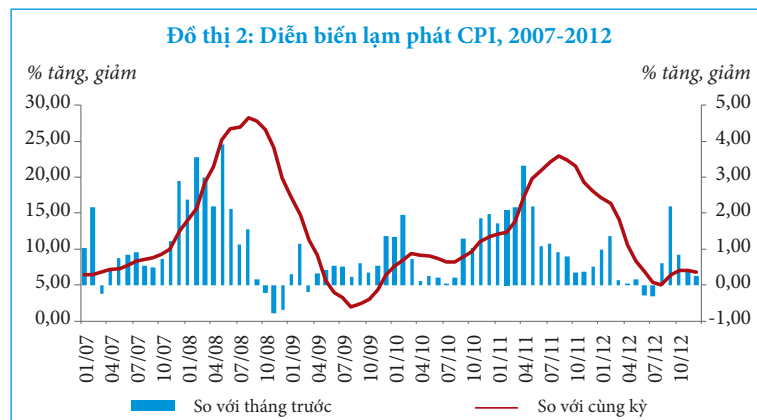
Lạm phát tiếp tục xu hướng giảm từ mức 18,13% cuối năm 2011 xuống 6,81% cuối năm 2012, lạm phát bình quân là 9,21%, giảm so với mức 18,58% năm 2011. Xu hướng tăng chậm lại của lạm phát diễn ra đều đặn từ mức đỉnh 23,02% vào tháng 8/2011 xuống chỉ còn 5,04% vào tháng 8/2012. Từ tháng 9/2012, lạm phát chung có xu hướng tăng trở lại do nhiều địa phương thực hiện điều chỉnh tăng mạnh giá dịch vụ y tế theo Thông tư liên tịch số 04/2012/TTLT-BYT-BTC ngày 29/02/2012 của liên Bộ Y tế - Tài chính về Ban hành mức tối đa khung giá một số dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước; mặt khác học phí giáo dục cũng được điều chỉnh tăng mạnh tại các địa phương theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Chính phủ. Tuy nhiên, tác động tăng lạm phát của việc tăng giá các dịch vụ này chỉ diễn ra tạm thời, đến cuối năm lạm phát vẫn trong tầm kiểm soát là 6,81%.

Lạm phát năm 2012 thấp hơn hẳn so với năm trước chủ yếu do giá hàng ăn và dịch vụ ăn uống (chiếm quyền số 39,93% trong rổ hàng hóa dịch vụ tính CPI) tăng thấp,

“

Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng chậm lại đáng kể so với năm 2011 do sức ép từ cả bên cung và bên cầu đều giảm.

cuối năm 2012 tăng 1,01% so với cuối năm 2011, trong khi năm 2011 tăng cao 24,8%. Ngoài nhóm hàng lương thực thực phẩm, có đến 09 nhóm hàng còn lại (trong tổng số 11 nhóm hàng) của rổ hàng hóa CPI đều tăng giá chậm hoặc giảm, góp phần làm lạm phát năm 2012 tăng chậm lại. Đây là kết quả của nhiều tác động: *(i)* Giá thế giới có xu hướng giảm khiến chỉ số giá nhập khẩu năm 2012 giảm 0,33%, trong khi năm 2011 chỉ số này tăng 20,18%; *(ii)* Sức ép bên cầu giảm mạnh; *(iii)* Kỳ vọng lạm phát giảm đáng kể so với năm 2011 nhờ áp lực lạm phát giảm khá bền vững từ quý III/2011, giá nhiều mặt hàng thiết yếu như xăng dầu và các nguyên vật liệu đầu vào của sản xuất, lương thực thực phẩm,... tăng thấp hơn năm 2011 theo xu hướng giảm chung của giá thế giới và trong nước; *(iv)* Tỷ giá VND/USD được giữ ổn định giúp ổn định chi phí nhập khẩu cho doanh nghiệp và kiểm soát kỳ vọng lạm phát.



Nguồn: Tổng cục Thống kê

2.4. Thu chi ngân sách Nhà nước

Bộ chi ngân sách Nhà nước (NSNN) năm 2012 ở mức 4,8%GDP, bằng kế hoạch và xấp xỉ mức 4,9%GDP của năm 2011, trong đó tổng thu NSNN và viện trợ tăng thấp hơn năm 2011 kéo theo chi NSNN cũng đạt thấp.

Tổng thu ngân sách năm 2012 tăng 5,3% (đạt khoảng 25,1%GDP) thấp hơn đáng kể so với mức tăng 19,7% năm 2011 (31%GDP); trong đó cả thu nội địa và thu từ dầu thô tăng thấp hơn năm 2011, thu từ hoạt động xuất nhập khẩu và thu viện trợ giảm. Có thể nói kinh tế khó khăn đã ảnh hưởng đáng kể đến thu NSNN, nhất là thu nội địa và thu từ hoạt động xuất nhập khẩu. Việc thực



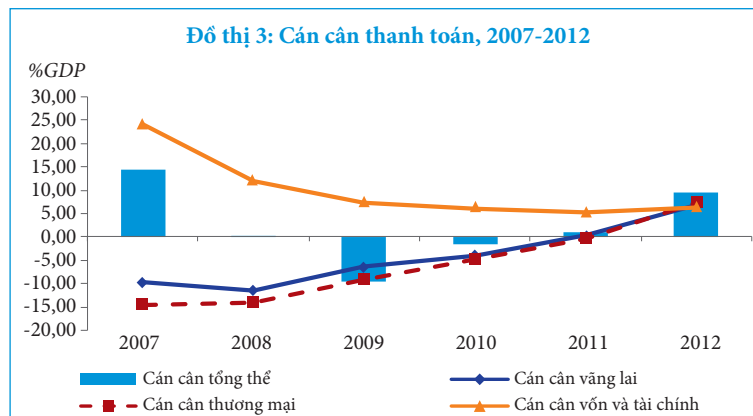
Thu chi ngân sách Nhà nước đều tăng thấp hơn năm 2011 trong điều kiện kinh tế khó khăn, Chính phủ thực hiện các chính sách miễn, giảm, giãn các loại thuế để hỗ trợ doanh nghiệp. Bộ chi ngân sách ở mức 4,8%GDP.

hiện chính sách miễn, giảm và giãn các loại thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; doanh số nhập khẩu chỉ tăng thấp, đặc biệt là những mặt hàng có thuế suất cao; hoạt động đấu giá quyền sử dụng đất và giá đất giảm mạnh do thị trường bất động sản trầm lắng đã tác động tiêu cực đến thu NSNN năm 2012. Bên cạnh đó, giá dầu thế giới tăng thấp cũng ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn thu từ xuất khẩu dầu thô.

Tổng chi NSNN (không tính chi chuyển nguồn) tăng 12,5% (đạt 30,7%GDP), chậm hơn mức tăng 23,8% của năm 2011 (35,3%GDP) với các khoản chi chính đều tăng thấp hoặc giảm so với năm 2011, trong đó chi đầu tư phát triển giảm 3,3% (6,4%GDP) trong khi năm 2011 tăng 5,8% (8,5%GDP), chi thường xuyên tăng 18,9% (22,0%GDP) trong khi năm 2011 tăng 35,5% (24,0%GDP). Nguồn thu tăng thấp là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến hoạt động chi NSNN năm 2012. Ngoài ra, việc chuyển hướng chính sách tài khóa từ thắt chặt trong năm 2011 sang hỗ trợ tăng trưởng kinh tế năm 2012 không thể thực hiện ngay lập tức mà đòi hỏi phải có thời gian để thực hiện các khâu như quyết định dự án, tiến hành giải ngân,... Tất cả những yếu tố này đã ảnh hưởng đến hoạt động chi NSNN năm nay.

2.5. Cán cân thanh toán

Cán cân thanh toán năm 2012 thặng dư kỷ lục 11,87 tỷ USD so với mức 1,15 tỷ USD năm 2011, trong đó đóng góp lớn nhất là từ thặng dư cán cân vãng lai, đặc biệt là cán cân thương mại, bên cạnh mức thặng dư cao của cán



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

“

Cán cân thanh toán tổng thể đạt mức thặng dư kỷ lục 11,87 tỷ USD, gấp hơn 10 lần mức thặng dư của năm 2011, chủ yếu do cán cân vãng lai thặng dư kỷ lục, cán cân vốn duy trì mức thặng dư khá.

cân vốn và tài chính. Ngoài ra, cán cân thanh toán thặng dư cao cũng có phần tích cực từ kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô và hạn chế tình trạng đôla hóa, giúp tình trạng găm giữ ngoại tệ giảm mạnh, hệ thống ngân hàng mua được lượng lớn ngoại tệ từ nền kinh tế, qua đó tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước.

Cán cân vãng lai thặng dư kỷ lục trong đó cán cân thương mại lần đầu tiên thặng dư cao

Cán cân vãng lai chuyển sang thặng dư mạnh 9,06 tỷ USD, tương đương 6,6% GDP chủ yếu nhờ cán cân thương mại thặng dư cao ở mức lịch sử, và cán cân chuyển tiền vẫn thặng dư khá. *Cán cân thương mại* năm 2012 thặng dư 9,9 tỷ USD sau 10 năm liên tục thâm hụt. Trong đó, xuất khẩu tăng cao về lượng; nhập khẩu chỉ tăng nhẹ do hoạt động sản xuất kinh doanh trong nước gặp nhiều khó khăn, hàng tồn kho tăng nên nhu cầu nhập khẩu nguyên liệu cho sản xuất giảm. *Cán cân dịch vụ* và *Cán cân thu nhập từ đầu tư* tiếp tục thâm hụt theo xu hướng của những năm trước, lần lượt là -2,9 tỷ USD và -6,1 tỷ USD. Thực trạng khó khăn chung của kinh tế thế giới, khách du lịch đến Việt Nam tăng chậm và giá cước vận tải giảm mạnh tác động không thuận lợi lên thu dịch vụ năm 2012. Trong khi đó, lãi suất thế giới ở mức thấp khiến thu từ đầu tư giảm khá mạnh, đồng thời chi trả cổ tức của doanh nghiệp FDI tiếp tục tăng cao do doanh thu xuất khẩu khả quan là những nguyên nhân làm tăng mức thâm hụt của Cán cân thu nhập từ đầu tư trong năm 2012. *Cán cân chuyển tiền* thặng dư 8,2 tỷ USD, giảm 5,6% so với năm 2011 trong điều kiện kinh tế thế giới khó khăn, tình trạng thất nghiệp ở mức cao tại nhiều nước phát triển ảnh hưởng không thuận lợi đến thu nhập của người lao động tại nước ngoài; tuy vậy, đây vẫn là mức thặng dư khá cao. Trong tổng mức chuyển tiền ròng, chuyển tiền ròng của khu vực tư nhân đạt 7,9 tỷ USD, giảm 5% so với năm 2011, chuyển tiền của khu vực chính phủ đạt 300 triệu USD, giảm 16,4% so với năm 2011.

Cán cân vốn tài chính tiếp tục thặng dư khá, cơ cấu cán cân vốn duy trì tích cực

Trong bối cảnh kinh tế ảm đạm tại các nước phát triển, các luồng vốn có xu hướng đổ vào các nước mới

nổi và đang phát triển trong đó có Việt Nam, đặc biệt là sau khi chính phủ Việt Nam thành công trong việc ổn định kinh tế vĩ mô và bày tỏ quyết tâm tái cấu trúc nền kinh tế. Cán cân vốn và tài chính thặng dư 8,33 tỷ USD, tăng 28,2% so với năm trước trong đó thặng dư ở hầu hết các hạng mục. *Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài* ròng thặng dư 7,2 tỷ USD, tăng 9,1% so với năm 2011, trong đó, FDI của nước ngoài vào Việt Nam đạt 8,37 tỷ USD, tăng 11,3%, FDI của Việt Nam ra nước ngoài đạt 1,2 tỷ USD, tăng 26,3% so với năm 2011. *Vay nước ngoài trung và dài hạn* thặng dư ở mức cao là 3,9 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2011 nhờ Việt Nam tiếp tục nhận được nguồn vốn ODA và các doanh nghiệp tăng cường giải ngân các nguồn vốn dài hạn nước ngoài. *Vay nợ nước ngoài ngắn hạn* ròng thặng dư 1,3 tỷ USD, giảm 19,1% so với năm 2011. *Vốn đầu tư gián tiếp* phục hồi và thặng dư ở mức 2 tỷ USD, tăng 36,3% so với năm 2011. *Đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi* thâm hụt 6 tỷ USD, giảm 6,2% so với năm 2011; trong đó đầu tư dưới dạng tiền và tiền gửi của hệ thống ngân hàng thặng dư 107 triệu USD, giảm 76% so với năm 2011, tiền và tiền gửi của khu vực khác thâm hụt 6,15 tỷ USD, giảm 10,7% so với mức thâm hụt 6,88 tỷ USD của năm 2011.

Cơ cấu cán cân vốn tiếp tục được duy trì tích cực, theo đó các luồng vốn ổn định dài hạn như FDI, vay trung dài hạn vẫn thặng dư cao và chiếm tỷ trọng đáng kể, gấp hơn 3 lần tổng các luồng vốn ngắn hạn (gồm vay ngắn hạn, đầu tư gián tiếp, tiền và tiền gửi). Không những vậy, dòng vốn FDI có sự chuyển dịch đáng khích lệ sang lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo (chiếm gần 70% tổng vốn đăng ký), vốn đầu tư vào lĩnh vực kinh doanh bất động sản giảm dần (chỉ chiếm 14,2% tổng vốn đăng ký). Diễn biến tích cực của cán cân vốn và tài chính năm 2012 cho thấy các giải pháp vĩ mô của chính phủ nhằm kiểm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô đã thành công trong việc thúc đẩy lòng tin của nhà đầu tư về triển vọng phát triển bền vững của kinh tế Việt Nam. Điều này thể hiện không chỉ qua việc các nhà đầu tư nước ngoài tích cực mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường chứng khoán Việt Nam cả trên thị trường tập trung và thị

trường phi tập trung với tổng giá trị mua ròng là 1,35 tỷ USD mà còn ở sự thành công của một số doanh nghiệp Việt Nam trong việc phát hành trái phiếu trên thị trường quốc tế (tập đoàn Vingroup và Ngân hàng Công thương phát hành trái phiếu quốc tế trị giá lần lượt là 300 triệu USD và 250 triệu USD).

2.6. Diễn biến tài chính tiền tệ

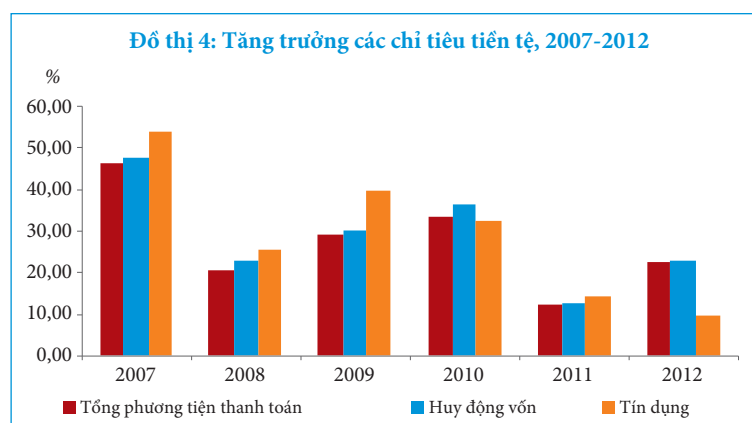
Diễn biến tiền tệ

Đà tăng của Tổng phương tiện thanh toán phục hồi trong bối cảnh lòng tin vào hệ thống ngân hàng gia tăng, tình trạng đôla hóa giảm mạnh, các kênh đầu tư khác ảm đạm.

“

Tổng phương tiện thanh toán và huy động vốn tăng trở lại trong khi đầu tư cho nền kinh tế có mức tăng thấp so với nhiều năm trở lại đây.

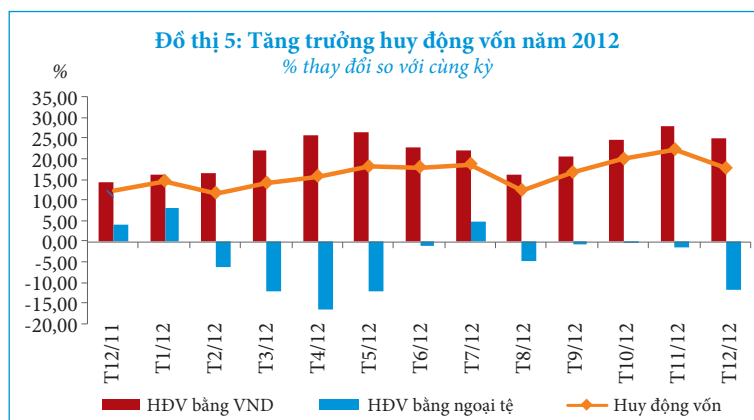
Tổng phương tiện thanh toán năm 2012 tăng 18,5% cao hơn mức 12,1% của năm 2011 nhưng vẫn thấp hơn đáng kể so với nhiều năm trước. Tổng phương tiện thanh toán tăng trở lại chủ yếu do NHNN mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước trong bối cảnh kinh tế vĩ mô ổn định, các giải pháp kiểm chế đôla hóa phát huy tác dụng.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Huy động vốn của hệ thống ngân hàng tăng cao, tình trạng đôla hóa giảm mạnh

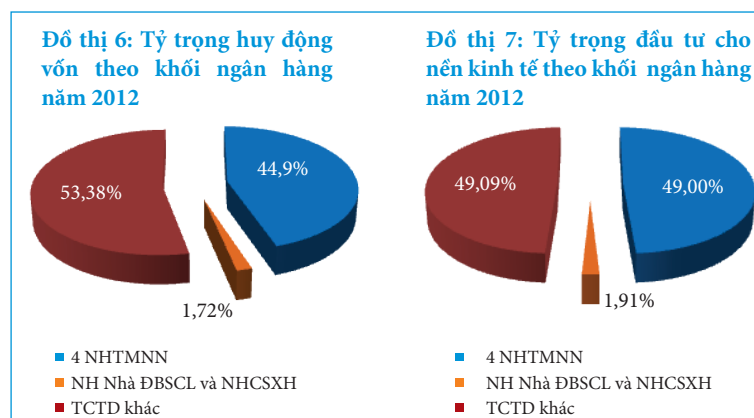
Huy động vốn tăng 17,9% trong năm 2012, cao hơn đáng kể so với mức 12,4% năm 2011 cho thấy kênh đầu tư gửi tiền tại hệ thống ngân hàng là khá hấp dẫn trong năm 2012. Mặc dù lãi suất danh nghĩa VND được điều chỉnh giảm nhưng do lạm phát cũng đã giảm mạnh nên vẫn bảo đảm lãi suất thực dương cho người gửi tiền, đặc



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

biệt trong điều kiện các kênh đầu tư khác như bất động sản, chứng khoán, vàng,... ảm đạm. Bên cạnh đó, chênh lệch lãi suất VND và lãi suất ngoại tệ được duy trì hợp lý kết hợp với các biện pháp chống ðòla hóa khác như thu hẹp đối tượng được vay ngoại tệ, duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi ngoại tệ cao hơn đối với tiền gửi VND, ổn định tỷ giá... đã giúp giảm mạnh tình trạng ðòla hóa, thể hiện rõ rệt qua cơ cấu đồng tiền huy động năm 2012. Đến cuối năm 2012, huy động vốn VND tăng 25,1% so với cuối năm 2011, cao hơn mức tăng 14,6% của năm 2011 trong khi huy động vốn ngoại tệ giảm 11,8%, kéo tỷ trọng vốn huy động ngoại tệ trong tổng huy động vốn giảm từ mức 19,5% cuối năm 2011 xuống 14,6% cuối năm 2012 và là mức thấp nhất từ trước đến nay.

Thị phần huy động vốn diễn biến theo hướng tỷ trọng huy động vốn của nhóm NHTM nhà nước giảm nhẹ, thị phần của nhóm tổ chức tín dụng khác (gồm NHTM cổ phần, TCTD phi ngân hàng, Quỹ Tín dụng nhân dân,



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

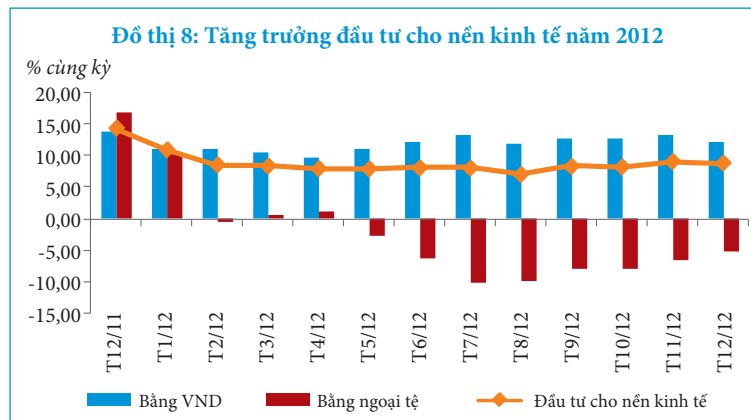
NHTM 100% vốn nước ngoài, NHTM liên doanh, chi nhánh ngân hàng nước ngoài) tăng nhẹ. Cụ thể: Huy động vốn của nhóm NHTM Nhà nước (không bao gồm cả Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội) chiếm tỷ trọng 44,9% tổng mức huy động vốn toàn hệ thống; Ngân hàng Nhà Đồng bằng sông Cửu Long và Ngân hàng Chính sách xã hội chiếm 1,72%; nhóm các TCTD khác chiếm 53,38%.

Đầu tư cho nền kinh tế tăng thấp nhưng được bù đắp bằng việc TCTD đầu tư vào trái phiếu Chính phủ

Sức cầu của nền kinh tế chậm lại đáng kể, tình trạng tồn kho tăng mạnh đã gây ra nhiều khó khăn cho hoạt động tín dụng ngân hàng năm 2012. Doanh nghiệp khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm và triển vọng kinh doanh kém khả quan đã làm giảm khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế. Đồng thời, rủi ro nợ xấu gia tăng do tình hình tài chính của doanh nghiệp suy yếu và giá trị tài sản đảm bảo có xu hướng giảm vì sự trầm lắng của thị trường bất động sản đã khiến nhiều doanh nghiệp không đáp ứng được các điều kiện vay vốn tại ngân hàng, các NHTM thận trọng hơn trong việc cho vay nhằm hạn chế rủi ro, đảm bảo an toàn vốn. Năm 2012, đầu tư cho nền kinh tế tăng 8,8%, thấp hơn nhiều so với mức tăng 14,3% năm 2011. Tuy là mức tăng thấp nhất từ trước đến nay nhưng đầu tư đã được tập trung vào các lĩnh vực ổn định, rủi ro thấp như nông nghiệp, nông thôn và xuất khẩu. Đây là những lĩnh vực tăng trưởng khá tốt trong năm 2012 so với toàn nền kinh tế. Ngược lại, đầu tư vào những ngành có rủi ro cao tăng chậm lại. Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế theo đồng tiền đến cuối năm 2012 cũng đã có chuyển biến tích cực phù hợp với chủ trương giảm dần tình trạng đôla hóa, chuyển từ quan hệ tiền gửi - cho vay sang quan hệ mua - bán ngoại tệ. Tỷ trọng dư nợ đầu tư ngoại tệ trên tổng dư nợ cuối năm 2012 giảm xuống mức 17,5% so với mức 20,0% vào cuối năm 2011 nhờ đầu tư bằng ngoại tệ giảm để phần nào chuyển dịch sang đầu tư bằng VND.

Cơ cấu đầu tư cho nền kinh tế có xu hướng tăng nhẹ đối với khối NHTM Nhà nước và giảm nhẹ đối với khối

TCTD khác: Dư nợ đầu tư của nhóm các NHTM Nhà nước (không bao gồm Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long) đến cuối năm 2012 chiếm 49,0% tổng dư nợ đầu tư toàn nền kinh tế (năm 2011: 50,03%). Dư nợ đầu tư của Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Nhà Đồng bằng Sông Cửu Long chiếm 1,91% (năm 2011: 1,59%). Dư nợ đầu tư của nhóm các TCTD khác chiếm 49,09% (năm 2011: 50,6%).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong điều kiện huy động vốn tăng khá cao nhưng tín dụng chỉ tăng thấp, các TCTD có xu hướng tăng cường đầu tư vào những tài sản phi rủi ro, trong đó có trái phiếu Chính phủ và tín phiếu Kho bạc. Cho vay Chính phủ (ròng) của hệ thống ngân hàng năm 2012 tăng đáng kể 40,2% so với mức 8,6% của năm 2011. Tính đến cuối năm 2012, tỷ trọng dư nợ cho vay Chính phủ trong tổng Tài sản có của hệ thống các TCTD tăng lên mức 6,9% từ mức 5,1% cuối năm 2011, chủ yếu dưới dạng đầu tư vào trái phiếu và giấy tờ có giá (GTCC) của Chính phủ.

Diễn biến lãi suất

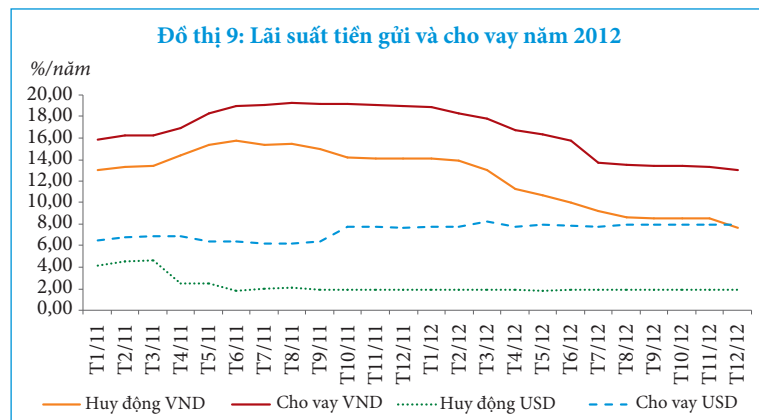
Lãi suất đồng Việt Nam

Lãi suất huy động và cho vay VND giảm mạnh trong năm 2012 phù hợp với xu hướng điều hành lãi suất của NHNN trong điều kiện lạm phát giảm bền vững, thanh khoản của hệ thống ngân hàng dồi dào, qua đó góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường theo Nghị quyết số 01 và Nghị quyết số 13 của Chính phủ. Trong năm 2012, lãi suất huy động giảm

“

Lãi suất VND giảm mạnh và liên tục, lãi suất USD tương đối ổn định.

3-7%/năm, lãi suất cho vay giảm khoảng 6-9%/năm và đã giảm về mức lãi suất của năm 2007 là thời kỳ trước khủng hoảng tài chính toàn cầu. Đáng chú ý, từ ngày 11/6/2012, NHNN cho phép các TCTD tự ấn định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên trên cơ sở cung-cầu vốn thị trường. Đến cuối năm 2012, lãi suất huy động phổ biến đối với tiền gửi không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 1 tháng là 1-2%/năm; kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng là 7,8-8%/năm, hầu hết các NHTM đều thực hiện nghiêm túc trần lãi suất huy động, thậm chí nhiều NHTM còn niêm yết lãi suất thấp hơn mức trần quy định của NHNN do thanh khoản tương đối dồi dào; lãi suất huy động kỳ hạn từ 12 tháng trở lên khoảng 10-11,5%/năm. Lãi suất cho vay sản xuất kinh doanh thông thường ở mức 12-15%/năm, trong đó lãi suất cho vay đối với khách hàng tốt chỉ từ 9-11%/năm.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Lãi suất Đôla Mỹ

Lãi suất USD không biến động nhiều, trong đó lãi suất huy động USD tương đối ổn định, lãi suất cho vay USD giảm nhẹ trong những tháng cuối năm. Lãi suất huy động USD phù hợp với mức trần quy định của NHNN, đến thời điểm cuối năm 2012, phổ biến ở mức 1,8-2%/năm đối với tiền gửi của dân cư và 0,5%/năm đối với tiền gửi của tổ chức. Phù hợp với định hướng giảm lãi suất của NHNN và lãi suất VND, lãi suất cho vay USD cũng có xu hướng giảm nhẹ khoảng 0,5-1%/năm và phổ biến ở mức 5-7%/năm đối với ngắn hạn và 6-8,5%/năm đối với trung và dài hạn.



Thị trường tiền tệ liên ngân hàng

Quy mô giao dịch giảm

Năm 2012, tổng doanh số cho vay, gửi tiền giữa các TCTD trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 5.899 nghìn tỷ đồng, giảm 997 nghìn tỷ đồng (tương đương 17%) so với năm 2011, trong đó chủ yếu giảm mạnh trong những tháng cuối năm sau khi NHNN quy định chặt chẽ hơn hoạt động cho vay, gửi tiền trên thị trường liên ngân hàng tại Thông tư số 21/2012/TT-NHNN khiến TCTD thận trọng hơn trong giao dịch liên ngân hàng. Bên cạnh đó, tình hình vốn khả dụng bằng VND của nhiều TCTD trong thời điểm cuối quý II, đầu quý IV/2012 tiếp tục dư thừa nên cũng làm giảm nhu cầu giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, đồng thời góp phần đẩy lãi suất giao dịch bình quân toàn thị trường giảm liên tục. Trong khi quy mô giao dịch bằng VND giảm thì tổng doanh số giao dịch liên ngân hàng bằng USD quy đổi VND đạt 4.128 nghìn tỷ đồng, tăng 561 nghìn tỷ đồng, tương đương tăng 13,5% so với năm 2011.

Xét theo kỳ hạn, các giao dịch trên thị trường liên ngân hàng năm 2012 phát sinh chủ yếu ở các kỳ hạn dưới 1 tháng, đặc biệt là kỳ hạn qua đêm. Doanh số giao dịch qua đêm bằng VND cả năm đạt 2.407 nghìn tỷ đồng và bằng USD quy đổi VND đạt 1.895 nghìn tỷ đồng, lần lượt bằng 40% và 46% so với tổng doanh số giao dịch cả năm 2011.

Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh

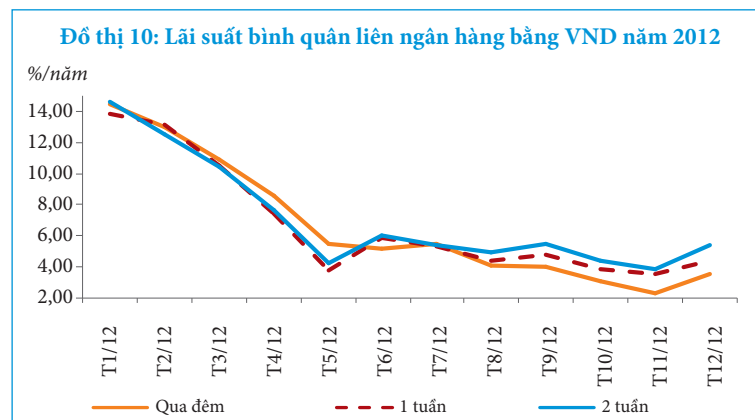
Quý I/2012, lãi suất giao dịch bình quân VND trên thị trường liên ngân hàng vẫn còn ở mức cao so với giai đoạn cuối năm 2011. Lãi suất bình quân qua đêm dao động từ 10,94% đến 14,50%/năm, lãi suất bình quân các kỳ hạn khác cũng có sự gia tăng so với thời điểm cuối năm 2011. Tuy nhiên, từ quý II, lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh và xu hướng giảm tiếp diễn đến tháng 11. Mặc dù trong tháng 12 lãi suất bình quân các kỳ hạn chuyển sang tăng nhẹ do tính chất mùa vụ trong thời điểm giáp Tết nhưng mức lãi suất bình quân thời điểm cuối năm 2012 vẫn giảm mạnh so với đầu năm, lãi suất kỳ hạn qua



Trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, quy mô giao dịch và lãi suất đều giảm.

đem giảm từ 14,5%/năm (tháng 1) xuống còn 3,54%/năm (tháng 12). Xu hướng giảm lãi suất bình quân liên ngân hàng các kỳ hạn trong năm 2012 phản ánh sự dồi dào vốn khả dụng của hệ thống ngân hàng.

Lãi suất giao dịch bình quân liên ngân hàng bằng USD cũng có xu hướng giảm dần qua các tháng. Lãi suất bình quân qua đêm giảm từ 0,75%/năm vào tháng 1 xuống còn 0,25%/năm trong tháng 12, kỳ hạn 1 tháng từ 1,91%/năm xuống còn 0,69%/năm. Lãi suất bình quân các kỳ hạn khác cũng giảm đáng kể so với đầu năm, riêng đối với kỳ hạn 12 tháng, lãi suất giao dịch bình quân các tháng khá ổn định và không có nhiều biến động.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hoạt động mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá

Năm 2012, doanh số mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường liên ngân hàng bằng VND đạt 63.402 tỷ đồng, bằng USD quy đổi ra VND đạt 8.748 tỷ đồng. Mặc dù doanh số mua có kỳ hạn GTCG giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường liên ngân hàng chỉ chiếm một tỷ trọng nhỏ so với hoạt động cho vay, gửi tiền (1,08% đối với VND và 0,2% đối với USD), số lượng thành viên tham gia hoạt động này cũng chưa nhiều nhưng hoạt động mua, bán có kỳ hạn đang ngày càng trở nên phổ biến, góp phần đa dạng hóa hoạt động của các TCTD trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng, nâng cao hiệu quả của thị trường. Về lãi suất, trong năm 2012, nhìn chung diễn biến lãi suất mua có kỳ hạn GTCG trên thị trường liên ngân hàng cũng cùng xu hướng với lãi suất cho vay, gửi tiền trên thị trường.

Thay đổi trong quản lý thị trường liên ngân hàng

Để nâng cao tính công khai, minh bạch và đảm bảo thị trường tiền tệ liên ngân hàng hoạt động hiệu quả, an toàn và hướng tới các chuẩn mực quốc tế, năm 2012, NHNN đã ban hành Thông tư số 21/2012/TT-NHNN ngày 18/6/2012 (Thông tư 21) quy định hoạt động cho vay, đi vay, mua, bán có kỳ hạn GTCG giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thay thế Quy chế vay vốn giữa các TCTD ban hành kèm theo Quyết định số 1310/2001/QĐ-NHNN. Sự ra đời của Thông tư 21 với các quy định chặt chẽ hơn về hoạt động của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên thị trường liên ngân hàng như điều kiện vay vốn trên thị trường, nguyên tắc cho vay, đi vay, thời hạn giao dịch, lãi suất giao dịch, hình thức thanh toán, dự phòng rủi ro... đã có những tác động tích cực đối với thị trường liên ngân hàng, góp phần làm giảm mặt bằng lãi suất trên thị trường, giúp thị trường hoạt động quy củ, an toàn và lành mạnh hơn, giảm thiểu tình trạng nợ xấu và tránh xảy ra rủi ro mang tính chất dây chuyền đối với toàn hệ thống ngân hàng, đồng thời giúp tăng cường sự quản lý, giám sát của NHNN đối với hoạt động thị trường.

Bên cạnh đó, trong năm 2012, NHNN cũng đã cải thiện công tác thu thập thông tin thị trường, nâng cao chất lượng, tính cập nhật của thông tin thị trường liên ngân hàng cũng như theo dõi sát sao hoạt động trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng của từng thành viên làm cơ sở cho việc điều hành thị trường cũng như chủ động can thiệp khi cần thiết.

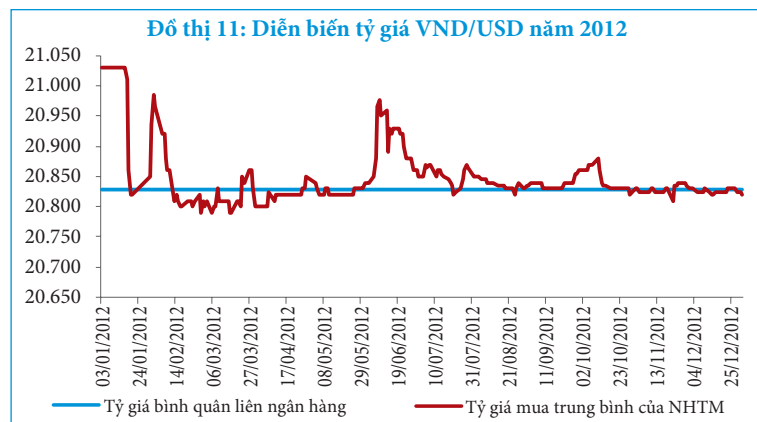
Diễn biến thị trường ngoại hối

Thị trường ngoại hối diễn biến ổn định. Tính chung cả năm, tỷ giá bình quân trên thị trường liên ngân hàng được duy trì ở mức 20.828 VND/USD; tỷ giá trung bình của các NHTM giảm 0,92%; tỷ giá thị trường tự do tăng 1,61%. Cung cầu ngoại tệ trên thị trường diễn biến tích cực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ổn định tỷ giá. Các TCTD có xu hướng mua ròng ngoại tệ từ khách hàng

“

Thị trường ngoại hối ổn định, thanh khoản được cải thiện.

và nhà đầu tư gián tiếp. Nhu cầu mua, bán ngoại tệ hợp pháp của doanh nghiệp và người dân được đáp ứng đầy đủ. NHNN mua được một lượng lớn ngoại tệ từ hệ thống ngân hàng để bổ sung dự trữ ngoại hối Nhà nước. Từ nửa cuối tháng 2, tỷ giá bán trên thị trường tự do bám sát giá bán ra tại các ngân hàng, cho thấy tình hình giao dịch ngoại tệ của các tổ chức, cá nhân đã và đang tập trung vào hệ thống ngân hàng, không còn nhiều nhu cầu mua bán trên thị trường tự do, tâm lý găm giữ ngoại tệ đã giảm đáng kể. Mặc dù tỷ giá biến động chút ít tại một vài thời điểm như khi NHNN quyết định thu hẹp trạng thái ngoại hối từ mức +/-30% xuống +/-20% từ tháng 3/2012, hoặc đầu tháng 6/2012 khi nhu cầu ngoại tệ của các doanh nghiệp nhập khẩu, đặc biệt là nhập khẩu xăng dầu tăng đột biến nhưng biến động chỉ mang tính tạm thời, thị trường lại điều chỉnh về trạng thái ổn định chỉ ít ngày sau đó, là bằng chứng rõ ràng về sự ổn định cung cầu và tâm lý thị trường.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Các nhân tố chính mang lại sự khả quan cho thị trường ngoại hối trong năm qua thể hiện ở các điểm chính như sau: Trước hết, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp của Chính phủ cũng như của NHNN đã đạt được mục tiêu kiềm chế lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hạn chế tình trạng đôla hóa, qua đó đã củng cố niềm tin vào đồng Việt Nam. Có thể kể đến các giải pháp của NHNN như cam kết ngay từ đầu năm về việc ổn định tỷ giá nhằm ổn định tâm lý thị trường; hỗ trợ tín dụng xuất khẩu, hạn chế nhập siêu nhằm đảm bảo cân đối cung cầu ngoại tệ;

điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và đảm bảo chênh lệch lợi tức hợp lý giữa việc nắm giữ Việt Nam đồng và đôla Mỹ nên đã hạn chế hiện tượng đầu cơ, găm giữ ngoại tệ của các tổ chức, cá nhân; tăng cường quản lý thị trường vàng nhằm giảm mạnh các hoạt động đầu cơ, nhập lậu vàng, qua đó giảm được các tác động bất lợi lên thị trường ngoại hối; phối hợp chặt chẽ với Bộ Công an và các cơ quan chức năng khác trong việc hạn chế, phát hiện, và xử lý các trường hợp mua bán ngoại tệ trái quy định của pháp luật. Bên cạnh các giải pháp của chính phủ, năm 2012 nguồn cung ngoại tệ cũng dồi dào, đặc biệt cán cân thương mại lần đầu tiên sau nhiều năm thặng dư ở mức cao nhờ xuất khẩu tăng mạnh, cán cân chuyển tiền, các dòng vốn vào vẫn giữ được mức thặng dư khả quan so với các năm trước cũng đã giúp duy trì sự ổn định trên thị trường ngoại hối.

Diễn biến giá vàng

Giá vàng trong nước nhìn chung biến động theo xu hướng của giá vàng thế giới. Đến thời điểm cuối năm, giá vàng trong nước tăng khoảng 6,4%, thấp hơn mức tăng 15,9% của năm 2011. Xét xu hướng trong năm, giá vàng giảm trong 7 tháng đầu năm và tăng mạnh trở lại kể từ tháng 8, với mức giá bán ra đạt mức đỉnh 48,26 triệu đồng/lượng. Có thể nói công tác quản lý thị trường vàng năm 2012 đã đạt được một số kết quả tích cực xét trên góc độ quản lý vĩ mô của NHNN. Mặc dù giá vàng thế giới và trong nước biến động mạnh theo xu hướng tăng trong các tháng cuối năm nhưng do NHNN đã triển khai thực hiện các biện pháp quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP nên hạn chế hiện tượng thu gom ngoại tệ để nhập lậu vàng, do đó không gây bất ổn tới tỷ giá, thị trường ngoại tệ và kinh tế vĩ mô.

Thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán năm 2012 tăng trưởng trở lại về giá chứng khoán và giá trị giao dịch khiến quy mô thị trường mở rộng. So với cuối năm 2011, chỉ số VN-Index tăng 17,69% lên mức 414 điểm, HNX-Index giảm 2,81% xuống còn 57 điểm. Giá trị giao dịch bình quân tăng: trên sàn HSX đạt khoảng 895,57 tỷ đồng/phiên,

“

Mặc dù giá vàng thế giới tăng cao trong những tháng cuối năm nhưng không tác động tiêu cực lên tỷ giá và ổn định kinh tế vĩ mô nhờ Chính phủ thực hiện các biện pháp quản lý thị trường vàng theo Nghị định 24.

“

Thị trường chứng khoán tăng trở lại do kinh tế vĩ mô ổn định.

tăng 38,21% so với mức 648 tỷ đồng/phiên của năm 2011; trên sàn HNX đạt khoảng 434,13 tỷ đồng/phiên, tăng 13,65% so với mức 382 tỷ đồng/phiên của năm 2011. Giá trị cổ phiếu niêm yết tăng khoảng 55,03%, mức vốn hóa thị trường ở mức tương đương 26%GDP trong khi năm 2011 các mức tương ứng là 13,03% và 20%GDP. Trên thị trường sơ cấp, đấu thầu trái phiếu Chính phủ diễn ra khá sôi động, khối lượng và giá trị giao dịch trái phiếu trúng thầu đạt cao. Nhà đầu tư chủ yếu là các NHTM. Sự tăng trưởng trở lại của thị trường chứng khoán chủ yếu do kinh tế vĩ mô dần đi vào ổn định.

2.7. Hoạt động của các tổ chức tín dụng

Triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt (Đề án Cơ cấu lại các TCTD), số lượng các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong năm 2012 giảm so với năm 2011, các ngân hàng bắt đầu chú trọng hơn đến việc nâng cao năng lực quản trị điều hành, tăng cường năng lực tài chính và các chỉ tiêu về đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng. Rủi ro thanh khoản hệ thống được cải thiện đáng kể so với năm 2011. Tuy nhiên, rủi ro tín dụng có chiều hướng gia tăng trong điều kiện kinh tế khó khăn, hệ số sinh lời của hệ thống ngân hàng giảm mạnh.

Tập trung kiện toàn hoạt động quản trị điều hành của các TCTD theo Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD

Năm 2012, số lượng các TCTD giảm so với năm 2011 do hoạt động hợp nhất, sáp nhập ngân hàng được thực hiện trong quá trình triển khai Đề án Cơ cấu lại các TCTD. Tính đến cuối năm 2012, hệ thống ngân hàng có 5 NHTM Nhà nước (trong đó 4 ngân hàng đã hoàn tất cổ phần hóa), 34 NHTM cổ phần; 2 ngân hàng chính sách; 49 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5 ngân hàng 100% vốn nước ngoài; 4 ngân hàng liên doanh; 50 văn phòng đại diện; 18 công ty tài chính; 12 công ty cho thuê tài chính; 1 quỹ tín dụng nhân dân trung ương và hơn 1.000 quỹ tín dụng nhân dân cơ sở. Mạng lưới các TCTD không những bao phủ thị trường nội địa mà còn có những bước tiến lớn trong việc phát triển mạng lưới sang một số thị trường quốc tế.



Các TCTD tập trung cải thiện năng lực quản trị, năng lực tài chính so với năm 2011 trong quá trình triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD và đối phó với rủi ro gia tăng. Hệ số sinh lời trong hoạt động ngân hàng giảm mạnh.

Trong thời gian qua, mặc dù các TCTD Việt Nam đã chú trọng đến việc nâng cao năng lực tài chính cũng như năng lực quản trị, điều hành, tuy nhiên công tác này tại một số TCTD đã bộc lộ nhiều yếu kém, đặc biệt là năng lực quản trị rủi ro. Đây cũng là một trong các nguyên nhân ngành ngân hàng đã phải đối mặt với nhiều khó khăn và thách thức trong năm 2012. Vì vậy, NHNN đã khẩn trương chỉ đạo các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện rà soát cơ cấu tổ chức, nhân sự nhằm đảm bảo đúng quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng năm 2010; đồng thời xác định việc tiếp tục kiện toàn bộ máy nhân sự, nâng cao năng lực quản trị, điều hành là một nội dung quan trọng cần nghiêm túc thực hiện trong quá trình triển khai Đề án Cơ cấu lại các TCTD.

**Biểu 1: Hệ thống các TCTD của Việt Nam
(đến 31/12/2012)**

STT	Loại hình	2011	2012
1	Ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTM Nhà nước đã cổ phần)	5 3	5 4
2	Ngân hàng Chính sách xã hội	1	1
3	Ngân hàng phát triển	1	1
4	Ngân hàng thương mại cổ phần	37	34
5	Ngân hàng liên doanh	5	4
6	Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	53	49
7	Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	5	5
8	TCTD phi ngân hàng	30	30
9	Công ty tài chính	18	18
10	Công ty cho thuê tài chính	12	12
11	Quỹ tín dụng nhân dân Trung ương	1	1
12	Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở	1.095	1.032
13	Tổ chức tài chính vi mô	1	2

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Để triển khai Đề án Cơ cấu lại các TCTD và đối phó với yếu tố rủi ro ngày càng tăng trong môi trường kinh doanh, các TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài đã

nỗ lực tăng cường năng lực tài chính. Tổng vốn điều lệ toàn hệ thống là 392,15 nghìn tỷ đồng, tăng 11,29% so với cuối năm 2011 dù đây là mức tăng thấp nhất trong nhiều năm gần đây. Vốn tự có toàn hệ thống tăng nhẹ, cuối năm 2012 là 425,9 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2011. Tổng tài sản toàn hệ thống là 5.085,7 nghìn tỷ đồng, tăng 2,54% so với cuối năm 2011.

Biểu 2: Tài sản và vốn của TCTD

	Tổng tài sản		Vốn tự có		Vốn điều lệ	
	Tỷ đồng	±%	Tỷ đồng	±%	Tỷ đồng	±%
NHTM Nhà nước	2.201.660	11,8	137.268	18,7	111.550	28,1
NHTM Cổ phần	2.159.363	-4,5	183.139	6,3	177.624	8,1
NHLD, nước ngoài	555.414	1,6	92.554	6,8	76.138	2,8
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	154.857	-8,4	10.767	-24,1	24.815	-1,1
TCTD Hợp tác	14.485	18,7	2.254	3,7	2.025	0,0
Toàn hệ thống	5.085.780	2,5	425.982	8,9	392.152	11,2

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Kinh doanh ngân hàng khó khăn, các TCTD đẩy mạnh trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu đã dẫn đến chênh lệch thu chi, kéo theo đó là ROA và ROE toàn hệ thống giảm. Tính trên toàn hệ thống, ROA giảm từ mức 1,00% cuối năm 2011 xuống 0,62%, ROE giảm từ 11,88% xuống 6,31% vào cuối năm 2012. Tỷ lệ an toàn vốn (CAR) toàn hệ thống dao động trong khoảng 13,5 - 14,5% qua các tháng trong năm 2012, tháng 12/2012 là 13,75% so với mức 12,92% vào cuối năm 2011. Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (thị trường 1) là 89,35%, trong đó khối NHTM Nhà nước là 96,77%, khối NHTM cổ phần là 70,01%, giảm đáng kể so với các năm trước. Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay

trung, dài hạn tính chung toàn hệ thống cuối năm 2012 là 17,16%.

Biểu 3: Một số chỉ tiêu hoạt động của TCTD

Đơn vị: %

	ROA	ROE	Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu	Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn	Tỷ lệ cấp tín dụng so với nguồn vốn huy động (TT1)
NHTM Nhà nước	0,79	10,34	10,28	21,45	96,77
NHTM Cổ phần	0,49	5,10	14,01	17,60	79,01
NH LD, nước ngoài	0,92	4,50	27,63	-2,03	90,07
Công ty tài chính, cho thuê tài chính	-0,76	-13,88	9,25	17,59	126,28
TCTD Hợp tác	1,53	8,00	38,83	-1,01	94,58
Toàn hệ thống	0,62	6,31	13,75	17,16	89,35

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Rủi ro thanh khoản hệ thống giảm mạnh so với năm 2011, nhưng rủi ro tín dụng tăng khi kinh tế khó khăn

Rủi ro tín dụng: Nợ xấu có xu hướng tăng so với năm trước trong điều kiện kinh tế khó khăn, số lượng doanh nghiệp thua lỗ, phá sản gia tăng. Tuy nhiên, các TCTD đã chủ động rà soát, đánh giá chất lượng tín dụng, khách hàng vay, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định; đồng thời triển khai ngay các giải pháp tự xử lý nợ xấu như xử lý tài sản đảm bảo, sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu, bán nợ,... Vì vậy, nợ xấu đã có chiều hướng tăng chậm lại rõ rệt trong những tháng cuối năm 2012.

Rủi ro thanh khoản: Trong năm 2012, tình hình thanh khoản của các TCTD đã được cải thiện rõ rệt và bảo đảm khả năng chi trả đầy đủ tiền gửi của dân cư, không để xảy ra tình trạng rút tiền hàng loạt tại các ngân

hàng; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững; các ngân hàng yếu kém được NHNN kiểm soát, theo dõi chặt chẽ. Rủi ro hệ thống và nguy cơ đổ vỡ hệ thống ngân hàng từng bước được loại trừ.

Phần II - Điều hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Thực hiện Nghị quyết 01 và Nghị quyết 13 của Chính phủ, NHNN đã triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, tạo điều kiện cho sản xuất kinh doanh gắn với hỗ trợ phát triển thị trường nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.

1. Điều hành chính sách tiền tệ

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-NHNN ngày 13/02/2012 về tổ chức thực hiện chính sách tiền tệ và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả năm 2012. Theo đó, NHNN đã đặt mục tiêu, nhiệm vụ năm 2012 là “*Điều hành chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt, phối hợp hài hòa với chính sách tài khóa nhằm ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo khả năng thanh khoản của các TCTD; kiểm soát tốc độ tăng tổng phương tiện thanh toán và tín dụng ở mức phù hợp; giảm mặt bằng lãi suất ở mức hợp lý phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô*”.

Điều chỉnh giảm mạnh các mức lãi suất điều hành

Trong năm 2012, NHNN đã điều hành lãi suất phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô và thị trường tiền tệ. Ngay từ đầu năm, trong điều kiện dự báo lạm phát tiếp tục xu hướng giảm, để định hướng thị trường, NHNN đã đưa ra mục tiêu giảm lãi suất xuống còn 9-10%/năm vào cuối năm 2012, đồng thời đưa ra lộ trình giảm trung bình mỗi quý 1%/năm. Trên thực tế, do lạm phát giảm nhanh và khá bền vững, hoạt động kinh tế gặp khó khăn nên NHNN đã điều chỉnh giảm mạnh các mức lãi suất điều hành và trần lãi suất huy động bằng VND nhằm góp phần giảm lãi suất cho vay của TCTD, tạo điều kiện mở rộng tín dụng và tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp. Cụ thể: Điều chỉnh giảm 6 lần các mức lãi suất điều hành



Chính sách tiền tệ chặt chẽ, thận trọng, linh hoạt nhằm kiểm soát tốc độ tăng tín dụng 15-17% và tổng phương tiện thanh toán 14-16%.

(lãi suất tái cấp vốn giảm từ 15%/năm xuống 9%/năm, lãi suất tái chiết khấu từ 13%/năm xuống 7%/năm; lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) từ 16%/năm xuống 10%/năm); điều chỉnh giảm 5 lần đối với trần lãi suất huy động VND (trần lãi suất tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng giảm từ 6%/năm xuống 2%/năm; tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng từ 14%/năm xuống 8%/năm) và cho phép TCTD tự ấn định lãi suất tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên trên cơ sở cung-cầu vốn thị trường từ 11/6. Bên cạnh đó, các nỗ lực nhằm giảm lãi suất cho vay của TCTD tiếp tục được đẩy mạnh trong quý II, theo đó từ tháng 5, NHNN quy định mức trần lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực kinh tế trọng yếu là nông nghiệp nông thôn, xuất khẩu, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao¹. Mức trần lãi suất cũng được điều chỉnh giảm từ 15%/năm xuống 12%/năm phù hợp với xu hướng giảm trần lãi suất tiền gửi VND². NHNN cũng đã ban hành văn bản khuyến khích các TCTD giảm lãi suất các khoản vay cũ xuống 15%/năm, góp phần tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và tạo điều kiện để TCTD mở rộng tín dụng.

Điều hành linh hoạt nghiệp vụ thị trường mở phù hợp với cung cầu vốn trên thị trường

Năm 2012, nghiệp vụ thị trường mở được điều hành linh hoạt, thận trọng để hỗ trợ thanh khoản và điều hòa vốn khả dụng bằng VND cho các TCTD, góp phần ổn định thị trường tiền tệ, và thực hiện mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ theo chỉ đạo của Chính phủ. Theo đó, nghiệp vụ thị trường mở thực hiện cả 2 chiều giao dịch mua GTCG và bán tín phiếu NHNN; lãi suất điều chỉnh giảm phù hợp với mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ.

¹ Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao được áp dụng từ 24/12/2012.

² Quỹ Tín dụng nhân dân và Tổ chức tài chính vi mô được phép ấn định mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND cao hơn 1% so với các TCTD khác.



Chào mua giấy tờ có giá

Trong năm 2012, để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, NHNN thực hiện chào mua GTCG với kỳ hạn 7, 14, 21 ngày, trong đó phổ biến nhất là kỳ hạn 7 ngày, lãi suất chào mua GTCG được điều chỉnh giảm từ 14%/năm xuống 7%/năm; phương thức đấu thầu khối lượng và đấu thầu lãi suất. Trong điều kiện hệ thống TCTD dồi dào vốn khả dụng, hoạt động chào mua GTCG của NHNN năm 2012 giảm đáng kể về số phiên, số lượt thành viên tham gia, doanh số đặt thầu và trúng thầu. Mức doanh số trúng thầu bình quân khoảng 1.500 tỷ đồng/phiên.

Bán tín phiếu NHNN

Để điều tiết vốn khả dụng của các TCTD, góp phần kiểm soát lạm phát và trung hòa lượng tiền mua ngoại tệ tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước, trong năm 2012, NHNN phát hành tín phiếu NHNN tại một số thời điểm (từ 15/3 - tháng 6 và 3 tháng cuối năm) với các kỳ hạn là 28, 56, 91 và 182 ngày; lãi suất tín phiếu giảm dần phù hợp với xu hướng lãi suất thị trường; doanh số trúng thầu bình quân đạt 2.203 tỷ đồng/phiên.

Linh hoạt sử dụng công cụ tái cấp vốn để hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD

Năm 2012, công cụ tái cấp vốn được phối hợp với các công cụ CSTT khác theo hướng linh hoạt, thận trọng nhằm ổn định thị trường tiền tệ, đảm bảo khả năng thanh khoản của các TCTD. Theo đó, NHNN đã tập trung tái cấp vốn hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD với thời hạn ngắn vào thời điểm trước Tết Nguyên đán Nhâm Thìn, khi nhu cầu vốn thanh toán tăng cao, góp phần ổn định thị trường tiền tệ.

Duy trì tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng VND và ngoại tệ trong điều kiện thị trường tiền tệ ổn định

Trong điều kiện thị trường tiền tệ ổn định, lạm phát được kiểm soát, NHNN tiếp tục duy trì ở mức thấp các tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với tiền gửi bằng VND và

giữ nguyên tỷ lệ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ. Cụ thể, đối với tiền gửi bằng VND, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 3% áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng và 1% áp dụng với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên; đối với tiền gửi bằng ngoại tệ, tỷ lệ dự trữ bắt buộc là 8% áp dụng với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 12 tháng, 6% áp dụng với tiền gửi kỳ hạn từ 12 tháng trở lên; đối với tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài là 1%.

Thực hiện linh hoạt các biện pháp kiểm soát tín dụng, triển khai đồng bộ, quyết liệt nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hỗ trợ thị trường

Do lạm phát được kiểm soát bền vững và sức mua của thị trường giảm, NHNN thực hiện điều hành tín dụng theo hướng mở rộng tín dụng đi đôi với an toàn hoạt động của TCTD. Ngay từ đầu năm, NHNN đã giao chỉ tiêu tốc độ tăng trưởng tín dụng tối đa cho các nhóm TCTD và trong quá trình thực hiện có xem xét điều chỉnh trên cơ sở đánh giá chất lượng hoạt động và khả năng mở rộng tín dụng của TCTD; tiếp tục quy định tỷ trọng dư nợ cho vay đối với các lĩnh vực không khuyến khích so với tổng dư nợ cho vay không quá 16%, nhưng đã linh hoạt loại trừ một số đối tượng vay vốn thuộc lĩnh vực không khuyến khích cho phù hợp với điều kiện thị trường. Đồng thời, để kiểm soát tín dụng ngoại tệ ở mức hợp lý, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về hạn chế tình trạng đôla hóa trong nền kinh tế và góp phần ổn định thị trường ngoại hối, NHNN tiếp tục thu hẹp hơn nữa nhu cầu vốn cho vay bằng ngoại tệ thông qua ban hành Thông tư số 03/2012/TT-NHNN ngày 08/3/2012 quy định cho vay bằng ngoại tệ của TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng vay là người cư trú có hiệu lực từ ngày 02/5/2012. Bên cạnh đó, toàn hệ thống TCTD đã triển khai các giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh theo chủ trương của NHNN như: Giảm lãi suất cho vay và tiết kiệm chi phí để tạo điều kiện mở rộng tín dụng; rà soát, đánh giá khả năng trả nợ của khách hàng để tháo gỡ khó khăn cho khách hàng trong việc trả nợ vốn vay; cơ cấu lại

thời hạn trả nợ đối với khách hàng bị tổn thất về tài sản dẫn đến khó khăn về tài chính theo quy định pháp luật; tư vấn, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp có triển vọng phát triển, có sản phẩm đáp ứng yêu cầu của thị trường nhưng đang gặp khó khăn về tài chính vay được vốn ngân hàng để phục vụ sản xuất kinh doanh.

2. Quản lý ngoại hối

Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối theo hướng ổn định

Ngay từ đầu năm, Thống đốc NHNN đã chủ động công bố định hướng điều hành tỷ giá với mức biến động không quá 2 - 3% trong năm 2012 nhằm kiểm soát kỳ vọng về sự mất giá của đồng Việt Nam. Tỷ giá bình quân liên ngân hàng và tỷ giá mua ngoại tệ của NHNN được điều hành theo hướng ổn định, hoạt động mua bán ngoại tệ của NHNN được thực hiện linh hoạt góp phần định hướng tỷ giá giao dịch của các TCTD, hỗ trợ thanh khoản trên thị trường, tăng dự trữ ngoại hối Nhà nước. Bên cạnh đó, NHNN triển khai các giải pháp quản lý chặt chẽ hơn thị trường ngoại hối nhằm chuyển dẫn quan hệ huy động - cho vay ngoại tệ sang quan hệ mua - bán ngoại tệ, giảm tình trạng đôla hóa và tăng niềm tin vào đồng Việt Nam như: thu hẹp đối tượng được vay ngoại tệ trong nước; quy định chặt chẽ hơn giới hạn trạng thái ngoại tệ của các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài... Ngoài ra, NHNN cũng đã phối hợp với các cơ quan chức năng tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát thị trường ngoại tệ, vàng và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm. NHNN cũng đã triển khai đồng bộ các giải pháp, từng bước tổ chức sắp xếp lại thị trường vàng và chống tình trạng “vàng hóa” nền kinh tế, do vậy đã góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ.

Quản lý thị trường vàng đã đạt được thành công bước đầu

Thực hiện chỉ đạo của Bộ Chính trị và Chính phủ về quản lý thị trường vàng, NHNN đã xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày

“

Điều hành tỷ giá và thị trường ngoại hối phù hợp với cung cầu ngoại tệ, tăng thanh khoản thị trường, cải thiện cán cân thanh toán và dự trữ ngoại hối Nhà nước.

03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng thay thế Nghị định số 174/1999/NĐ-CP về quản lý thị trường vàng và các văn bản triển khai nghị định; tổ chức triển khai chấm dứt hoạt động huy động và cho vay vốn bằng vàng của các TCTD và áp dụng các biện pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng.

NHNN đã triển khai thực hiện cơ chế NHNN độc quyền tổ chức sản xuất vàng miếng thông qua việc sử dụng thương hiệu vàng miếng SJC và yêu cầu Công ty SJC gia công vàng miếng cho NHNN; cấp Giấy phép kinh doanh mua, bán vàng miếng cho các doanh nghiệp đáp ứng đủ điều kiện quy định, đồng thời chủ động phối hợp với Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, Bộ Công an, Bộ Công thương trong công tác quản lý hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng đối với các TCTD, doanh nghiệp đã được NHNN cấp phép... Các biện pháp này đã góp phần tích cực kiểm soát thị trường vàng miếng trong nước, hạn chế tình trạng nhập lậu vàng, qua đó giúp ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối.

Quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước để bảo đảm an toàn, thanh khoản và sinh lời

Công tác quản lý dự trữ ngoại hối Nhà nước năm 2012 tiếp tục đảm bảo nguyên tắc an toàn, thanh khoản và sinh lời. Điều này cùng với việc điều hành thị trường ngoại hối và tỷ giá phù hợp với tình hình cung cầu ngoại tệ trên thị trường, tăng cường quản lý đối với thị trường vàng, hạn chế tình trạng đôla hóa, kiểm chế nhập siêu, NHNN đã mua được một lượng lớn ngoại tệ bổ sung cho dự trữ ngoại hối Nhà nước, nâng cao niềm tin của thị trường đối với các giải pháp điều hành của NHNN.

Quản lý giao dịch vãng lai và sử dụng ngoại tệ hợp lý

Năm 2012, các chính sách thu hút ngoại tệ tiếp tục được duy trì theo hướng thông thoáng và phù hợp với xu thế hội nhập, mạng lưới nhận và chi trả ngoại tệ phát triển rộng khắp trên phạm vi toàn quốc. Do vậy, mặc dù kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều khó



khẩn, nhưng dòng kiều hối về Việt Nam vẫn ổn định và là một trong những nguồn ngoại tệ quan trọng bù đắp cho cán cân thương mại. Đồng thời, công tác kiểm tra, chấn chỉnh hoạt động ngoại hối tiếp tục được triển khai thường xuyên để kịp thời phát hiện các vi phạm. Một mặt, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan tiến hành thanh tra kiểm tra, xử phạt hành vi vi phạm các quy định về quản lý ngoại hối, khắc phục dần tình trạng đôla hóa trong nền kinh tế và góp phần ổn định thị trường ngoại hối. Mặt khác, NHNN đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý ngoại hối liên quan đến mua bán ngoại tệ tiền mặt, tạo điều kiện cho người dân có nhu cầu ngoại tệ hợp pháp khi đi ra nước ngoài có thể mua ngoại tệ tại ngân hàng.

Quản lý các giao dịch vốn để đảm bảo sự lành mạnh của cán cân thanh toán

Trong năm 2012, NHNN đã từng bước thực thi chính sách quản lý các giao dịch vốn thận trọng, trên cơ sở giám sát chặt chẽ luồng vốn vào, ra, phân tích cơ cấu luồng vốn, tác động của nó đến nền kinh tế và hệ thống tài chính để nghiên cứu, xây dựng chính sách quản lý phù hợp, góp phần hạn chế những tác động bất lợi của dòng vốn đầu tư, đặc biệt là các dòng vốn ngắn hạn nước ngoài. Đến nay, bên cạnh việc điều hành tỷ giá linh hoạt và áp dụng các biện pháp dài hạn nhằm giảm thâm hụt thương mại, tăng dự trữ ngoại tệ, việc giám sát chặt chẽ các dòng luân chuyển vốn ra vào lãnh thổ Việt Nam góp phần tích cực trong việc giải tỏa áp lực lên thị trường ngoại hối, tăng cường ổn định kinh tế vĩ mô.

3. Ổn định tài chính

3.1. Hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng

Trong năm 2012, NHNN đã thực hiện công tác thanh tra, giám sát; xây dựng chính sách; quản lý cấp phép; phòng, chống rửa tiền và xét giải quyết khiếu nại, tố cáo, đồng thời phải thực hiện nhiệm vụ quan trọng là triển khai tái cơ cấu hệ thống TCTD theo Quyết định



Hoạt động thanh tra thực hiện nhiệm vụ quan trọng là

triển khai tái cơ cấu hệ thống TCTD, bên cạnh đó tiếp tục thanh tra tập trung vào các hoạt động cấp tín dụng, lãi suất, tỷ giá, kinh doanh vàng, đầu tư tài chính, quản trị điều hành, phòng chống rửa tiền.

số 254/QĐ-TTg ngày 01/3/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015”. Với nhiều đổi mới, hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng của NHNN đã ghi nhận những kết quả tích cực trong việc tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương, thiết lập lại kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động ngân hàng, thúc đẩy quá trình lành mạnh hóa hoạt động của hệ thống các TCTD, qua đó hỗ trợ hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ.

Công tác thanh tra, giám sát

Thanh tra, giám sát NHNN đã thực hiện tổng số 744 cuộc thanh tra, trong đó có 22 cuộc thanh tra pháp nhân, có 6.763 kiến nghị đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài. Phương thức tổ chức thanh tra được triển khai theo hướng thanh tra toàn diện pháp nhân TCTD, kết hợp thanh tra chấp hành pháp luật với đánh giá rủi ro.

Qua thanh tra đã đánh giá được thực trạng tài chính của từng TCTD, làm rõ những rủi ro yếu kém trọng yếu, phổ biến của các TCTD để kiến nghị các biện pháp xử lý và đề xuất giải pháp cơ cấu lại các TCTD, đặc biệt là các NHTM cổ phần yếu kém; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật. Để giám sát rủi ro, các hoạt động thanh tra, giám sát chủ yếu tập trung vào theo dõi giám sát chặt chẽ hoạt động, khả năng thanh khoản, tình hình chấp hành các tỷ lệ đảm bảo an toàn, tình hình tăng trưởng tín dụng theo hạn mức quy định; giám sát theo chuyên đề một số mảng hoạt động có nhiều rủi ro; xây dựng hệ thống thông tin giám sát hoạt động của các công ty con, chi nhánh nước ngoài của các TCTD Việt Nam; cảnh báo rủi ro; giám sát một số NHTM cổ phần trong diện tái cơ cấu. Những phát hiện và kiến nghị của thanh tra, giám sát góp phần quan trọng trong việc hoàn thiện các quy định, chính sách quản lý đối với lĩnh vực ngân hàng theo hướng thúc đẩy an toàn và hỗ trợ trực tiếp cho quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD.



Để tạo tiền đề cho quá trình đổi mới căn bản hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng, trong đó có việc hướng tới mục tiêu cảnh báo sớm rủi ro trong hoạt động của TCTD, NHNN tiếp tục triển khai Dự án “*Hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa*”, sửa đổi, bổ sung chế độ báo cáo thống kê, nghiên cứu triển khai các bộ chỉ tiêu giám sát, phương pháp giám sát tiên tiến theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Các mẫu biểu báo cáo, các chỉ tiêu phân tích từng bước hướng tới mục tiêu cảnh báo sớm rủi ro cho TCTD; tiếp tục triển khai Phương án xử lý thông tin phục vụ công tác Quản lý hệ thống Quỹ tín dụng Nhân dân, dự án Xây dựng hệ thống thông tin hỗ trợ hoạt động giám sát từ xa, tiền đề cho quá trình đổi mới căn bản hoạt động giám sát ngân hàng.

Công tác quản lý cấp phép

NHNN tăng cường công tác quản lý cấp phép thành lập TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, mở rộng mạng lưới để kiểm soát chặt chẽ quy mô hoạt động, hạn chế rủi ro đối với TCTD, hỗ trợ tích cực cho quá trình cơ cấu lại hệ thống các TCTD. Năm 2012, NHNN không thực hiện cấp phép thành lập mới TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngoại trừ việc cấp phép thành lập mới cho 01 tổ chức tài chính vi mô. Việc mở chi nhánh của các ngân hàng chủ yếu phục vụ cho mục đích phát triển nông nghiệp, nông thôn và bảo đảm an ninh, quốc phòng.

Tình hình triển khai Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015

NHNN đã triển khai đúng tiến độ Đề án Cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 theo Quyết định số 254/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể như sau: (i) Đánh giá, xác định được 9 NHTM cổ phần cần tập trung ưu tiên cơ cấu lại các ngân hàng này. Theo đó, đến nay đã có 3 ngân hàng đã được hợp nhất với nhau, 1 ngân hàng sẽ được hợp nhất với TCTD khác, 1 ngân hàng đã được sáp nhập với 1 ngân hàng khác, 2 ngân hàng đã được chấp thuận phương án tự củng cố chấn chỉnh. Hiện

còn 1 ngân hàng yếu kém, NHNN đang triển khai các giải pháp phù hợp với Đề án và theo đúng quy định của pháp luật nhằm cơ cấu lại ngân hàng này trên nguyên tắc thận trọng, đảm bảo kiểm soát rủi ro phát sinh; **(ii)** Hỗ trợ thanh khoản kịp thời cho hệ thống các TCTD trong quá trình thực hiện tái cơ cấu, kết hợp với theo dõi, kiểm soát chặt chẽ các ngân hàng yếu kém nhằm đảm bảo hệ thống vận hành an toàn; **(iii)** NHNN cũng tích cực chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp lành mạnh hóa tình hình tài chính, trong đó khuyến khích tăng vốn điều lệ và tập trung xử lý nợ xấu thông qua việc yêu cầu các TCTD chủ động rà soát, đánh giá chất lượng tín dụng, khách hàng vay, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo đúng quy định; triển khai ngay các giải pháp để tự xử lý nợ xấu (như xử lý tài sản đảm bảo, sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nợ xấu, bán nợ...); **(iv)** Đối với hệ thống Quỹ tín dụng nhân dân, NHNN đã chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố tiến hành tổng kết Chỉ thị số 57/CT-TW của Bộ Chính trị đối với Quỹ tín dụng nhân dân tại địa phương làm cơ sở triển khai công tác tái cơ cấu đối với hệ thống này.

Công tác phòng, chống rửa tiền

Năm 2012, NHNN tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin hoặc hồ sơ vụ việc về rửa tiền và tài trợ khủng bố cho cơ quan điều tra có thẩm quyền; hỗ trợ công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm có liên quan; thực hiện nhiệm vụ của Cơ quan thường trực giúp việc Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền và chống tài trợ khủng bố giai đoạn từ tháng 10/2012 đến tháng 6/2013 và cam kết của Chính phủ Việt Nam với Lực lượng đặc nhiệm tài chính (FATF). NHNN đã phối hợp với các đơn vị có liên quan trình Quốc hội thông qua Luật Phòng, chống rửa tiền (Luật số 07/2012/QH13 ngày 18/6/2012), đầu mối xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống rửa tiền và Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định mức giá trị của giao dịch có giá trị lớn; ký Bản ghi nhớ

về trao đổi thông tin phòng, chống rửa tiền giữa NHNN Việt Nam và Ngân hàng Quốc gia Campuchia. NHNN cũng đã phối hợp tổ chức thành công Hội nghị mô hình nhóm châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền năm 2012 tại Hà Nội.

3.2. Triển khai chương trình đánh giá khu vực tài chính

Tháng 7/2012, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Chương trình đánh giá khu vực tài chính (FSAP) do Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) hỗ trợ thực hiện; giao NHNN chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành hữu quan chuẩn bị và triển khai. Chương trình FSAP nhằm đánh giá toàn diện và chi tiết về khu vực tài chính của quốc gia với hai cấu phần chính là đánh giá sự ổn định do IMF tiến hành và đánh giá sự phát triển, nhu cầu phát triển của khu vực tài chính do WB tiến hành. Cụ thể 3 mục tiêu chính của chương trình như sau: **(i)** Củng cố hệ thống tài chính của Việt Nam: xác định các điểm mạnh, điểm yếu và rủi ro; đánh giá nhu cầu phát triển và hợp tác kỹ thuật; **(ii)** Chuyển giao chuyên môn và thông lệ tốt nhất cho các bộ, ngành trong lĩnh vực tài chính; **(iii)** Thúc đẩy cải cách khu vực tài chính: thiết kế các đối sách giúp hệ thống tài chính ổn định hơn; khuyến nghị chính sách nhằm tăng cường sự đóng góp của khu vực tài chính cho tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội.

Chương trình FSAP được triển khai theo 4 giai đoạn chính, gồm: **(i)** Giai đoạn chuẩn bị và tự đánh giá; **(ii)** Giai đoạn đánh giá chính thức; **(iii)** Giai đoạn rà soát kết quả đánh giá và thông qua báo cáo; **(iv)** Giai đoạn tiếp tục tự đánh giá, cập nhật, triển khai thực hiện khuyến nghị. Trong năm 2012, NHNN đã phối hợp với WB/IMF và các Bộ, ngành hữu quan hoàn thành giai đoạn 2, tập trung vào ba lĩnh vực then chốt là ngân hàng, thị trường vốn và bảo hiểm. Ngoài những nội dung thực hiện đánh giá chính thức nêu trên, WB/IMF cũng phối hợp với Việt Nam thực hiện đánh giá đối với lĩnh vực có quan hệ chặt

chê đến sự ổn định của hệ thống tài chính là tài chính nhà ở.

Trên cơ sở các nội dung đánh giá chi tiết trong giai đoạn 2 (việc tuân thủ các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về hạ tầng tài chính, quản trị, giám sát ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm; khuôn khổ giám sát an toàn vĩ mô, mạng an toàn tài chính, xử lý khủng hoảng...), chuyên gia WB/IMF đã đề xuất các khuyến nghị cụ thể cho từng lĩnh vực cùng với lộ trình cải cách tổng thể hệ thống tài chính. Các khuyến nghị này sẽ được thảo luận trong giai đoạn tiếp theo của Chương trình và WB/IMF sẽ có những hỗ trợ kỹ thuật giúp Việt Nam thực hiện các khuyến nghị trong thời gian tới.

4. Công tác pháp chế

Công tác xây dựng pháp luật

NHNN đã hoàn thiện hai dự án *Luật Bảo hiểm tiền gửi* và *Luật Phòng, chống rửa tiền*, trình Quốc hội khóa XIII, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 18/6/2012. Hai Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2013. Luật Bảo hiểm tiền gửi ra đời đã góp phần hoàn thiện khung pháp lý về bảo hiểm tiền gửi, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người gửi tiền, góp phần bảo đảm sự phát triển an toàn, lành mạnh của hệ thống TCTD. Luật Phòng, chống rửa tiền được ban hành tạo cơ sở pháp lý đồng bộ cho hoạt động phòng, chống rửa tiền, đáp ứng được các yêu cầu của quá trình hội nhập quốc tế và thực hiện đầy đủ hơn các cam kết của Việt Nam về phòng, chống rửa tiền. Bên cạnh đó, NHNN cũng được Chính phủ giao chủ trì soạn thảo Pháp lệnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh ngoại hối trình Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự kiến Pháp lệnh sẽ được ký ban hành trong năm 2013. Cũng trong năm 2012, NHNN đã trình Chính phủ ban hành 03 Nghị định là: Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt...



Kết quả nổi bật trong năm 2012 là NHNN đã trình và được Quốc hội phê duyệt Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Phòng, chống rửa tiền, có hiệu lực từ ngày 01/01/2013; trình Chính phủ ban hành Nghị định số 24/2012/NĐ-CP ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng; Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt...

GTCC trong hệ thống NHNN, TCTD và chi nhánh ngân hàng nước ngoài; và Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt. Cùng với các Bộ, ngành, đơn vị, cá nhân trong cả nước, NHNN cũng đã tham gia tích cực vào việc sửa đổi Hiến pháp năm 2012 trên cơ sở tổng kết thi hành Hiến pháp 1992 trong toàn ngành Ngân hàng và góp ý, đề xuất, kiến nghị với Dự thảo sửa đổi Hiến pháp.

Để triển khai Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ ngày 03/01/2012 về những giải pháp chủ yếu chỉ đạo điều hành thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán NSNN năm 2012, NHNN đã ban hành 39 Thông tư, tập trung vào các vấn đề cơ bản như điều hành cơ chế lãi suất, tỷ giá; điều chỉnh hoạt động kinh doanh vàng; hướng dẫn Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Để đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật về ngân hàng, NHNN đã tích cực rà soát, công bố danh mục 100 văn bản quy phạm pháp luật do Thống đốc NHNN ban hành từ năm 1997 đã hết hiệu lực thi hành; bãi bỏ 123 văn bản quy phạm pháp luật không còn phù hợp, không còn được áp dụng trên thực tế.

Tăng cường thực thi pháp luật về ngân hàng

Nhằm tăng cường công tác thực thi pháp luật ngân hàng, năm 2012, NHNN đã triển khai các nhiệm vụ trọng tâm sau: **(i)** Triển khai tích cực công tác kiểm tra văn bản; **(ii)** Thúc đẩy công tác theo dõi thi hành pháp luật để báo cáo Bộ Tư pháp tình hình thi hành pháp luật năm 2012, đặc biệt là tình hình thi hành Luật Các công cụ chuyển nhượng và Luật Phá sản tại các TCTD; **(iii)** Tích cực triển khai công tác hỗ trợ pháp lý cho TCTD và doanh nghiệp khác thuộc trách nhiệm quản lý của NHNN theo quy định pháp luật, góp phần lành mạnh hóa hệ thống các TCTD; **(iv)** Thực hiện phổ biến, giáo dục pháp luật, tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ phổ biến Luật Bảo hiểm tiền gửi và Luật Phòng, chống rửa tiền.

Bên cạnh đó, NHNN cũng đăng tải công khai để cường giới thiệu một số Luật mới và các Nghị định của Chính phủ; tích cực tuyên truyền các Thông tư của NHNN ban hành, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan truyền thông tổ chức đưa tin, tuyên truyền, phổ biến rộng rãi, công khai, minh bạch, rõ ràng các văn bản quy phạm pháp luật, chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước đặc biệt các chính sách về lãi suất, tín dụng, tỷ giá, ngoại tệ và vàng...

5. Công tác phát hành kho quỹ

VỀ HOẠT ĐỘNG PHÁT HÀNH VÀ ĐIỀU HÒA TIỀN MẶT

“

NHNN chủ động điều hòa linh hoạt lượng tiền mặt lưu thông, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế cả về số lượng và cơ cấu mệnh giá.

Trên cơ sở nghiên cứu dự báo các chỉ số kinh tế vĩ mô, tiền tệ, NHNN đã xây dựng kế hoạch in tiền năm 2012. Việc lập kế hoạch, tổ chức điều hòa được thực hiện chủ động, kịp thời đáp ứng nhu cầu của nền kinh tế cả về giá trị và cơ cấu mệnh giá cũng như yêu cầu dự trữ của Nhà nước. Công tác điều hòa tiền mặt đã đảm bảo lưu thông tiền tệ ổn định, không để xảy ra tình trạng thừa, thiếu cục bộ, phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội tại các khu vực, địa phương... Trường hợp đột xuất có bội chi lớn ở từng ngân hàng, từng địa phương hoặc những thời điểm có áp lực thu, chi tiền mặt tăng cao, NHNN phối hợp với các đơn vị có hoạt động thu, chi tiền mặt lớn để xử lý hoặc hỗ trợ phương tiện vận chuyển, giao nhận kịp thời cho một số TCTD; đồng thời có văn bản chỉ đạo các NHNN chi nhánh về việc đáp ứng nhu cầu tiền mặt, ưu tiên cho các địa bàn trọng điểm hoặc nơi tập trung nhiều máy rút tiền tự động (ATM)...

Năm 2012, NHNN cũng đã trình Thủ tướng Chính phủ cho phép đình chỉ lưu hành tiền cotton mệnh giá 10.000đ và 20.000đ để từng bước thống nhất chất liệu của bộ tiền; làm tốt công tác kiểm đếm, tuyển chọn, tiêu hủy tiền, thu hồi các loại tiền không đủ tiêu chuẩn lưu thông và tiếp tục đưa các loại tiền mới vào lưu thông. Việc cải tạo, nâng cấp hoặc xây dựng mới kho tiền tiếp



tục được quan tâm, đặc biệt là việc xây dựng các kho khu vực nhằm giảm áp lực trong bảo quản và an toàn trong khâu vận chuyển đến các NHNN chi nhánh.

Công tác an toàn kho quỹ

Công tác an toàn tài sản trong bảo quản, giao nhận, vận chuyển được tăng cường với sự phối hợp tốt của các đơn vị bảo vệ và trang bị kỹ thuật công nghệ hiện đại trong khâu vận chuyển, thúc đẩy tin học hóa công tác phát hành và kho quỹ. Phần lớn các xe vận chuyển tiền và xe hộ tống của NHNN đã được trang bị thiết bị giám sát hành trình bằng hệ thống định vị toàn cầu (Global Positioning System - GPS) để kiểm soát chặt chẽ lộ trình vận chuyển và chủ động phòng ngừa, xử lý các tình huống xấu xảy ra. Năm 2012, NHNN đã hoàn thành dự án hệ thống quản lý và phát hành kho quỹ theo hướng tập trung tại NHTW và các NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố thí điểm, phục vụ tốt cho công tác khai thác, chỉ đạo điều hành của NHNN. Các quy định liên quan đến công tác tiền tệ kho quỹ, cơ chế quản lý tiền mặt đã được ban hành, thay thế kịp thời, phù hợp với quy định của pháp luật và thực tiễn. Những tồn tại trong quá trình thực hiện quy trình nghiệp vụ hoặc các vấn đề có liên quan đến nguy cơ mất an toàn kho quỹ đã được cảnh báo, chỉ đạo kịp thời trong toàn ngành để rút kinh nghiệm; tiếp tục tổ chức các lớp tập huấn để nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác tiền tệ kho quỹ trong toàn ngành.

Công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả

NHNN tiếp tục thực hiện dự án nâng cao hiệu quả các biện pháp phòng ngừa tiền giả lưu hành của hệ thống ngân hàng, Kho bạc Nhà nước; tiếp tục phối hợp tốt với cơ quan liên quan trong công tác đấu tranh phòng, chống tiền giả, tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân cách kiểm tra, phân biệt tiền thật/giả trên các phương tiện thông tin đại chúng và trên website NHNN... Vì vậy, lượng tiền giả qua các vụ án được phá và thu giữ qua hệ thống ngân hàng các năm qua đã giảm rõ rệt.

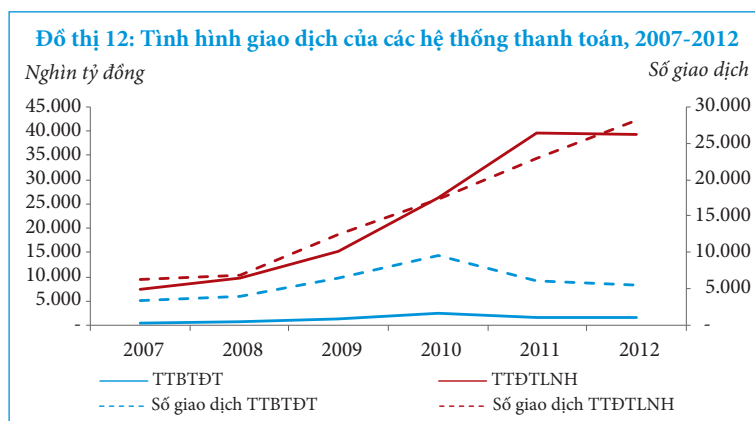
6. Công nghệ ngân hàng và hoạt động thanh toán

Hiện đại hóa hệ thống thanh toán



Hệ thống thanh toán điện tử hoạt động ổn định, an toàn, phục vụ tốt nhu cầu thanh toán trong nền kinh tế, góp phần đẩy nhanh tốc độ thanh toán và phát triển thanh toán không dùng tiền mặt.

Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng tính đến cuối năm 2012 đã được kết nối với 66 đơn vị thuộc NHNN, 478 đơn vị thành viên trực tiếp thuộc 95 TCTD thành viên (giảm 01 thành viên so với thời điểm cuối năm 2011 do có sự hợp nhất của 02 ngân hàng); tổng giá trị giao dịch qua hệ thống TTĐTLNH trong năm 2012 đạt trên 39.500 nghìn tỷ đồng với khoảng 28.000 nghìn giao dịch (tăng 22,9% về số lượng giao dịch và giảm 0,8% về giá trị giao dịch so với năm 2011).

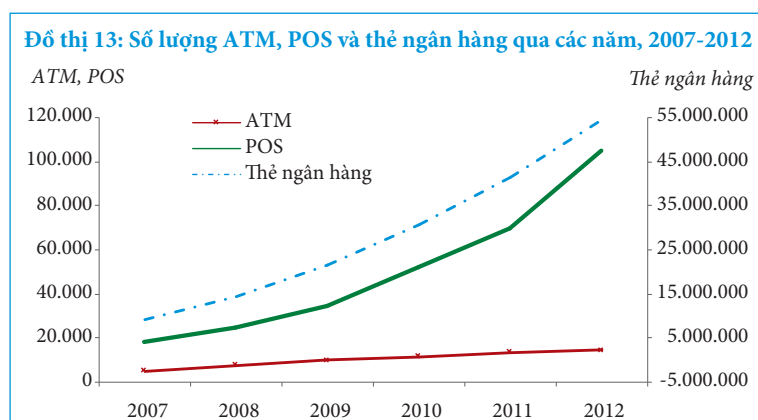


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Hệ thống thanh toán bù trừ điện tử (TTBTĐT) được triển khai tại 58/63 tỉnh, thành phố có tổng số hơn 1.000 thành viên. Khối lượng giao dịch TTBTĐT đạt 1.573 nghìn tỷ đồng với xấp xỉ 5,46 triệu giao dịch; giảm tương ứng 8,4% và 7,1% so với năm 2011.

Trong năm 2012, NHNN tiếp tục chỉ đạo triển khai Đề án xây dựng Trung tâm chuyển mạch thẻ thống nhất theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, việc chuyển kết nối hệ thống ATM/POS của các ngân hàng thành viên Công ty Cổ phần thẻ thông minh Vi Na (VNBC) về Công ty Cổ phần chuyển mạch tài chính Quốc gia Việt Nam (Banknetvn) đã hoàn thành; NHNN chỉ đạo tập trung xây dựng và triển khai Phương án sáp nhập Công ty Cổ phần dịch vụ thẻ Smartlink vào Banknetvn. Thực hiện chủ trương kết nối liên thông mạng lưới các điểm chấp nhận thẻ (POS) và phát triển

thanh toán thẻ qua POS, đến cuối năm 2012 đã có trên 76.000 POS được kết nối liên thông. Nhận thức về thanh toán thẻ qua POS đã có sự chuyển biến tích cực ở các địa phương, việc sử dụng thẻ thanh toán qua POS đang dần trở nên phổ biến ở các thành phố lớn. Các NHTM đã tích cực tuyên truyền, quảng bá về dịch vụ thẻ qua POS và quan tâm đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ thanh toán thẻ, triển khai nhiều chương trình khuyến mại, ưu đãi hấp dẫn đối với khách hàng khi dùng thẻ thanh toán qua POS. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho hoạt động thanh toán thẻ tiếp tục được các NHTM đầu tư: đến cuối tháng 12/2012, có 46 NHTM trang bị máy ATM/POS với số lượng trên 14.200 ATM và hơn 104.500 POS (tăng tương ứng 6,8% và 50% so với cuối năm 2011).



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Sự phát triển các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới, hiện đại

Các phương tiện và dịch vụ thanh toán mới tiếp tục được phát triển, đa dạng hóa với nhiều sản phẩm, phương tiện mới, an toàn và tiện lợi như: Thẻ ngân hàng, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking, Ví điện tử,... Thẻ ngân hàng là phương tiện thanh toán được ưa chuộng với nhiều tiện ích, được các NHTM chú trọng phát triển, có tốc độ phát triển nhanh; đến cuối tháng 12/2012, số lượng thẻ phát hành đạt trên 54,2 triệu thẻ (tăng 31,5% so với cuối năm 2011). Bên cạnh việc phát triển số lượng thẻ, các NHTM quan tâm đến việc cải thiện chất lượng dịch vụ bằng việc tăng khả năng thanh toán cho thẻ thông qua phát hành thẻ thanh toán đồng

thương hiệu và đa ứng dụng có liên kết với các tổ chức khác như trường học, hãng taxi, hãng hàng không... Một số NHTM bước đầu triển khai dịch vụ thanh toán tiền điện, tiền nước, cước phí điện thoại, viễn thông, truyền hình cáp, mua xăng dầu, phí bảo hiểm và một số khoản thu khác như học phí, phí giao thông không dừng.

09 tổ chức không phải là ngân hàng được thực hiện thí điểm cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử đã phối hợp với các NHTM và các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ để cung cấp các sản phẩm với nhiều tiện ích như: thanh toán cho các giao dịch mua bán trên các website thương mại điện tử, thanh toán trực tuyến bằng điện thoại di động, thanh toán hóa đơn, tiền mua hàng... Đến cuối năm 2012, các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán Ví điện tử đã phát hành khoảng hơn 1,3 triệu Ví điện tử, giao dịch thanh toán thực hiện bằng Ví điện tử trong năm 2012 đạt hơn 16 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt khoảng hơn 5.800 tỷ đồng.

Việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ NSNN tiếp tục được triển khai, qua đó làm thay đổi dần thói quen, tâm lý sử dụng tiền mặt trong xã hội; hầu hết các đơn vị hưởng lương từ NSNN (chiếm khoảng 90%) trên địa bàn thành phố, thị xã đã thực hiện trả lương qua tài khoản.

Công tác quản lý hoạt động thanh toán và giám sát các hệ thống thanh toán

Năm 2012, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 về thanh toán không dùng tiền mặt có hiệu lực từ ngày 26/3/2013; Nghị định là văn bản pháp lý quan trọng, điều chỉnh đối với các tổ chức, đơn vị, cá nhân tham gia vào hoạt động thanh toán trong nền kinh tế, góp phần nâng cao vai trò quản lý nhà nước của NHNN đối với các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, các tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán. NHNN đã ban hành Thông tư số 35/2012/TT-NHNN quy định về phí dịch vụ thẻ ghi nợ nội địa; Thông tư số 36/2012/TT-NHNN quy định về việc trang bị, quản lý, vận hành và đảm bảo an toàn hoạt động của



ATM. NHNN cũng đã chủ động phối hợp với Bộ Công an trong việc phòng chống tội phạm, đảm bảo an toàn trong hoạt động thanh toán, đặc biệt là Cục Cảnh sát phòng chống tội phạm công nghệ cao; thiết lập kênh trao đổi thông tin để kịp thời phối hợp, xử lý nhiều vụ việc gian lận, lừa đảo trong thanh toán thẻ, thanh toán điện tử, góp phần giảm bớt rủi ro trong thanh toán, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân có liên quan.

Công tác giám sát các hệ thống thanh toán được NHNN từng bước tổ chức thực hiện, nhất là tổ chức thực hiện giám sát trực tuyến hệ thống TTĐTLNH, qua đó phát hiện, xử lý những tồn tại, khó khăn, vướng mắc để hoàn thiện và đảm bảo hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả.

7. Hoạt động thông tin tín dụng

Hoạt động thu thập thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin tín dụng quốc gia

Trung tâm thông tin tín dụng (CIC) thu thập và lưu trữ thông tin từ 100% các TCTD hoạt động theo Luật Các tổ chức tín dụng và từ các tổ chức tự nguyện tham gia hệ thống thông tin tín dụng. Hiện kho dữ liệu của CIC đã lưu trữ trên 24 triệu hồ sơ khách hàng vay vốn, trong đó hơn 400.000 hồ sơ doanh nghiệp, còn lại là hồ sơ khách hàng vay cá nhân, chủ thẻ tín dụng. Kho dữ liệu của CIC bao gồm: Thông tin định danh khách hàng vay, thông tin lịch sử quan hệ tín dụng, tài sản bảo đảm, thông tin thẻ tín dụng, báo cáo tài chính của khách hàng vay, được cập nhật định kỳ và lưu trữ trong 5 năm (2007-2012).

Hoạt động cung cấp thông tin của Trung tâm thông tin tín dụng

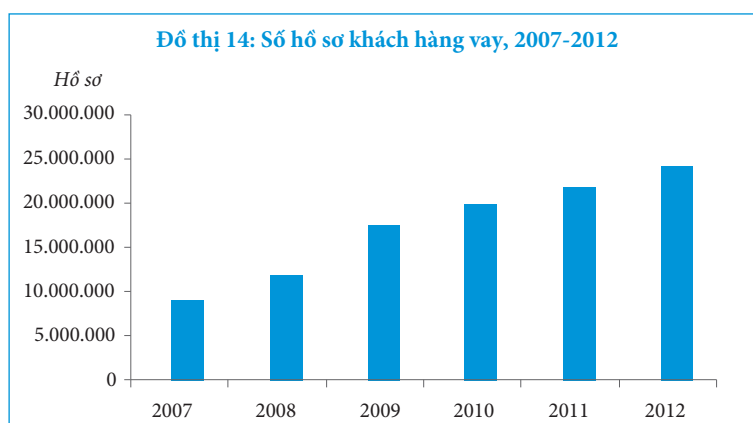
Hoạt động cung cấp thông tin của CIC không ngừng được cải tiến về chất lượng sản phẩm, phát triển và đa dạng hoá các sản phẩm mới, đồng thời nâng cấp, cải tiến quy trình cung cấp thông tin, từ đó tỉ lệ báo cáo tín dụng cung cấp tức thời đạt trên 80%. CIC hiện đang cung cấp gần 50 sản phẩm thông tin tín dụng được phân

“

Hoạt động của Trung tâm thông tin tín dụng ngày càng hiệu quả, góp phần minh bạch hóa thông tin, và góp phần ngăn ngừa rủi ro cho hoạt động ngân hàng.

loại theo 4 nhóm: Báo cáo tín dụng khách hàng vay trong nước, Báo cáo thông tin doanh nghiệp nước ngoài, Báo cáo xếp hạng tín dụng, chấm điểm tín dụng và thông tin cảnh báo tín dụng điện tử. Năm 2012, CIC đã cung cấp trên 2,01 triệu báo cáo tín dụng qua hệ thống các website của CIC, tăng hơn 18% so với năm 2011.

CIC cũng đã phát triển riêng một số loại sản phẩm dành riêng cho các đơn vị thuộc NHNN để phục vụ công tác quản lý, thanh tra giám sát như báo cáo khách hàng vay vượt 15% vốn tự có của TCTD, báo cáo khách hàng vay có nợ xấu, báo cáo tổng hợp về tập đoàn, tổng công ty nhà nước, báo cáo tổng hợp theo vùng, miền, ngành nghề, báo cáo tổng hợp dư nợ các cổ đông của các TCTD...



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Nghiệp vụ xếp hạng tín dụng, hỗ trợ quản trị rủi ro

CIC là tổ chức đầu tiên tại Việt Nam triển khai nhiệm vụ Xếp hạng tín dụng (XHTD) từ năm 2002 và đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Năm 2012, CIC đã tiến hành xếp hạng được 20.392 báo cáo XHTD doanh nghiệp cho các đơn vị sử dụng. Ngoài ra, CIC cũng tiến hành thay thế, hoàn thiện quy trình, phương pháp xếp hạng mới như theo 35 ngành kinh tế và theo quy mô của doanh nghiệp lớn, vừa và nhỏ.

Trong năm 2012, CIC cũng đã phát triển hệ thống sản phẩm cảnh báo tín dụng, các loại sản phẩm hỗ trợ TCTD trong quản lý danh mục tín dụng, giám sát khách hàng vay hiện có của các TCTD, hỗ trợ TCTD trong công

tác XHTD nội bộ... Kết quả XHTD của CIC mang tính độc lập, là nguồn tin hữu ích để các TCTD đối chiếu, tham khảo trong công tác quản trị rủi ro.

Biểu 4: Chỉ tiêu hoạt động thông tin tín dụng

Chỉ tiêu	2011		2012	
	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương	Việt Nam	Đông Á và Thái Bình Dương
Độ sâu của TCTD (thang điểm từ 0-6) - Depth of credit information index	5	2	5	2
Độ phủ của cơ quan TCTD công (tỷ lệ % trên số người trưởng thành) - Public credit registry coverage (% adults)	26,4	8,2	29,8	10,3

Nguồn: CIC, World Bank - Doing Business 2012

8. Công tác truyền thông, minh bạch hóa thông tin

Trong năm 2012, NHNN tăng cường mạnh mẽ tính chủ động, kịp thời, công khai, minh bạch về cơ chế, chính sách, các quyết định quản lý của NHNN và tình hình hoạt động của các TCTD cho các cơ quan báo chí, Quốc hội, các tổ chức và người dân. Cụ thể:

- Chủ động công bố thông tin chính xác, kịp thời, nhất là những vấn đề dư luận quan tâm thông qua website NHNN, tại các cuộc họp báo do Văn phòng Chính phủ tổ chức, tại các cuộc họp giao ban báo chí do các cơ quan quản lý báo chí tổ chức, tại các diễn đàn Quốc hội hoặc trả lời phỏng vấn báo chí. Việc công bố thông tin của NHNN được dư luận đánh giá cao, nhất là đối với các thông tin về giải pháp bình ổn tỷ giá, thị trường ngoại tệ và vàng, tái cấu trúc hệ thống ngân hàng.

- Phối hợp với các cơ quan truyền thông lớn ngoài ngành (Đài Truyền hình Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, các báo lớn có tầm ảnh hưởng quốc gia...)

“

Công tác truyền thông ra công chúng tiếp tục được đẩy mạnh, tăng tính chủ động, phương thức truyền thông ngày càng được cải tiến, gia tăng hàm lượng thông tin công bố được dư luận trong nước và quốc tế đánh giá cao.

tuyên truyền các chính sách và đóng góp của ngành Ngân hàng vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế-xã hội của đất nước thông qua các phóng sự, chuyên trang, chuyên mục, tin, bài. Qua đó giúp doanh nghiệp và người dân hiểu và ủng hộ đối với chính sách cũng như hoạt động ngân hàng.

- NHNN đã theo dõi chặt chẽ các thông tin liên quan đến hoạt động ngân hàng để kịp thời phát hiện, phản hồi và xử lý những thông tin thiếu chính xác, gây bất ổn thị trường, từ đó góp phần triển khai có hiệu quả các giải pháp điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động ngân hàng.

Phần III - Quản trị nội bộ

1. Hoạt động kiểm toán nội bộ

Công tác kiểm toán nội bộ được thực hiện khá toàn diện trên các mặt hoạt động theo hướng tiếp tục đổi mới hoạt động kiểm toán cho phù hợp với thông lệ quốc tế và yêu cầu thực tiễn của Việt Nam. Năm 2012, kiểm toán nội bộ tập trung vào 06 chuyên đề: Báo cáo tài chính, tuân thủ và hoạt động, dự án đầu tư xây dựng, tin học, hoạt động kho và dự án đầu tư hệ thống thông tin quản lý và hiện đại hóa ngân hàng (FSMIMS); chú trọng những nội dung có nhiều rủi ro. Công tác kiểm toán nội bộ bám sát kế hoạch và triển khai thực hiện đúng chương trình được Thống đốc phê duyệt, việc điều hành hoạt động kiểm toán nội bộ theo đúng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của NHNN bảo đảm hoạt động an toàn, tuân thủ chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế, quy trình nghiệp vụ của NHNN.

NHNN đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính tại 18 đơn vị thuộc NHNN (4 Vụ, Cục, đơn vị sự nghiệp và 14 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố); kiểm toán tuân thủ và hoạt động tại 20 đơn vị (6 đơn vị Vụ, Cục và 14 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố); kiểm toán 10 dự án đầu tư xây dựng; kiểm toán tin học tại 9 đơn vị NHNN (2 đơn vị Vụ, Cục và 7 chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố); kiểm toán hoạt động kho quỹ tại 9 đơn vị chi nhánh NHNN tỉnh, thành phố có quản lý kho tiền; kiểm toán dự án FSMIMS.

Hoạt động kiểm toán nội bộ năm 2012 đã nêu và phân tích những kết quả đạt được trong việc thực hiện nhiệm vụ tại các đơn vị; đồng thời chỉ ra những điểm còn tồn tại, hạn chế để có hướng khắc phục. Vụ Kiểm toán nội bộ đã chỉ đạo các đơn vị chỉnh sửa những tồn tại, đảm bảo hoạt động của các đơn vị tuân thủ đúng quy định của NHNN và của pháp luật.

“

Năm 2012, hoạt động kiểm soát, kiểm toán nội bộ triển khai toàn diện, góp phần bảo đảm hoạt động an toàn của NHNN.

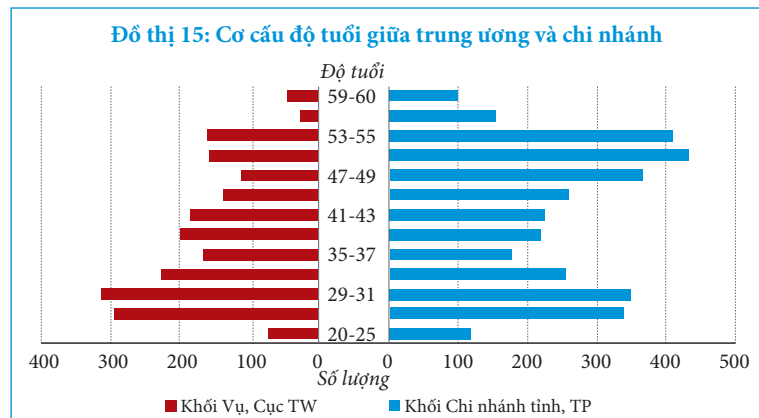
2. Tổ chức cán bộ và đào tạo bồi dưỡng

Biên chế, cơ cấu nhân sự và công tác cán bộ



NHNN tiếp tục tăng cường số lượng và chất lượng nhân sự cho các đơn vị của NHNN; nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và mục tiêu sử dụng.

Nhằm tăng cường năng lực cho các Vụ, Cục NHTW, đảm bảo thực hiện đầy đủ, có hiệu quả vai trò của NHNN với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng và cơ quan tham mưu cho Chính phủ trong việc hoạch định và thực thi chính sách tiền tệ, năm 2012, Thống đốc NHNN đã cho điều chỉnh biên chế và tăng cường những cán bộ trẻ, được đào tạo bài bản, có năng lực chuyên môn sâu cho khối hoạch định, thực thi chính sách và giám sát hoạt động ngân hàng tại các Vụ, Cục NHNN Trung ương. Cơ cấu về số lượng và độ tuổi của công chức giữa khối Vụ, Cục NHTW và chi nhánh tỉnh, thành phố như sau:



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Về công tác đào tạo, bồi dưỡng

Công tác đào tạo, bồi dưỡng bám sát mục tiêu xây dựng đội ngũ, cán bộ công chức NHNN chuyên nghiệp, có đủ năng lực xây dựng và thực thi chính sách của NHTW theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động NHTW, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng. Năm 2012, có 3.126 lượt cán bộ, công chức, viên chức của NHNN được cử tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng chủ yếu là các khóa đào tạo sau đại học trong và ngoài nước; các khóa bồi dưỡng ngắn hạn về chuyên môn nghiệp vụ như hoạch định, thực thi chính sách tiền

tệ, thanh tra giám sát, kế toán, quản trị nhân sự; các khóa đào tạo kỹ năng mềm; chương trình bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo quản lý, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh và nhiều lĩnh vực khác. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đã tập trung trang bị những kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng cần thiết cho công chức để xử lý kịp thời những nhiệm vụ đặt ra như: Tái cơ cấu ngành ngân hàng; Quản trị rủi ro; Thanh tra, giám sát; Phân tích, dự báo kinh tế - tài chính - tiền tệ. Phần lớn các khóa bồi dưỡng ngắn hạn được thiết kế, lên chương trình và triển khai tại trường Bồi dưỡng cán bộ ngân hàng với phương pháp đào tạo ngày càng được cải tiến, cộng tác chặt chẽ với đội ngũ giảng viên kiêm chức là cán bộ chủ chốt tại các đơn vị chức năng thuộc NHNN.

Việc trang bị đủ kiến thức cho cán bộ theo từng vị trí công việc là yêu cầu đặt ra trong trung, dài hạn. Để làm được điều này, năm 2012, NHNN đã thực hiện phân tích khung năng lực, xác định các khung chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng cần thiết cho từng lĩnh vực hoạt động của NHNN trên cơ sở xác định các năng lực cần thiết cho cán bộ đảm nhận công việc thuộc cùng khối, nhóm (như khối chính sách tiền tệ, khối thanh tra giám sát, nhóm cán bộ cấp phòng). Trên tinh thần đó, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 1280/QĐ-NHNN ngày 27/6/2012 ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức NHNN với định hướng chủ đạo là tăng cường quản lý, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng ở tất cả các khâu; phát triển nguồn nhân lực định hướng của một NHTW hiện đại như: đào tạo, bồi dưỡng những cán bộ có năng lực để hình thành đội ngũ chuyên gia cốt cán; đẩy mạnh việc phát triển đội ngũ giảng viên kiêm chức; khuyến khích tinh thần chủ động tự học tập, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm trong nội bộ NHNN. Đặc biệt, NHNN chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia nòng cốt có chuyên môn sâu, có khả năng nghiên cứu, đề xuất, xử lý, phân biện các vấn đề phức tạp của ngành, liên ngành tại các đơn vị thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính của NHNN, thể hiện tại dự thảo Đề án Đào tạo và phát triển chuyên gia nòng cốt của NHNN năm 2012 và dự kiến sẽ được triển khai trong năm 2013.



Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đào tạo, NHNN đã huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực (nguồn NSNN, NHNN, nguồn hỗ trợ); đặc biệt, NHNN tranh thủ các nguồn hỗ trợ quốc tế cho hoạt động đào tạo, bồi dưỡng thông qua các chương trình, dự án hợp tác với IMF, ADB, WB, JICA, GIZ, SECO, ASDiV, Ngân hàng Trung ương các nước Đức, Anh, Ba Lan, Thụy Điển. Nhiều nội dung chuyên môn, nghiệp vụ mới, mang tính chuyên sâu, nâng cao, được các chuyên gia nước ngoài có hiểu biết sâu rộng và có kinh nghiệm thực tiễn tốt trợ giúp giảng dạy, tư vấn, đã đáp ứng yêu cầu cập nhật, nâng cao kiến thức chuyên môn của các đơn vị trong hệ thống.

Công tác quản lý, sử dụng cán bộ, công chức

Năm 2012, tiếp tục đẩy mạnh công tác cán bộ, biên chế cán bộ đã được điều chỉnh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ vai trò, vị trí của NHNN với tư cách là cơ quan quản lý Nhà nước về tiền tệ, hoạt động ngân hàng. Đặc biệt riêng với khối chính sách và khối thanh tra giám sát, một trong số những giải pháp để tăng cường số lượng và chất lượng cán bộ đã được triển khai trong năm 2012 là việc NHNN cho bổ sung một số cán bộ có trình độ chuyên môn tốt, kinh nghiệm thực tiễn tại các ngân hàng (nhất là các NHTM Nhà nước) nhằm một mặt tăng cường năng lực hoạch định và thực thi có hiệu quả chính sách tiền

tệ và hoạt động ngân hàng, mặt khác cũng nhằm thực hiện công tác luân chuyển cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo, quản lý trong hệ thống NHNN. Việc bố trí, sử dụng cán bộ lãnh đạo, quản lý cũng như cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ thuộc NHNN đã bám sát chức năng, nhiệm vụ được giao và sơ đồ vị trí việc làm của từng đơn vị nhằm hướng tới sự chuyên nghiệp của từng vị trí, từng đơn vị.

3. Công tác nghiên cứu khoa học

Năm 2012, NHNN đã triển khai thực hiện 37 đề tài, dự án nghiên cứu khoa học cấp ngành trên các lĩnh vực như nghiên cứu khuôn khổ điều hành chính sách tiền tệ thích hợp cho Việt Nam; phát triển thị trường ngoại hối đến năm 2020; phối hợp giữa chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa để điều hành kinh tế vĩ mô; xây dựng mô hình kinh tế vĩ mô phục vụ hoạch định và điều hành chính sách tiền tệ; nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động thanh tra giám sát đối với các TCTD; các chủ đề nghiên cứu để nâng cao năng lực quản trị NHTM như áp dụng các tiêu chuẩn an toàn hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro theo thông lệ quốc tế, vấn đề mất cân đối kỳ hạn...; các chủ đề nhằm phát triển nguồn lực, dịch vụ và hạ tầng công nghệ ngân hàng. Kết quả nghiên cứu của một số đề tài, dự án nghiệm thu trong năm 2011 và 2012 đã được áp dụng vào việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, đồng thời là tài liệu tham khảo cũng như cơ sở để xuất, tham mưu cho lãnh đạo NHNN trong việc đưa ra các quyết định chính sách. Điển hình một số đề tài đã được áp dụng thành công vào thực tiễn như một số các giải pháp lớn được kiến nghị tại đề tài về “Giải pháp đảm bảo an toàn hệ thống ngân hàng Việt Nam trong điều kiện hiện nay”; đề tài “Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm soát, kiểm toán nội bộ NHNN Việt Nam trong quá trình hội nhập quốc tế về hoạt động ngân hàng”. Bên cạnh đó, năm 2012, NHNN cũng đã triển khai 81 đề tài cấp cơ sở tập trung tại 02 trường đại học trực thuộc NHNN, Viện Chiến lược ngân hàng, Trường bồi dưỡng cán bộ ngân hàng. Sau khi nghiệm thu các đề tài/dự án đều được triển



Hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ ngành ngân hàng luôn bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ đang đặt ra cho ngành và đã có những bước chuyển biến tích cực, đóng góp đáng kể vào nghiên cứu lý luận, điều hành chính sách tiền tệ và hoạt động quản lý vĩ mô của NHNN.

khai ứng dụng ngay theo đúng lộ trình, phục vụ thiết thực cho công tác giảng dạy và hoạt động kinh doanh, đáp ứng yêu cầu phát triển của đơn vị. NHNN cũng đã phối hợp với các đơn vị tổ chức thành công 02 hội thảo khoa học cấp ngành là “Phối hợp chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ trong điều tiết kinh tế vĩ mô” và “Các giải pháp nhằm hiện đại hóa công tác phát hành kho quỹ của NHNN Việt Nam”; tổ chức 02 buổi tọa đàm, thuyết trình về một số vấn đề thời sự nổi lên trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng, ngân hàng. Các tham luận của các hội thảo, tọa đàm đã góp phần làm rõ thêm quan điểm, cơ sở lý luận và giải pháp để xử lý những vấn đề lớn và bức xúc trong thực tiễn hoạt động của ngành Ngân hàng, được nhiều chuyên gia kinh tế trong và ngoài nước đánh giá cao, thu hút được sự chú ý của các tổ chức thông tin - truyền thông.

4. Công tác thống kê

“

Công tác thống kê của NHNN tiếp tục được củng cố và phát triển, phục vụ tốt hơn cho công tác chỉ đạo điều hành.

Năm 2012, NHNN đã tích cực áp dụng công nghệ tin học tiên tiến, chuẩn hóa thông tin báo cáo theo thông lệ quốc tế về thống kê tài chính tiền tệ và phù hợp với thực tiễn Việt Nam để đáp ứng tốt hơn nhu cầu thông tin phục vụ công tác chỉ đạo điều hành chính sách tiền tệ. Trong năm 2012, cùng với việc tiếp tục củng cố tổ chức bộ máy thống kê, công tác thực hiện Thông tư số 21/2010/TT-NHNN cũng được NHNN triển khai theo hướng phối hợp chặt chẽ với TCTD tổ chức thu thập đầy đủ, kịp thời, chính xác các báo cáo, xây dựng cơ sở dữ liệu nhằm đáp ứng công tác khai thác thông tin của các đơn vị liên quan thuộc NHNN. Vận dụng công nghệ tin học trong quá trình thu thập, kiểm tra, duyệt, tra soát, tổng hợp báo cáo, rút ngắn thời gian xử lý dữ liệu, nâng cao chất lượng báo cáo thống kê. Kết quả là thông tin số liệu thống kê tiền tệ, tín dụng và hoạt động ngân hàng đã đảm bảo được chất lượng, đầy đủ và kịp thời, cơ bản đáp ứng được cho công tác chỉ đạo, điều hành và giám sát hoạt động các TCTD của NHNN.

5. Công nghệ thông tin

Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của NHNN

Ngày 06/4/2012, Thống đốc NHNN đã ký Quyết định số 627/QĐ-NHNN ban hành Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin của NHNN Việt Nam giai đoạn 2011-2015 nhằm đẩy mạnh việc ứng dụng rộng rãi công nghệ thông tin (CNTT) trong hoạt động quản lý, điều hành nội bộ NHNN theo định hướng xây dựng Chính phủ điện tử và hướng đến mô hình NHTW hiện đại; góp phần nâng cao tính minh bạch thông tin và tăng cường dịch vụ công của NHNN; từng bước tạo nền móng vững chắc về cơ sở hạ tầng CNTT, truyền thông và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin phục vụ tốt cho các hoạt động, nghiệp vụ của NHNN.

Quản lý Nhà nước về CNTT của ngành được tăng cường

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cho hoạt động ứng dụng CNTT an toàn và hiệu quả, trong năm 2012, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 11/2012/TT-NHNN ngày 25/4/2012 Quy định quản lý và sử dụng mạng máy tính của NHNN Việt Nam; Thông tư số 34/2012/TT-NHNN ngày 27/12/2012 Quy định về phát triển và bảo trì phần mềm nghiệp vụ ngân hàng của NHNN Việt Nam. Đồng thời, NHNN cũng tiến hành giám sát hoạt động CNTT thông qua tổng hợp, xử lý báo cáo nhận từ các TCTD và kiểm tra trực tiếp tại 09 TCTD nhằm ngăn chặn, phát hiện và xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm quy định quản lý CNTT của Nhà nước và của ngành, đảm bảo an ninh bảo mật; nâng cao chất lượng quản trị, vận hành hệ thống CNTT tại đơn vị.

Từng bước hiện đại hóa các hoạt động nghiệp vụ

Năm 2012, nhiều hoạt động nghiệp vụ tại NHNN tiếp tục được hiện đại hóa thông qua đẩy mạnh ứng dụng CNTT, qua đó tăng cường hiệu quả điều hành và hoạt động của NHNN. NHNN đã hoàn thành triển khai và

“

Ứng dụng công nghệ thông tin ngày càng mở rộng đi đôi với nâng cao chất lượng, phát triển các dịch vụ tiện ích ngân hàng điện tử.

đưa vào vận hành hệ thống thông tin quản lý phát hành và kho quỹ, theo đó toàn bộ các hoạt động từ lập kế hoạch, theo dõi phát hành, điều chuyển, xuất nhập tiền trên toàn quốc được quản lý tập trung tại NHTW; tổ chức vận hành hiệu quả mô hình thu thập dữ liệu báo cáo thống kê điện tử tập trung lấy số liệu từ hội sở chính phù hợp với mô hình hoạt động của các TCTD; đổi mới phương thức cung cấp thông tin điều hành từ văn bản giấy sang báo cáo điện tử, đảm bảo tính kịp thời, sẵn sàng và nhất quán về thông tin; thực hiện thu thập thông tin thị trường tiền tệ liên ngân hàng thông qua hệ thống TTĐTLNH để phản ánh kịp thời thị trường theo thời gian thực.

Hạ tầng CNTT ngân hàng đã từng bước được phát triển

Năm 2012, bước đầu đã hình thành lên các mạng máy tính tốc độ cao, trung tâm dữ liệu ngân hàng và trung tâm dự phòng thảm họa theo tiêu chuẩn; thực hiện nâng cấp băng thông hệ thống mạng diện rộng (WAN) kết nối giữa 58 NHNN chi nhánh các tỉnh, thành phố tới 05 trung tâm vùng băng thông 2Mbps, giữa 05 trung tâm vùng và trung tâm dữ liệu chính băng thông 10Mbps. Kết thúc năm 2012, hệ thống chữ ký số của NHNN đã cấp gần 7.000 chứng thư số cho các tổ chức, cá nhân của NHNN và các TCTD, tạo cơ sở trao đổi dữ liệu điện tử an toàn, áp dụng cho nhiều nghiệp vụ: Thanh toán liên ngân hàng, Báo cáo tài chính, Dự trữ bắt buộc, Báo cáo theo Nghị định số 82/2007/NĐ-CP, Báo cáo thống kê, Quỹ tín dụng nhân dân cơ sở... Triển khai dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật tập trung (Helpdesk) cho cán bộ tháng 3/2012, đảm bảo hệ thống CNTT của NHNN hoạt động thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn.

Phần IV- Hợp tác quốc tế

Năm 2012, NHNN thực hiện thành công các nhiệm vụ đối ngoại theo chương trình và mục tiêu đã đề ra nhằm củng cố quan hệ hợp tác với các đối tác quốc tế và tăng cường huy động hỗ trợ cả về tài chính và kỹ thuật từ bên ngoài cho Việt Nam, góp phần tích cực vào các nỗ lực ổn định kinh tế vĩ mô, phát triển kinh tế, thúc đẩy quá trình hội nhập và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

1. Hoạt động hội nhập kinh tế quốc tế

Trong quá trình hội nhập kinh tế tài chính khu vực ASEAN, năm 2012, nhiều đoàn lãnh đạo của NHNN đã tham gia các hội nghị cấp cao của NHTW các nước ASEAN nhằm thúc đẩy hội nhập khu vực tài chính - ngân hàng trong ASEAN, góp phần nâng cao vai trò, tiếng nói và vị thế của NHNN nói riêng và của Việt Nam nói chung trong cộng đồng tài chính tiền tệ khu vực và quốc tế. Trong hợp tác ASEAN+3, Việt Nam tiếp tục tham gia các vấn đề liên quan đến các sáng kiến hợp tác tài chính, đặc biệt là sáng kiến Đa phương hóa Sáng kiến Chiêng Mai (CMIM). Trong năm 2012, các nước ASEAN+3 đã thành công trong việc đạt được thỏa thuận nâng tổng quy mô quỹ lên 240 tỷ USD, mở rộng phạm vi hỗ trợ để bao gồm cả cơ chế phòng ngừa khủng hoảng bên cạnh cơ chế xử lý khủng hoảng hiện hành.

Trong khuôn khổ APEC, NHNN tiếp tục thể hiện vai trò tích cực và chủ động trong việc tham gia đóng góp ý kiến cho các báo cáo nghiên cứu và sáng kiến hợp tác tài chính APEC, đồng thời phối hợp với các Bộ, ngành liên quan trong hoạt động hợp tác khác của APEC.

Trong khuôn khổ SEACEN, Việt Nam đã định kỳ tham gia Hội nghị thường niên Thống đốc NHTW, Hội nghị thường niên Phó Thống đốc NHTW SEACEN và một số hội nghị khác ở cấp Phó Thống đốc. Các hội nghị cũng đã tạo ra một diễn đàn để các Thống đốc và Phó Thống đốc trao đổi với nhau về các vấn đề liên quan đến



Tiếp tục mở rộng hợp tác tài chính, tiền tệ trong khu vực.

hợp tác đào tạo nghiên cứu về tài chính ngân hàng và các vấn đề kinh tế chung trong khu vực. Ngoài ra, NHTW đã cử các cán bộ tham dự các khóa học, hội thảo ngắn hạn của SEACEN về các vấn đề liên quan đến NHTW. Thông qua các khóa học, hội thảo này, các cán bộ của NHNN đã được cập nhật các thông tin, diễn biến mới về tình hình phát triển tài chính tiền tệ và ngân hàng trong khu vực và trên thế giới.

Trong khuôn khổ thực thi các cam kết WTO về thương mại tự do trong lĩnh vực ngân hàng, NHNN đã tiến hành sửa đổi, bổ sung và ban hành nhiều văn bản pháp luật trong lĩnh vực ngân hàng theo hướng minh bạch hóa chính sách, tuân thủ theo các nguyên tắc thị trường và các cam kết quốc tế nhằm tạo một môi trường hoạt động kinh doanh ngày càng bình đẳng, thông thoáng và thuận lợi cho các TCTD hoạt động tại Việt Nam. NHNN đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành xây dựng tài liệu và cung cấp thông tin cho tiến trình Rà soát chính sách thương mại đầu tiên của Việt Nam sau khi gia nhập WTO. Thông qua diễn đàn thường kỳ với Nhóm công tác ngân hàng thuộc Diễn đàn Doanh nghiệp Việt Nam, NHNN đã trao đổi một cách thẳng thắn và cởi mở với đại diện của cộng đồng ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam về các vấn đề chính sách và kỹ thuật trong hoạt động ngân hàng. Việc đối thoại thường xuyên đã giúp các ngân hàng hiểu rõ các chính sách, quy định của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng, và ngược lại, giúp NHNN nắm bắt được các mối quan tâm và đề xuất của các ngân hàng để từ đó giải quyết kịp thời và hiệu quả những vấn đề còn tồn tại.

Bên cạnh các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ các tổ chức khu vực, NHNN còn tích cực thực hiện đường lối, chủ trương hội nhập của Đảng và Nhà nước thông qua việc phối hợp đàm phán các hiệp định trong khu vực và với các đối tác khác. Trong thời gian qua, NHNN đã tích cực tham gia vào quá trình chuẩn bị cũng như đàm phán các hiệp định kinh tế, thương mại và đầu tư như Hiệp định đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP), Hiệp

định thương mại tự do giữa Việt Nam với Liên minh châu Âu (EVFTA), Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam với Khối thương mại tự do châu Âu (EFTA), Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực RCEP...

2. Quan hệ hợp tác với các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế

NHNN tiếp tục thực hiện tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế như Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), Ngân hàng Thế giới và Quỹ Tiền tệ quốc tế, qua đó củng cố ngày một vững chắc quan hệ với các tổ chức này và khai thác hiệu quả hỗ trợ cho Việt Nam nói chung và NHNN nói riêng.

NHNN tiếp tục phát huy vai trò là cơ quan đại diện của Chính phủ tại ADB, tiếp đón và làm việc với nhiều đoàn cấp cao và kỹ thuật của ADB về tình hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam và thúc đẩy tiến độ triển khai các chương trình, dự án do ADB tài trợ; tham dự Hội nghị thường niên ADB lần thứ 45. Đặc biệt, NHNN đã tích cực đàm phán 12 chương trình/dự án với tổng trị giá 1,282 tỷ USD, trong đó vốn ADF là 450 triệu USD cho 09 chương trình/dự án và vốn OCR là 832 triệu USD cho 3 chương trình/dự án. Như vậy, tính từ năm 1993 tới thời điểm tháng 12/2012, ADB đã phê duyệt tài trợ cho Việt Nam 114 khoản vay cho các chương trình/dự án với tổng trị giá 10,44 tỷ USD. Bên cạnh đó, NHNN đã tiếp tục triển khai và chuẩn bị xây dựng các hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực ngân hàng do ADB tài trợ, bao gồm các lĩnh vực tài chính vi mô, phi ngân hàng và tăng cường năng lực chính sách tiền tệ và quản lý ngoại hối cho NHNN. Trong lĩnh vực tư vấn chính sách, tháng 10/2012, ADB đã công bố Chiến lược Đối tác Quốc gia (CPS) giai đoạn 2012-2015 với Việt Nam nhằm đảm bảo ADB có thể tiếp tục ủng hộ mạnh mẽ và đúng mục tiêu cho Việt Nam trong việc đạt được tầm nhìn tới 2020, trong đó có hỗ trợ cho khu vực tài chính ngân hàng. Theo đó, dự kiến trong giai đoạn 2012 - 2015, bình quân mỗi năm ADB sẽ tài trợ cho Việt Nam khoảng 1,3 tỷ USD để thực hiện các mục



Củng cố vững chắc quan hệ với các tổ chức tài chính, tiền tệ quốc tế.

tiêu trong khuôn khổ Chiến lược Phát triển Kinh tế Xã hội giai đoạn 2011 - 2015.

Mối quan hệ Việt Nam-WB tiếp tục được tăng cường, củng cố. NHNN đã tham dự tích cực vào các hội nghị do WB tổ chức nhằm vận động duy trì nguồn vốn vay ưu đãi IDA cho Việt Nam và đã nhận được những quan điểm tích cực từ lãnh đạo và cổ đông lớn của WB. Trong năm 2012, NHNN một mặt tiếp tục hoàn thành tốt việc quản lý các dự án và hỗ trợ kỹ thuật do WB tài trợ cho ngành ngân hàng, mặt khác tham gia đàm phán và ký kết 18 chương trình/dự án với tổng số vốn vay ưu đãi IDA lên tới hơn 2,2 tỷ USD và trên 570 triệu USD vốn vay IBRD, nâng tổng số chương trình/dự án đã ký kết với WB tính đến 12/2012 là 135 chương trình/dự án, trị giá hơn 16 tỷ USD; phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và WB trong khuôn khổ Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ vận động các nhà tài trợ cung cấp hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho Việt Nam. Nổi tiếp thành công của *Chương trình Tín dụng Hỗ trợ Giảm nghèo (PRSC)*, NHNN đã phối hợp với WB và các Bộ, ngành hữu quan xây dựng *Chương trình Hỗ trợ Quản lý Kinh tế và Nâng cao Khả năng cạnh tranh (EMCC)* nhằm hỗ trợ thực hiện các cải cách then chốt, tạo đà cho đất nước chuyển dịch từ tăng trưởng dựa trên những điều kiện tự nhiên sang tăng trưởng nhờ nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh, trong đó chu kỳ đầu được thực hiện từ 2012 đến 2015 với số tiền tài trợ trị giá khoảng 250 triệu USD/chương trình/năm (chưa kể đồng tài trợ). NHNN cũng đã phối hợp với WB xây dựng CPS 2012-2016, theo đó phân bổ IDA dự kiến cho tài khóa 2012-2014 khoảng 2,8 tỷ SDR (tương đương 4,2 tỷ USD) và phân bổ nguồn IBRD dự kiến là 770 triệu USD cho các hoạt động đầu tư và chính sách nhằm giúp Việt Nam tăng cường khả năng cạnh tranh, nắm bắt cơ hội và phát triển bền vững.

Trong năm 2012, NHNN đã chủ động và tích cực tham gia các hoạt động nhằm tăng cường vai trò hội viên tại IMF, quan hệ giữa IMF và Việt Nam tiếp tục được duy trì tốt đẹp và được củng cố thông qua đối thoại chính sách, giám sát kinh tế vĩ mô, hỗ trợ kỹ thuật và các hoạt

động khác. Hiện Việt Nam đang phối hợp với IMF để tăng mức cổ phần tại IMF từ 460,7 triệu SDR lên 1,1531 tỷ SDR, nâng tỷ lệ cổ phần từ 0,193% lên 0,242%. Ngoài ra, Việt Nam đã đóng góp phần lợi nhuận được phân chia lần 1 từ việc IMF bán hơn 400 tấn vàng vào Quỹ Tín thác Tăng trưởng và Giảm nghèo (PRGT) của IMF. Theo thông lệ, năm 2012, IMF tiến hành các đợt Tham khảo thường niên và cập nhật tình hình kinh tế của Việt Nam để giám sát, đánh giá tình hình và triển vọng kinh tế và đưa ra các khuyến nghị chính sách phù hợp. IMF cũng thường xuyên đối thoại, tư vấn chính sách với NHNN và các cơ quan Chính phủ, đồng thời đánh giá cao các nỗ lực và thành tựu của Việt Nam trong những năm qua, ủng hộ các định hướng, quyết tâm chính sách hướng tới ổn định kinh tế vĩ mô của Chính phủ Việt Nam và bày tỏ sự sẵn sàng giúp đỡ, hỗ trợ Việt Nam. Cụ thể, IMF đã cung cấp nhiều hỗ trợ kỹ thuật trong lĩnh vực thống kê khu vực đối ngoại, tiền tệ, ngoại hối, xây dựng các chỉ số lành mạnh tài chính, thanh tra ngân hàng, phòng chống rửa tiền và chống tài trợ cho khủng bố; tài trợ cho gần 100 cán bộ NHNN và các bộ, ngành tham dự các khóa đào tạo và hội thảo chuyên đề tại các Học viện đào tạo của IMF tại Singapore, Mỹ và Áo về các chủ đề chính sách và kinh tế vĩ mô. NHNN cũng đã phối hợp với IMF tổ chức khóa đào tạo tại Việt Nam cho các cán bộ cơ quan chính phủ các nước Đông Nam Á và cử cán bộ biệt phái sang Văn phòng đại diện của IMF tại Hà Nội để học hỏi, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm làm việc.

3. Quan hệ hợp tác song phương

NHNN tiếp tục tạo lập mối quan hệ chặt chẽ và duy trì liên hệ thường xuyên với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế để huy động hỗ trợ nhằm tăng cường năng lực cho NHNN, nâng cao vị thế của NHNN trên các diễn đàn tài chính quốc tế và khu vực. Năm 2012, NHNN đã ký biên bản ghi nhớ về hợp tác trong lĩnh vực ngân hàng với NHTW Qatar (tháng 01/2012), Ngân hàng Quốc gia (NHQG) Kazakhstan (ngày 10/9/2012), Bản Ghi nhớ về phòng, chống rửa tiền với NHQG Campuchia



Thiết lập mối quan hệ chặt chẽ với NHTW các nước, các tổ chức tài chính quốc tế khác.

(tháng 3/2012), bản Ghi nhớ về trao đổi thông tin Thanh tra giám sát ngân hàng với Ngân hàng dự trữ Ấn Độ (ngày 16/11/2012), NHTW Myanmar (ngày 29/11/2012) và Bản Ghi nhớ về hợp tác với cơ quan quản lý tiền tệ Brunei nhân chuyến thăm cấp nhà nước của Chủ tịch nước tới 02 nước này (ngày 27/11/2012), Bản ghi nhớ sửa đổi Bản ghi nhớ năm 2003 về Hỗ trợ kỹ thuật với NHTW Đức (ngày 04/12/2012).

Về tình hình triển khai các chương trình, dự án hợp tác trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, NHNN đã phối hợp với Bộ Tài chính Mỹ thực hiện các hỗ trợ kỹ thuật nhằm nâng cao năng lực của NHNN và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, phối hợp với Cơ quan Phát triển Pháp (AFD) đẩy mạnh triển khai hỗ trợ kỹ thuật Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý và tăng cường năng lực quản lý, giám sát cho lĩnh vực tài chính vi mô tại Việt Nam. NHNN đã ký kết Bản Ghi nhớ với JICA về gia hạn Dự án “Tăng cường năng lực thanh tra, giám sát cho NHNN” đến hết tháng 6/2013. Tiếp theo thành công của chương trình cải cách năng lực thể chế và hỗ trợ kỹ thuật dành cho NHNN và giai đoạn 1 dự án “Đào tạo giám đốc chi nhánh NHTM”, Chính phủ Liên bang Thụy Sĩ do Cục Kinh tế Liên bang Thụy Sĩ làm đại diện dự kiến tiếp tục hỗ trợ cho NHNN và ngành Ngân hàng Việt Nam thông qua dự án “Đào tạo giám đốc chi nhánh NHTM” giai đoạn 2.

Trong lĩnh vực hợp tác đào tạo, NHNN đã phối hợp với các bên liên quan tổ chức các khóa học, hội thảo và thuyết trình trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với Luxembourg, Thụy Điển và Ba Lan. Bên cạnh đó, NHNN cũng phối hợp với các đơn vị liên quan triển khai chương trình hỗ trợ đào tạo về nhiều nội dung khác nhau trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng với Ngân hàng Quốc gia Lào và bước đầu triển khai chương trình hỗ trợ cho Ngân hàng Quốc gia Campuchia.

Về tổ chức các hội nghị, NHNN đã tổ chức thành công Hội nghị Hội đồng Ngân hàng Đầu tư Quốc tế (MIB) lần thứ 97 và Ngân hàng Hợp tác Kinh tế Quốc



tế (MBES) lần thứ 119 vào tháng 6/2012, Kỳ họp lần thứ 11 Tổ công tác Việt - Nga về hợp tác liên ngân hàng vào tháng 9/2012 và Hội nghị Mô hình nhóm châu Á - Thái Bình Dương về phòng, chống rửa tiền (APG) vào tháng 11/2012. Các hội nghị đã tạo cơ hội cho các thành viên chia sẻ kinh nghiệm, mở rộng quan hệ hợp tác trong lĩnh vực tài chính tiền tệ ngân hàng và phòng, chống rửa tiền.

PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: CÁC MỨC LÃI SUẤT DO NHNN CÔNG BỐ

Đơn vị: %/năm

Thời gian	Lãi suất tái cấp vốn	Lãi suất tái chiết khấu	Lãi suất chào mua thị trường mở
Tháng 12/2011	15	13	14
Tháng 1/2012	15	13	14
Tháng 2/2012	15	13	14
Tháng 3/2012	14	12	13
Tháng 4/2012	13	11	12
Tháng 5/2012	12	10	11
Tháng 6/2012	11	9	10
Tháng 7/2012	10	8	8
Tháng 8/2012	10	8	8
Tháng 9/2012	10	8	8
Tháng 10/2012	10	8	8
Tháng 11/2012	10	8	8
Tháng 12/2012	9	7	7

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 2: HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ THỊ TRƯỜNG MỞ

Chào mua	Năm 2011	Năm 2012
Số phiên	431	299
Kỳ hạn (ngày)	7; 14	7; 14; 21
Số lượt thành viên	8.469	1.431
Doanh số đặt thầu (tỷ đồng)	5.981.403	657.371
Doanh số trúng thầu (tỷ đồng)	2.801.253	449.922
Lãi suất (%/năm)	10-15	7-14
Phương thức đấu thầu	Khối lượng	Khối lượng; Lãi suất
Chào bán	Năm 2011	Năm 2012
Số phiên	Không có	79
Kỳ hạn (ngày)		28; 56; 91; 182
Số lượt thành viên		1.003
Doanh số đặt thầu (tỷ đồng)		723.820
Doanh số trúng thầu (tỷ đồng)		174.000
Lãi suất (%/năm)		3,48-12,5
Phương thức đấu thầu		Khối lượng; Lãi suất

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 3: TỶ LỆ DỰ TRÙ BẮT BUỘC NĂM 2010-2012

Đơn vị: %

Thời điểm hiệu lực	TIỀN GỬI BẢNG VND				TIỀN GỬI BẢNG NGOÀI TỆ				Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài
	Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG		Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG		Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG		Tiền gửi của khách hàng, KBNN, tiền thu được từ phát hành GTCG		
	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	Không kỳ hạn và kỳ hạn dưới 12 tháng	Kỳ hạn từ 12 tháng trở lên	
02-2010	3	1	1	1	4	3	2	1	
12-2010(*)	3	1	1	1	4	3	2	1	
05-2011	3	1	1	1	6	5	4	3	
06-2011	3	1	1	1	7	6	5	4	
09-2011(**)	3	1	1	1	8	7	6	5	1

(*) Từ tháng 12/2010, thực hiện theo Thông tư số 20/2010/TT-NHNN ngày 29/9/2010 của NHNN về hướng dẫn thực hiện các biện pháp điều hành công cụ chính sách tiền tệ để hỗ trợ TCTD cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn, các TCTD áp dụng tỷ lệ DTBB của tiền gửi VND được chia thành 2 nhóm: (1) Nhóm TCTD áp dụng theo tỷ lệ DTBB thông thường; (2) Nhóm TCTD có tỷ trọng cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn cao được áp dụng tỷ lệ DTBB thấp hơn tỷ lệ DTBB thông thường, cụ thể tỷ lệ bằng 1/20 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 70% trở lên; tỷ lệ bằng 1/5 so với tỷ lệ DTBB thông thường đối với TCTD có tỷ trọng dư nợ cho vay phát triển nông nghiệp, nông thôn từ 40% đến dưới 70%.

(**) Bổ sung mục Tiền gửi của các TCTD ở nước ngoài theo Thông tư số 27/2011/TT-NHNN ngày 31/8/2011 và theo Quyết định số 1972/QĐ-NHNN về áp dụng tỷ lệ dự trữ bắt buộc đối với TCTD cho tiền gửi bằng ngoại tệ của các TCTD ở nước ngoài.

Người: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 4: CÁN CÂN THANH TOÁN QUỐC TẾ

Đơn vị: Triệu USD

	2011	2012
A. CÁN CÂN VẮNG LAI	233	9.061
1. Cán cân thương mại	-450	9.884
Xuất khẩu (FOB)	96.906	114.573
Nhập khẩu (FOB)	97.356	104.689
Nhập khẩu (CIF)	106.750	113.792
2. Dịch vụ	-3.168	-2.920
Thu	8.692	9.600
Chi	11.860	12.520
3. Chuyển giao	8.685	8.212
Khu vực tư nhân	8.326	7.912
Khu vực Chính phủ	359	300
4. Thu nhập đầu tư	-4.834	-6.115
Thu	395	295
Chi	5.229	6.410
B. CÁN CÂN VỐN VÀ TÀI CHÍNH	6.490	8.330
5. Đầu tư trực tiếp	6.569	7.168
Đầu tư nước ngoài vào Việt Nam	7.519	8.368
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	950	1.200
6. Vay trung-dài hạn	3.285	3.908
Rút vốn	5.706	7.410
Vay của Chính phủ	3.893	4.086
Vay của DN (trừ DN FDI)	1.813	3.324
Trả nợ gốc	2.421	3.502
Trả nợ của Chính phủ	792	920
Trả nợ của DN (FDI+DNVN)	1.629	2.582
7. Vay ngắn hạn	1.615	1.306
Vay	14.568	16.011
Trả nợ gốc	12.953	14.705
8. Đầu tư gián tiếp nước ngoài	1.460	1.990
Đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam	1.111	1.887
Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài	-349	-103
9. Tiền và tiền gửi	-6.439	-6.042
Khu vực ngân hàng	445	107
Khu vực khác	-6.884	-6.149
C. LỖI VÀ SAI SÓT	-5.574	-5.524
D. CÁN CÂN TỔNG THỂ	1.149	11.867
E. TÀI TRỢ	-1.149	-11.867
10. Thay đổi tổng dự trữ ngoại hối	-1.149	-11.867
Thay đổi tổng tài sản nước ngoài của NHNN trừ sử dụng vốn của IMF	-1.118	-11.847
Sử dụng vốn của IMF	-31	-20
Vay	0	0
Trả	31	20
11. Thay đổi nợ quá hạn và gia hạn nợ	0	0
Thay đổi nợ quá hạn	0	0
Gia hạn nợ	0	0

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 5: TỶ GIÁ GIỮA ĐÔLA MỸ VÀ ĐỒNG VIỆT NAM

Đơn vị: VND/USD

Năm 2012	Tỷ giá ngày cuối tháng			Tỷ giá bình quân trong tháng		
	Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM		Tỷ giá bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng	Tỷ giá trung bình các NHTM	
		Mua	Bán		Mua	Bán
Tháng 1	20.828	20.936	21.036	20.828	20.975	21.008
Tháng 2	20.828	20.810	20.870	20.828	20.850	20.912
Tháng 3	20.828	20.800	20.860	20.828	20.814	20.878
Tháng 4	20.828	20.850	20.930	20.828	20.819	20.874
Tháng 5	20.828	20.840	20.890	20.828	20.826	20.872
Tháng 6	20.828	20.850	20.925	20.828	20.902	20.965
Tháng 7	20.828	20.850	20.885	20.828	20.852	20.893
Tháng 8	20.828	20.840	20.880	20.828	20.837	20.874
Tháng 9	20.828	20.860	20.900	20.828	20.839	20.883
Tháng 10	20.828	20.825	20.865	20.828	20.842	20.883
Tháng 11	20.828	20.830	20.870	20.828	20.829	20.873
Tháng 12	20.828	20.820	20.860	20.828	20.825	20.867

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 6: GIÁ VÀNG THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Đơn vị: Triệu đồng/lượng

	Giá vàng ngày cuối tháng	Giá vàng bình quân trong tháng
Tháng 1	45,33	43,88
Tháng 2	45,27	45,00
Tháng 3	44,00	44,33
Tháng 4	43,09	43,20
Tháng 5	41,46	41,70
Tháng 6	41,72	42,01
Tháng 7	42,09	41,88
Tháng 8	44,52	43,03
Tháng 9	47,46	46,56
Tháng 10	46,13	47,07
Tháng 11	47,22	46,97
Tháng 12	46,30	46,72

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 7: CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG

Đơn vị: %

Năm	Thời gian	Tháng 1	Tháng 2	Tháng 3	Tháng 4	Tháng 5	Tháng 6	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
2008	So với tháng 12 năm trước	2,38	6,02	9,19	11,60	15,96	18,44	19,78	21,65	21,87	21,64	20,71	19,89
	So với tháng trước	2,38	3,56	2,99	2,20	3,91	2,14	1,13	1,56	0,18	-0,19	-0,76	-0,68
	So với cùng kỳ	14,11	15,67	19,39	21,42	25,20	26,80	27,04	28,32	27,90	26,72	24,22	19,89
2009	So với tháng 12 năm trước	0,32	1,49	1,32	1,68	2,12	2,68	3,22	3,47	4,11	4,49	5,07	6,52
	So với tháng trước	0,32	1,17	-0,17	0,35	0,44	0,55	0,52	0,24	0,62	0,37	0,55	1,38
	So với cùng kỳ	17,48	14,78	11,25	9,23	5,58	3,94	3,31	1,97	2,42	2,99	4,35	6,52
2010	So với tháng 12 năm trước	1,36	3,35	4,12	4,27	4,55	4,78	4,84	5,08	6,46	7,58	9,58	11,75
	So với tháng trước	1,36	1,96	0,75	0,14	0,27	0,22	0,06	0,23	1,31	1,05	1,86	1,98
	So với cùng kỳ	7,62	8,46	9,46	9,23	9,05	8,69	8,19	8,18	8,92	9,66	11,09	11,75
2011	So với tháng 12 năm trước	1,74	3,87	6,12	9,64	12,07	13,29	14,61	15,68	16,63	17,05	17,5	18,13
	So với tháng trước	1,74	2,09	2,17	3,32	2,21	1,09	1,17	0,93	0,82	0,36	0,39	0,53
	So với cùng kỳ	12,17	12,31	13,89	17,51	19,78	20,82	22,16	23,02	22,42	21,59	19,83	18,13
2012	So với tháng 12 năm trước	1,00	2,38	2,55	2,60	2,78	2,52	2,22	2,86	5,13	6,02	6,52	6,81
	So với tháng trước	1,00	1,37	0,16	0,05	0,18	-0,26	-0,29	0,63	2,20	0,85	0,47	0,27
	So với cùng kỳ	17,27	16,44	14,15	10,54	8,34	6,90	5,35	5,04	6,48	7,00	7,08	6,81

Nguồn: Tổng cục Thống kê

PHỤ LỤC 8: MỘT SỐ CHỈ TIÊU TIỀN TỆ, TÍN DỤNG

Chỉ tiêu	2011	QI/2012	QII/2012	QIII/2012	QIV/2012
Số dư cuối kỳ (tỷ đồng)					
1. Tổng phương tiện thanh toán	3.125.960	3.166.352	3.306.645	3.408.878	3.702.867
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	2.754.968	2.796.233	2.938.643	3.006.451	3.247.363
3. Tổng dư nợ tín dụng	2.839.525	2.813.333	2.887.697	2.915.693	3.090.904
% Tăng trưởng so với năm trước					
1. Tổng phương tiện thanh toán	12,07	1,29	5,78	9,05	18,46
2. Tổng huy động vốn từ tổ chức và cá nhân trong nước	12,39	1,50	6,67	9,13	17,87
3. Tổng dư nợ tín dụng	14,70	-0,92	1,70	2,68	8,85

Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

PHỤ LỤC 9: TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC

Năm	GDP theo giá hiện hành (tỷ đồng)	Mức tăng trưởng* GDP (%)	GDP bình quân đầu người (nghìn đồng)
2005	914.000	7,55	11.093
2006	1.061.600	6,98	12.742
2007	1.246.800	7,13	14.804
2008	1.616.000	5,66	18.986
2009	1.809.100	5,40	21.031
2010	2.157.800	6,42	24.822
2011	2.779.900	6,24	31.647
2012	3.245.400	5,25	36.556

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ghi chú: * Tính theo giá so sánh năm 2010

TABLE OF CONTENTS

Status and Functions of the State Bank of Viet Nam	iii
Management Board of the State Bank of Viet Nam	v
Foreword by the Governor	vii
Departments and Administration Units of the State Banks of Viet Nam	ix
■ Part I - The World and Viet Nam’s Economies	1
1. World Economy	1
1.1. World Economic Growth	1
1.2. Monetary Policy Management in some countries	3
2. Viet Nam’s Economy	4
2.1. Economic Growth	5
2.2. Employment and Income	7
2.3. Inflation	8
2.4. Revenues and Expenditures State Budget	9
2.5. Balance of Payments	10
2.6. Financial and Monetary Developments	13
2.7. Activities of Credit Institutions	24
■ Part II - The SBV’s performance	29
1. Monetary Policy Management	29
2. Foreign Exchange Management	33
3. Financial Stability	35
4. Legislation	40
5. Issue and Vault	42
6. Banking Technology and Payment	44
7. Credit Information Activities	47
8. Information Transparency and Communication	49
■ Part III - Corporate Governance	51
1. Internal Audit Operations	51
2. Human Resources and Training	51
3. Scientific Research Activities	55
4. Statistics Work	56
5. Information Technology	56
■ Part IV - International Cooperation	59
1. International Economic Integration Activities	59
2. Cooperation with International Financial and Monetary Institutions	61
3. Bilateral Cooperation Relations	64
■ Appendix	66

STATUS AND FUNCTIONS OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Headquarter, 49 Ly Thai To Str., Ha Noi, Viet Nam

□ The State Bank of Viet Nam shall be a ministerial-level agency of the Government, the Central Bank of the Socialist Republic of Viet Nam which performs state management over monetary, banking activities and foreign exchange; perform the function of the central bank as the money issuing bank, the bank of the credit institutions and the monetary service provider for the Government.

Summary of Article 2, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The national monetary policy shall be monetary decisions at the national level of state authorities, including decisions on the currency value stabilizing objective identified by the inflation target, decisions on using instruments and measures in order to reach the set-up objectives.

Clause1, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The National Assembly shall determine the annual inflation target by deciding the consumer price index and supervise the implementation of the national monetary policy.

Clause 2, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

□ The Government shall submit the annual inflation target to the National Assembly for decision. The Prime Minister, the Governor of the State Bank shall decide the use instruments and measures to perform the target of monetary policy in accordance with the regulations of the Government.

Clause 4, Article 3, Law on the State Bank of Viet Nam 2010

MANAGEMENT BOARD OF THE STATE BANK OF VIET NAM



Mr. Nguyen Van Binh
Governor



Mr. Nguyen Dong Tien
Deputy Governor



Mr. Tran Minh Tuan
Deputy Governor



Mr. Dang Thanh Binh
Deputy Governor



Mr. Nguyen Toan Thang
Deputy Governor



Mr. Le Minh Hung
Deputy Governor



Mr. Dao Minh Tu
Deputy Governor



Governor
Nguyen Van Binh

Forewords by the governor

In 2012, the world economy continued to experience complicated developments under the pressure of European public debt crises. Domestically, macroeconomic and monetary conditions in the second half of 2011 were facing with difficulties and challenges. Though inflation was slowing down since 8/2011 but remained high at 18.13% in 2011. Lending rates were as high as 20-25% p.a, exchange rate was volatile and under devaluation pressure. Many credit institutions (CIs) encountered with liquidity difficulties, which potentially imposed systemic risk. In that circumstance, the tasks set to the State Bank of Viet Nam (SBV) was extremely difficult, specifically to contain inflation, stabilize macro-economy, and at the same time to lower interest rates in an effort to unwind the difficulties for business activities, through which to support economic growth at a reasonable level and safeguard the credit institutions system.

Identifying 2012 as a pivotal year for the implementation of the Party and the Government's directives on paramount targets of inflation containment, macro-economic stability and social security in parallel with of 2011-2015 growth model innovation and economic restructuring, in consistency with monetary and macro-economic developments and strictly following the Government's instructions, the SBV has proactively established leading indicators and set out policy measures which were then determinedly implemented system wide and gained remarkable achievements as below:

First, monetary policy conduct and banking regulation actively contributed to bring high inflation in 2011 down to 6.81% in 2012.

Second, notably in the SBV's efforts to curb inflation, lending rates strongly fell down, which helped business activities. This was attributed to the market guidance and leading by the SBV through harmoniously combining flexible management of money supply with interest rates management in consistency with macro-economic and monetary developments, especially inflation and systemic liquidity. Monetary market was basically stabilized, deposit rates fell while CIs were still capable of mobilizing funds, market discipline was established and consolidated, which remarkably reduced disruptive interest rate competition in the market.

Third, systemic liquidity was improved, the systemic safety and soundness were ensured, which was contributed by the CIs' consolidation of their risk management, especially liquidity risk.

Forth, monetary and credit measures was set out and synchronously implemented to ensure that credit growth must be safe and sound, efficient, concentrating on business and productions activities, and that loan rescheduling, interest waiving... to enable and facilitate credit relationship between CIs and their borrowers.

Fifth, exchange rate was stabilized, confidence in VND was strengthened as a result of the synchronous combination of FX measures and monetary tools conduct to encourage VND holdings, narrowing down the scope of foreign currency borrowers, improving regulations and penalties and strictly fine FX violations. In 2012, the SBV has bought in a large amount of foreign currency to build up its international reserves while sterilization was timely and flexibly conducted to withdraw VND, ensure reasonably monetary control, and avoid inflation pressure.

Sixth, synchronous measures were put into place by the SBV to radically reform gold market, gradually remove "goldenization" in the economy. In 2012, world gold price

was very volatile but it did not impose negative effects on exchange rate and domestic FX market.

Seventh, banking supervision and regulation were strengthened and consolidated to improve market disciplines and ensure strict compliance by CIs to monetary, banking and systemic prudential regulations.

Eighth, the SBV issued Action Plan to implement Credit Institutions System Restructuring Plan in the 2011-2015 period which was approved by the Government. It has determinedly put into place synchronous scheduled solutions, comprehensively assessed CIs system to identify and take resolutions to handle with weak banks. Restructuring of joint stock commercial banks, including M&A activities, was fully on voluntary basis by commercial banks themselves under close monitoring by the SBV. This restructuring process has been carried out on an open, transparent and legislative basis in line with the approved Restructuring Plan with the participation of related Ministries, agencies and local authorities. During that process, the SBV guided CIs to proactively take measures to resolve their bad debts and prevent their future arising, instructed them to use their provisions to resolve NPL and accelerate loan loss provisioning, and developed a plan to establish Viet Nam Assets Management Company (VAMC).

Ninth, the SBV continued to accelerate non-cash payment in the economy on the basis of payment and banking technology development and modernization, ensure cash issuance as scheduled, improve vault safety through introduction of advanced communication technology, cooperate with related agencies in fighting against counterfeit money. Statistics was better equipped with advanced technology to meet statistical requirements. Training and research better served policy making and implementation of the SBV. International multilateral and bilateral cooperation relationships on financial and monetary aspects continued to be consolidated, contributing to the overall international integration of the whole economy and heighten Viet Nam position in the international forum.

Given above-mentioned remarkable achievements, monetary policy conduct and banking regulation in 2012 made significant contribution to Viet Nam macro-economic stabilization and socio-economic development. SBV's policy measures and gained outcomes were acknowledged by the Government, highly appreciated by international institutions, foreign and domestic investors. However, there are difficulties and challenges ahead such as high inflation resurgence, weak domestic demand in a challenging world economy, a long way ahead for NPL resolution and banking reforms, which requires a intensive guidance and instruction from the Party, Government and close cooperation from many Ministries, agencies and the whole economy.

In coming years, the SBV will proactively, innovatively and determinedly continue to manage monetary policy to consistently pursuing inflation containment, macro-economic stabilization, restructure CIs system safely for sustainable development, and helpfully support the national socio-economic development.

Governor of the State Bank of Viet Nam



NGUYEN VAN BINH

DEPARTMENTS AND ADMINISTRATION UNITS OF THE STATE BANK OF VIET NAM

To advise and assist the Governor of the State Bank of Viet Nam in making national monetary policies and using monetary policy tools in accordance with relevant laws and regulations.

*Monetary Policy
Department*

To advise and assist the Governor in carrying out the state management functions over foreign exchange and foreign exchange activities in accordance with relevant laws and regulations.

*Foreign Exchange
Management Department*

To advise and assist the Governor in carrying out the state management function over payment and settlement activities of the economy in accordance with relevant laws and regulations.

Payment Department

To advise and assist the Governor in carrying out the state management function over banks' credit and in managing money market in accordance with relevant laws and regulations.

Credit Department

To advise and assist the Governor in carrying out monetary forecasting and statistics in accordance with relevant laws and regulations.

*Monetary Forecasting and
Statistics Department*

To advise and assist the Governor in carrying out the state management function over international cooperation and integration in accordance with relevant laws and regulations.

*Department of
International Cooperation*

To advise and assist the Governor in carrying out the internal audit of SBV's units' operations.

Internal Audit Department

To advise and assist the Governor in conducting the state legal management and enhancing the socialist legal framework in the banking industry.

*Department
of Legal Affairs*

To advise and assist the Governor in the SBV's finance, accounting and capital investment activities and conducting the state management in accounting and capital investment in the banking industry in accordance with relevant laws and regulations.

*Finance and Accounting
Department*

To advise and assist the Governor and the SBV's Party's Civil Affairs Committee in organization, personnel and employee management, salary policy and other policies of the SBV in accordance with relevant laws and regulations.

*Department of Personnel
and Organisation*

<i>Emulation and Rewarding Department</i>	To advise and assist the Governor in implementing the state management functions of emulation and rewarding in the banking industry in accordance with relevant laws and regulations.
<i>Banking Supervision Agency</i>	To conduct the administrative and banking professional regulation and supervision in the areas under the SBV's state management; to advise and assist the Governor in implementing the state management function over credit institutions, microfinance institutions, and banking operations of other institutions; and to conduct the anti - money laundering activities in accordance with relevant laws and regulations.
<i>SBV Office</i>	To advise and assist the Governor in instructing and managing the banking activities; implementing administrative reform of the SBV; managing the information, promulgation, press, archive and administration work of the banking system in accordance with relevant laws and regulations; and carrying out administration, protocol and archives activities at the SBV Headquarters.
<i>Banking Information Technology Department</i>	To advise and assist the Governor in carrying out the state management of information technology in the banking industry in accordance with relevant laws and regulations.
<i>Issue and Vault Department</i>	To advise and assist the Governor in implementing the state management and central bank's functions of currency issuance and vault operation in accordance with the law.
<i>Administration Department</i>	To advise and assist the Governor in management of SBV's asset, finance and technical infrastructure, logistics, security and health care for employees at the SBV Headquarters.
<i>Central Banking Department</i>	To advise and assist the Governor in conducting central banking operations.
<i>Municipal and provincial branches</i>	To advise and assist the Governor in implementing local monetary and banking operations and selected central banking operations as authorized by the Governor.
<i>Representative Office in HCMC</i>	To conduct the representative functions as authorized by the Governor.

ADMINISTRATION UNITS AND UNITS ESTABLISHED BY THE GOVERNOR

To study and develop banking development strategies and plans; to conduct research and banking technology development for the execution of the SBV's state management function on monetary and banking activities in accordance with relevant laws and regulations.

*Banking Strategy
Department*

To collect, process, record, analyze and forecast credit information for the purpose of state management by the SBV; to provide banking information services in accordance with the SBV's regulations and relevant laws and regulations.

Credit Information Center

The mouthpiece and social forum of the banking sector to disseminate the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies and banking operations in accordance with the SBV's regulation and relevant laws and regulations.

Banking Times

The mouthpiece and professional forum to disseminate banking profession, science and technology; and to disseminate the Party's orientation and guidelines, the State's legislation and policies, banking activities and scientific & technology achievements of the banking industry in accordance with the SBV's regulation and relevant laws and regulations.

Banking Review

To train, update and enrich the knowledge, state management and professional skills of the SBV and banking sector's staff to meet the development requirements and to improve the SBV's and banking sector's staff quality in accordance with the Governor's approved plans.

Banking Training School

To supervise and manage the implementation of SME financing Project and Housing Finance Project.

*International Credit
Projects Management Unit*

To advise and assist the Governor in implementing the FSMIMS Project.

*FSMIMS Project
Management Unit*

Part I - The World and Viet Nam's Economies

1. World Economy

1.1. World Economic Growth

World economic growth in 2012 declined to 3.1% from 3.9% in 2011 (according to the updated version of July 2013 World Economic Outlook of the IMF) under the impact of the European debt crisis. Recovery remained weak in developed countries, although the U.S. economy showed some positive signals from the labor market, housing market, and Japan implemented reconstruction after the disaster in 2011; meanwhile, economic growth began to slow down in developing economies due to decreased external demands. Inflation in the region reduced due to low demands and global commodity prices. Southeast Asian economies appeared as a few bright spots in 2012 global economic landscape.

The U.S. economy grew by 2.2%, higher than 1.7% in 2011 thanks to various efforts by the government and Fed in promoting U.S economic growth. With the relatively strong signals of recovery from real estate market, private investment showed positive signs of development resulting in higher bank credit growth in comparison with that of 2011 thus became primary momentum for economic growth in 2012. Meanwhile, high unemployment rate of 7.8% by 12/2012 resulted in low personal consumption growth. In 2012, due to reduced borrowing ability and the almost-at-ceiling public debt level, government spending was cut down, yet less than 2011's level to improve the budget. 2012 fiscal deficit decreased slightly as compared to 2011 but still at an alarming level which was estimated at 8.5% GDP (IMF, 2013), raising concern about the sustainability of public debt which already exceeded 100% of GDP. Inflation tended to decline from 3% in 2011 to 1.7% in 2012.



Difficulties continued to spread over the world economy in 2012 as a result of European debt crisis. Inflation reduced across the regions.

The Eurozone economic growth fell by 0.6% after a weak rise of 1.5% in 2011. Most economies in the euro zone showed trends of recession. Italy witnessed the greatest recession, falling by 2.4%, Spain by 1.4%, Greece by 6.4% and France recorded 0% growth. German - the leading economy - still achieved positive growth but at 0.9%, a significant decline from 3.1% in 2011 as external demand from the U.S., Asia and other European countries weakened. Business confidence, consumer confidence eroded in the context of rising unemployment rate at 11.8% in December 2012, the banking system tightened lending conditions as results of financial stress and high potential risks, leading to a sharp reduction of consumption and investment across the region. The austerity fiscal measures continued to be implemented in the crisis-hit countries though could not support economic activities, but helped narrowing the budget deficits. Total estimated deficits in Eurozone was at 3.5% of GDP in 2012 compared to 4.2% of GDP in 2011. Regional inflation fell from 4.1% in 2011 to 2.2% this year.

Japan's economy grew by 1.9% in 2012 after a decline by 0.6% in 2011. This recovery was not sustainable, however, mainly in the first quarter (growth in QI/2012 was 1.4% q.o.q , 4.7% year-to-date as a result of reconstruction efforts following natural disasters in 2011. In Quarter II and III/2012, economic growth continuously deteriorated, leading to a mild recession. In Quarter IV/2012, the q.o.q growth was at only 0%, which proved that the economy still cannot escape deflation and economic stagnation which had lasted for more than two decades. Unemployment rate fell from 2011 level but remained at a high rate of 4.3% by the end of 2012. Budget deficit was at an alarming level, projected at 10.2% GDP in 2012, further exacerbating public debt which already reached 237.8% of GDP. Persistent deflation continued, at -0.24% for the whole year.



Emerging and Developing countries' economies grew slowly mainly due to lower export growth in the context of the world economy in difficulties, at the same time domestic investments bore lagged impacts from measures of tightening macroeconomic conditions and curbing inflation since 2011. This trend was most clearly observed in two leading economic growth engines being China and India, with 2012 growth rates at the lowest levels for many years, 7.8% and 3.2%, respectively. Russia and Brazil - two other members of the BRIC - also witnessed low growth, at 3.4% and 0.9%, respectively. However, the 2012 economic bright spots were concentrated in ASEAN-4, including Indonesia, Malaysia, Thailand and the Philippines. Positive investment and consumption growth offset weakening external demand, helping those economies maintain steady growths at 6.2%, 5.6%, 6.4% and 6.6%, respectively. Inflation in the region generally followed a downward trend due to declining world prices and actual production adjusted quite close to the potential level, the average inflation of developing Asia countries was at 4.5% compared with 6.4% in 2011.

1.2. Monetary Policy Management in some countries

Monetary policies in almost all regions were managed in an expansionary manner by injecting money and drastically cutting interest rates in a response to declined economic growth and adverse impacts from the European debt crisis.

In developed countries, central banks like the FED, BOJ, BOE, ECB, etc... accelerated money injection into the economy and maintained policy rates at low levels close to 0%, such as ECB interest rate being cut to a record low level of 0.75%/year. FED and ECB made unprecedented decisions when FED announced of an unlimited injection via QE3 starting from Sept 14, 2012 to promote economic recovery, and the ECB pledged to do “everything possible” to save the euro from July 26,



Monetary policies tended to loosen strongly all over the world with stimulus packages in some countries

2012 in the context of financial market distress leading to increased concerns of financial crisis and a collapse of the Euro. Many other central banks continuously reduced policy rates, notably, Sweden, Norway, Denmark and Australia.

In emerging and developing countries, monetary policies was loosened mainly through continued interest rate cuts. Strongest cuts were seen in two largest economies, China and Brazil, where Brazil cut the interest rates continuously four times, China cut interest rates twice after keeping unchanged since 2008 and decreased reserve requirement ratio two times, applied a pilot reduction of reserve requirement ratio for nearly 1,000 agricultural bank branches (to increase the money supply), and tended to increase loan to deposit ratios for several big banks, loosened controls over commercial bank lending rates. Also, monetary loosening measures were implemented in parallel with governments' stimulus packages.

2. Viet Nam's Economy

Entering 2012, in the context of the global economic slowdown, Viet Nam economy still maintain its stability. Inflation was contained, balance of payments at a high surplus, monetary and financial market stable, interest rates reduced in line with macroeconomic and monetary developments, especially inflation movements. Exchange rate was stable, foreign reserves built up considerably. However, economic growth was slowed down, production and business faced difficulties, inventories rose, purchasing power of the market reduced. Implementing the Government's Resolution No. 13/NQ-CP dated 10 May, 2012 (Resolution 13), ministries, including the SBV deployed synchronous solutions to unwind difficulties, facilitate production and business, and support market development while ensuring inflation control, macroeconomic stability and

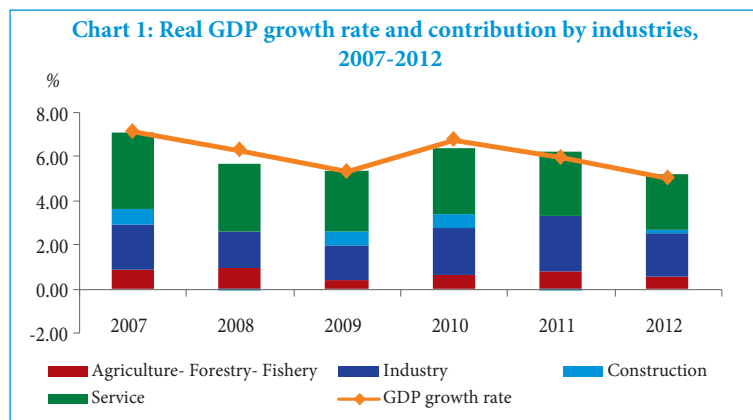


Macroeconomic stabilized in many aspects but economic growth slowed down, consumption reduced, business facing difficulties...

social safety as directed at Resolution No. 01/NQ-CP dated 03 January, 2012 (Resolution 01).

2.1. Economic Growth

Economic growth in 2012 slowed down to 5.25% (at 2010 constant prices) in accordance with the strict implementation of macroeconomic policies to curb inflation, stabilize macro-economic conditions and ensure social safety.



Source: GSO, estimates of the SBV

GDP growth by sectors lower than previous years in most sectors

Agriculture - forestry - fishery growth rate was only 1.69%, lower than 3.02% in 2011, mainly due to agricultural sector growth slowdown in challenged economic conditions severe climate incidents and limited capital investment.

Industry sector saw an increase of 5.75% in 2012, slightly down from the 2011's rate. Manufacturing faced with difficulties due to weakening domestic demand. The growth rate was only 5.8%, half the rate of 11% in 2011; inventories index jumped up, by 20.14% y.o.y at January 1, 2012.

Construction sector grew slightly by 3.3%, following an early -0.6% negative growth in 2011. During the last half of the year, although the continued sluggish real

estate market and significantly weakened consumption, construction activity was warmed up from a slowdown to a modest increase. This improvement was attributed to strongly implemented macro policy measures under Resolution 13 including removing some real estate sector's borrowing demand out of the discouraged list, accelerating disbursements of government bond-funded investments.

Services sector also shared the slowdown, with a growth rate of 5.9% compared with 6.83% in 2011. Main service components, such as trade, hotels and restaurants, activities relating to property business and advisory services recorded low growth rates.

On the demand side, consumption, investment and exports increased from 2011, however, imports also rose accordingly.

Final consumption increased by 5.1%, higher than the rate of 4.4% in 2011. A slight recovery in final consumption slightly recovered reflected positive impacts of inflation contain, raising the real consumers' purchasing power. In addition, the minimum wage was raised by 48.1%- 68.7% for the business sector since 01 October, 2011, and 26.5% from 01 May, 2012 for government officials, contributing positively to consumption improvement in the context of difficulties in labor market, increased enterprises bankruptcy and liquidation.

Investment rose slightly by 2.4% after falling 6.8% in 2011, thanks to the Government's efforts in promoting public investment disbursement during the last months of 2012, advancing VND 30,000 billion from 2013 planned central budget and government bonds for the period 2013-2015 for projects completed in 2012 and in the first 6 months of 2013. However, the recovery of investment also came partly from a high increase in working asset of 7.2% (2011: 3.6%) given rising inventories.

Exports grew by 15.7%, higher than 10.8% in 2011, showing positive developments in the context of global economic difficulties. Categories of electronics, computers and components, phones and all kinds of phone parts, textile, footwear, etc... made major contribution to export growth momentum in 2012, showing positive improvement in the competitiveness of Viet Nam's products with a more diversified export structure. However these were processed items then increased import of raw materials was entailed.

Imports increased by 9.1%, higher than 4.1% in 2011. Corresponding to increased export of electronic components, computers, telephones, textile. etc., imports of electronic components group, telephone, cotton... also stepped up considerably.

2.2. Employment and Income

The labor market in 2012 was subdued given difficult business activities. The labor force was 52.58 million, 2.3% higher than 2011. National unemployment rate was 1.96% in 2012, of which 3.25% in urban areas, and 1.42% in rural areas, lower than the 2011 rates of 2.22%, 3.6%, 1.6%. Underemployment rate of the country was 2.74% in 2012, which was 1.56% in urban area and 3.27% in rural area, down from 2.96%, 1.58% and 3.56% in 2011, respectively. The domestic economy facing with many difficulties, however, with an undeveloped social security system, workers still accepted low paid and unstable jobs in the informal sectors, thus there was no significant fluctuation in unemployment and under-employment rates Viet Nam's exported labor in 2012 reached about 80 thousand workers, achieving 90% of the plan and decreasing by 9.4% compared with that in 2011.

Per capita GDP in 2012 reaches USD 1,749, higher than that of USD 1,517 in 2011. In line with the roadmap of the salary adjustment Plan, minimum wage of workers



Labor market was subdued. Per capita GDP in 2012 reached USD 1,749.

whose salaries were paid by the state budget and state-owned enterprises increased from VND 830,000/ month in 2011 to VND 1,050,000/month, equivalent to an increase of 26.5%, higher than that of 13.7% in 2011.

2.3. Inflation

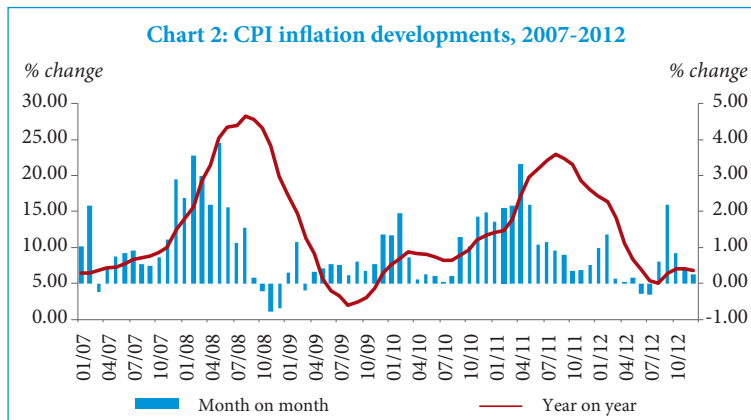
“

Growth rate of consumer price index slowed down significantly compared to 2011 due to decreased pressures from both the supply and demand.

Inflation continued its downward trend from 18.13% in year-end 2011 to 6.81% in year-end 2012, while average inflation was 9.21%, down from 18.58% in 2011. Inflation decelerated steadily from the peak of 23.02% in August 2011 to only 5.04% in August 2012. From September 2012, headline inflation tended to increase again as many localities sharply increased healthcare service charges as stipulated in Inter-ministry Circular No. 04/2012/TTLT-BYT-BTC dated 29 February, 2012 of the Ministry of Health - and Ministry of Finance on issuing the maximum price frame for a number of services of medical examination and treatment in healthcare units of the State. On the other hand, education fees were increased strongly in localities in line with Government's Decree No. 49/2010/ND-CP dated 14 May 2010. However, inflationary impacts of these services' price hike only lasted temporarily, the inflation remained under control, and 6.81% at the end of the year.

Inflation in 2012 was considerably lower than that in the previous year mainly due to the fact that prices of food and food services (accounting for 39.93% of CPI goods and services basket) rose only at low level of 1.01% at the end of 2012 compared to 2011, while increasing by 24.8% in 2011. In addition to food and foodstuff, there were 09 remaining groups (out of 11 groups in total) of the CPI basket increased by slowly or decreased, contributing to downward inflation in 2012. This was the result of several impacts: **(i)** the world price tended to reduce which caused import price index fall by 0.33% in 2012, while it increased by 20.18% in 2011; **(ii)** demand pressure sharply reduced; **(iii)** inflation expectations significantly decreased compared to 2011

due to a relatively sustainable reduction in inflationary pressure from the third quarter of 2011, prices of essential goods such as fuel and petroleum, raw material inputs of production, food and foodstuff, ect... increased less than in 2011 in a general downward trend in world and domestic prices; (iv) the USD/VND exchange rate was maintained stable which helped stabilize import costs for businesses and control inflation expectations.



Source: GSO, estimates of the SBV

2.4. Revenues and Expenditures State Budget

Budget deficit in 2012 was 4.8% of GDP, in line with the plan and approximate to the level of 4.9% of GDP in 2011, in which the total state budget revenues and aid increased at a lower rate followed by lower budget expenditure.

Total budget revenues in 2012 increased by 5.3% (accounting for approximately 25.1% of GDP), significantly lower than the increase of 19.7% in 2011 (31% of GDP). In which, both the domestic revenue and crude oil revenue were lower than in 2011, revenues from exports and aid reduced. It could be said that economic difficulties posed a significant impact on the state budget revenues, especially domestic revenue and revenue from export and import activities. Budget revenue was also adversely affected due to: (i) the implementation of tax exemption, reduction and restructuring policy to unwind difficulties for production and business activities of the

“

Budget revenue and expenditure lower than in 2011 in the context of economic difficulties, the government implementing tax exemption, holiday and defer to support enterprises. Budget deficit was at 4.8% of GDP.

enterprise; **(ii)** a low increase in import revenue, especially for goods with high tariff, and; **(iii)** plummeting auctions of land use rights and land prices in a subdued real estate market. In addition, the world oil prices increased slowly, also significantly affecting revenue from crude oil export.

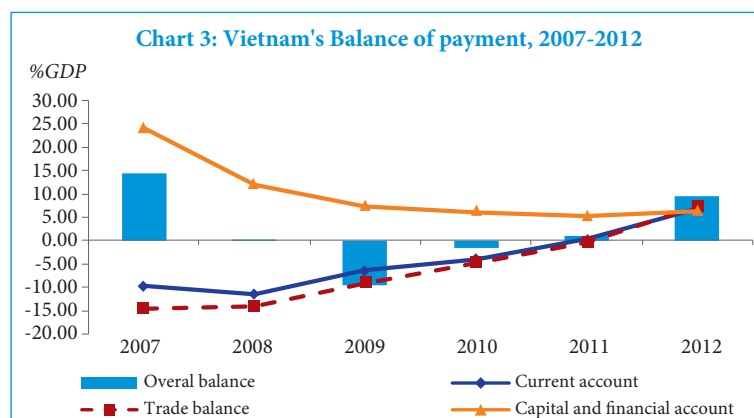
Total expenditures (excluding brought-forward expenditures) increased by 12.5% (accounting for 30.7% of GDP), lower than the rate of 23.8% in 2011 (35.3% of GDP) with major expenditure items at a low increase or decrease from 2011. For example, development and investment expenditure fell by 3.3% (6.4% of GDP) while increased by 5.8% (8.5% of GDP) in 2011, current expenditure increased by 18.9 % (22.0% of GDP) compared with a 35.5% increase in 2011 (24.0% of GDP). Such situation of budget expenditure was partly due to the lower increase in revenues. In addition, the fiscal policy shift from tightening in 2011 to supporting economic growth in 2012 could not be implemented immediately but took time for phases such as making decisions for projects, disbursement, etc. All these factors affected the budget expenditures in this year.

2.5. Balance of Payments

Balance of payments in 2012 observed a record surplus of USD 11.87 billion compared with USD 1.15 billion in 2011, with the largest contribution from the current account surplus, especially the trade balance, together with high surplus of capital and financial balance.



Overall balance of payments posted a record surplus of USD 11.87 billion, more than 10 times of the surplus in 2011, mainly thanks to the record surplus of the current account, and a maintained positive surplus in capital account.



Source: The State Bank of Viet Nam

In addition, the surplus was also partly attributed to curbed inflation, stabilized macro-economy and limited dollarization, which contributed to a sharp reduction in foreign currency holdings, and the banking system's large purchase of foreign currency from the economy, thereby increasing the State foreign exchange reserves.

Current account balance posted a record surplus, of which, trade balance reached a high surplus for the first time.

Current account shifted into a strong surplus of USD9.06 billion, equivalent to 6.6% of GDP, mainly thanks to a historically high trade surplus, and a maintained substantial transfer surplus. *The trade balance* in 2012 witnessed a surplus of USD 9.9 billion after 10 years of continuous deficits. In which, exports soared in volume, imports increase slightly as challenged domestic production and business and increasing inventories led to a declined demand for importing raw materials for production. *Balance of services and investment income balance* continued deficit positions following previous years' trend, at USD 2.9 billion and USD 6.1 billion, respectively. Given the slowdown world economy, a low increase of tourists to Viet Nam and a sharp drop in freight made unfavorable impacts on service revenue in 2012. Meanwhile, low world interest rates led to a sharp reduction in investment income, while FDI enterprises' dividend payments continued to increase largely thanks to positive export sales, both led to an increased deficit of the investment income balance in 2012. *Transfer balance* was at a USD8.2 billion surplus of, down by 5.6% from 2011 in the context of global economic difficulties, high unemployment in many developed countries which adversely affected abroad workers' revenue; however, this was still a high level of surplus. Of the total net transfer, net remittances of the private sector reached USD7.9 billion, 5% lower than 2011, transfers of the government sector reached USD 300 million, down by 16.4% from 2011.

Capital and financial account continued to post a substantial surplus, structure of capital account remained positively

In the context of gloomy economic conditions in developed countries, capital flows tended to flow into emerging markets and developing countries, including Viet Nam, especially after the government of Viet Nam succeeded in stabilizing macroeconomy and expressed their determination to restructure the economy. *Capital and financial balance* posted a surplus of USD8.33 billion, up by 28.2% compared to the previous year with surpluses in almost all items. *Net Foreign direct investment* was at a surplus of USD7.2 billion, 9.1% higher than 2011, in which, the inward FDI reached USD8.37 billion, up by 11.3%.

The outward FDI was USD1.2 billion, an increase of 26.3% over 2011. *Medium and long-term external borrowings* registered a high surplus of USD3.9 billion, up 19% from 2011 as Viet Nam continued to receive ODA and enterprises enhanced disbursements of long-term foreign capital. *Net short-term external borrowings* posted a surplus of USD1.3 billion, down 19.1% from 2011. *Portfolio investment* recovered and gained a surplus of USD2 billion, an increase of 36.3% over 2011. *Investment in the form of money and deposits* experienced a deficit of USD6 billion, down 6.2% compared to 2011; of which, such investment of the banking system saw a surplus of USD107 million, 76% lower than 2011, money and deposits in other sectors experienced a deficit of USD6.15 billion, down 10.7% from the USD6.88 billion deficit in 2011.

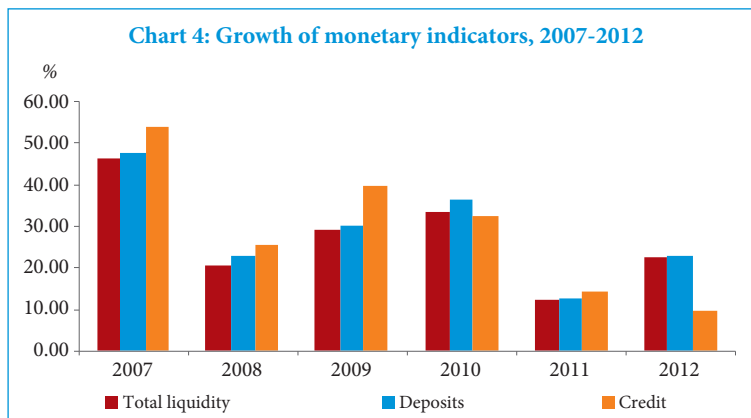
Structure of capital balance continued to be positively maintained, accordingly stable long-term capital flows such as FDI, medium and long-term borrowings remained at high surpluses and account for significant proportion, more than 3 times of the total short-term capital flows, (including short-term loans, portfolio investments, money and deposits). Furthermore,

FDI inflows witnessed an encouraging shift to processing and manufacturing industries, (accounting for nearly 70% of total registered capital), investment in real estate sector declined (only 14.2% of total registered capital). Positive developments in capital and financial balance in 2012 showed that the Government's macro-solutions to contain inflation and stabilize the macroeconomy succeeded in boosting investors' confidence in sustainable development prospect of Viet Nam's economy. This was reflected not only through foreign investors' active purchases of shares, stocks and bonds in Viet Nam's stock market, both official market and OTC market, with a total net purchase of USD 1.35 billion, but also through the success of a number of Viet Nam's businesses in issuing bonds in the international market (Vingroup and VietinBank issued international bonds of USD300 million and USD250 million, respectively).

2.6. Financial and Monetary Developments

Monetary Developments

Total liquidity recovered its increasing momentum in the context of growing confidence in the banking system, sharp de-dollarization and gloomy prospects for other investment channels.



Source: The State Bank of Viet Nam

Total liquidity in 2012 grew at 18.5%, higher than the 12.1% recorded in 2011 yet substantially lower than previous years. The recovery in total liquidity

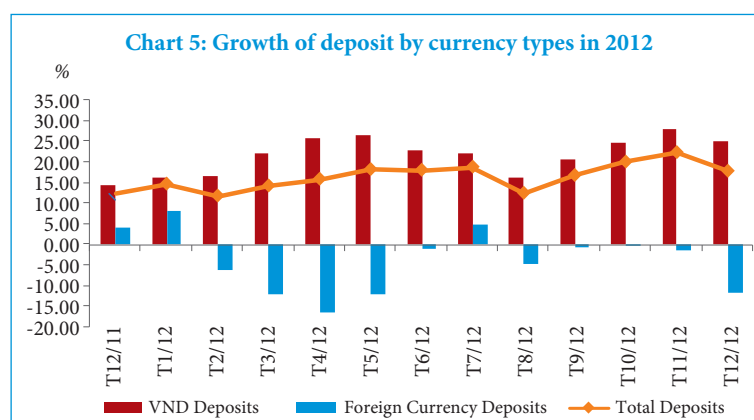
“

Total liquidity and total deposits rose again while credit to the economy experienced slower growth than many recent years.

growth was mainly attributed to the SBV's purchase of foreign currencies for foreign reserves accumulation in the context of macroeconomic stability and effective de-dollarization measures.

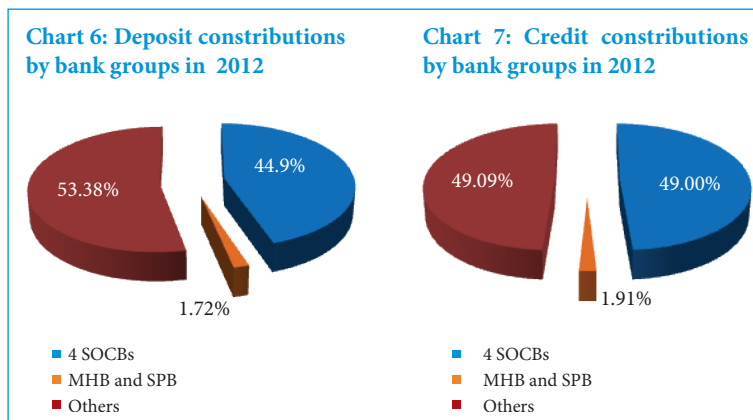
High total bank deposit growth and sharp de-dollarization.

Total bank deposits in 2012 increased by 17.9%, substantially higher than 12.4% in 2011, proving a relatively attractive investment channel in 2012. Despite VND nominal interest rate cuts, real interest rate remained positive given a sharp reduction in inflation, especially when other investment channels such as real estate, securities and gold being gloomy. Moreover, the reasonably maintained difference between Viet Nam Dong and U.S Dollar interest rates, along with other anti-dollarization measures such as narrowing eligibility for foreign-currency borrowers, requiring higher reserve requirement ratio for foreign currencies than that for Viet Nam VND, stabilizing exchange rate, etc., contributed to a sharp reduction in dollarization, which is reflected in currency composition of 2012 bank deposits. VND deposit growth as of the end of 2012 was 25.1% y.o.y higher than that of 14.6% in 2011; while foreign currency deposits decreased by 11.8%. The proportion of foreign currency-deposits in total deposits was accordingly lowered from 19.5% in 2011 to 14.6% in 2012, the lowest ratio ever recorded.



Source: The State Bank of Viet Nam

Regarding the deposit breakdown by group of credit institutions, state-owned banks' share reduced, while that of other credit institutions (joint-stock commercial banks, non-bank credit institutions, People's Credit Fund, 100% foreign-owned banks, foreign banks' branches, joint-ventured banks, financial companies, and leasing companies) increased slightly. Specifically, deposits at the state-owned banks (excluding Mekong Housing Bank and Social Policy Bank) accounted for 44.9% of total deposits of the whole system; Mekong Housing Bank and Social Policy Bank accounted for 1.72%; other credit institutions presented 53.38%.



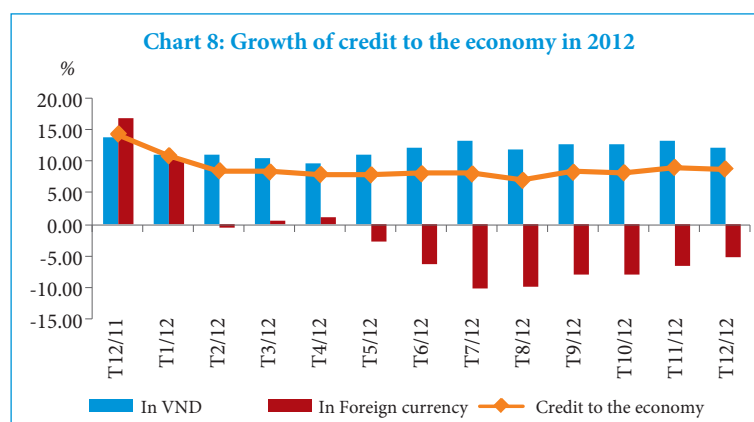
Source: The State Bank of Viet Nam

Credit to the economy grew at the record low level but compensated by CIs' investments in government bonds

The remarkably slower demand of the economy and high inventories caused many challenges for the banking and credit activities in 2012. The economy's fund absorption capacity was lowered due to stagnant sales of enterprises and less optimistic business prospects. At the same time, bad debt was likely to rise given enterprises' weaker financial conditions. The decline trend in collateral values due to a subdued real estate market made it difficult for numerous enterprises to meet lending conditions; commercial banks were more cautious in lending to contain risk and ensure capital safety. In 2012, credit to the economy grew by 8.8%, much lower than

14.3% in 2011. Though recording the lowest growth rate so far, credit was mainly allocated to stable and low-risk sectors such as rural, agriculture and exports, which enjoyed more favorable growth in 2012 than other economic sectors. In contrast, credit to high-risk sectors slowed down. Regarding currency composition of credit to the economy, positive developments were observed through the end of 2012, in line with the direction of gradually de-dollarization and shifting from the deposit - lending relationship to “buy - sell” relationship of foreign exchange. The ratio of foreign-currency loans to total loans decreased to 17.5% as of the end of 2012 compared to 20.0% at end-2011, thanks to the decline in foreign-currency loans to partly shift to VND loans.

Of total credit to the economy, the contribution from state-owned commercial banks (SOCBs) slightly increased, while that from other groups of credit institutions lessen to some extent. As of end-2012, credit outstanding of SOCBs (excluding Bank of Social Policy and Mekong Housing Bank) accounted for 49% of the total credit outstanding of the economy (2011: 50.03%), Bank of Social Policy and Mekong Housing Bank 1.91% (2011: 1.59%), other credit institutions (including joint-stock commercial banks, joint-venture banks, foreign banks’ branches, 100% foreign-owned banks, financial companies and leasing companies) 49.09% (2011: 50.6%).



Source: The State Bank of Viet Nam

In the context of relative high deposit growth but low credit growth, credit institutions tended to accelerate investments in risk-free assets, including Government bonds and treasury bills. Banking system's net claims to government increased significantly from 8.6% in 2011 to 40.2% in 2012. As of the end of 2012, the proportion of net claims to government, mainly in the form of investments in government bonds and valuable papers, to total assets of the system rose to 6.9% from 5.1% at end-2011.

Interest rates

VND interest rates

VND deposit and lending rates in 2012 fell sharply in accordance with the SBV's direction in interest rate management in the context of sustainably contained inflation and ample liquidity of the banking system, thus helping to unwind enterprises' difficulties and support the market as guided by Resolutions No.01 and No.02 of the Government. In 2012, deposit rates reduced by 3-7% per annum (p.a), lending rates declined by 6-9% p.a to the pre-global crisis levels in 2007. Notably, since 11 June 2012, the Viet NamSBV has allowed banks to determine long term deposit rates at their discretion based on market demand and supply. As of the end of 2012, the prevalent interest rates for demand deposits and deposits with terms less than 1 month were 1-2% p.a, with terms from 1-12 month 7.8-8% p.a, with terms more than 12 months around 10-11.5% p.a. Almost all commercial banks strictly complied with deposit caps set by the SBV, many banks, with relatively abundant liquidity, even set their rates lower than the caps. The common lending rates for business were at 12-15% p.a, in which rates for good borrowers only 9-11% p.a.

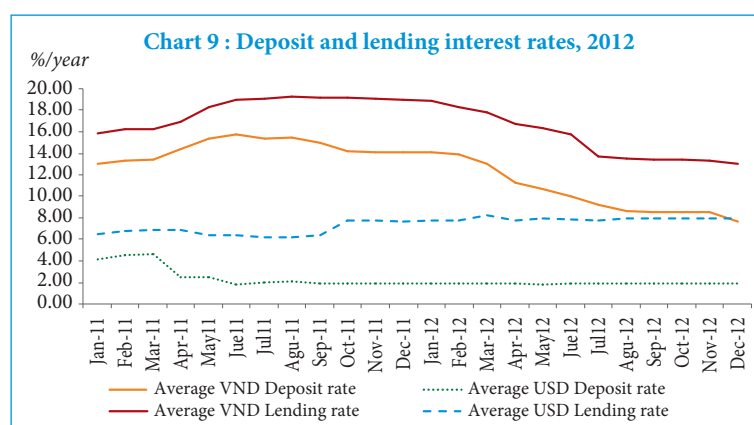
USD interest rates

USD interest rates did not fluctuate much, where USD deposit rates remained relatively stable, USD



VND interest rates were cut sharply and continuously, where USD interest rate relatively stable.

lending rate lowered somewhat in the last months of the year. USD deposit rate complied with caps imposed by the SBV, prevalent at 1.8-2% p.a for individuals and 0.5% p.a for economic organizations as of the end of 2012. Consistent with the SBV's direction in lowering interest rates and in line with VND interest rates, USD lending rate tended to fall slightly by about 0.5-1%, rendering short term and medium-to-long term lending rates prevalently at 5-7% p.a and 6-8% p.a, respectively.



Source: The State Bank of Viet Nam

Interbank money market

Transaction volume declined

The total volume of VND loans and deposits in the interbank market was VND 5,899 trillion, down by VND 997 trillion (equivalent to 17%) compared to 2011. Such contraction primarily happened in the few last months of the year after the SBV issued Circular No. 21/2012/TT-NHNN on tightening deposit and lending activities in the interbank market that made CIs more cautious in interbank transactions. Besides, CIs' excessive liquidity at the end of QII and at early QIV reduced the need to transact in the interbank market and put the market average transaction rate in a continuous downward trend. While the transaction volume in VND declined, the total amount of USD transactions in the interbank market reached VND 4,128 trillion, up by VND561 trillion or an increase of 13.5% compared to 2011.

“

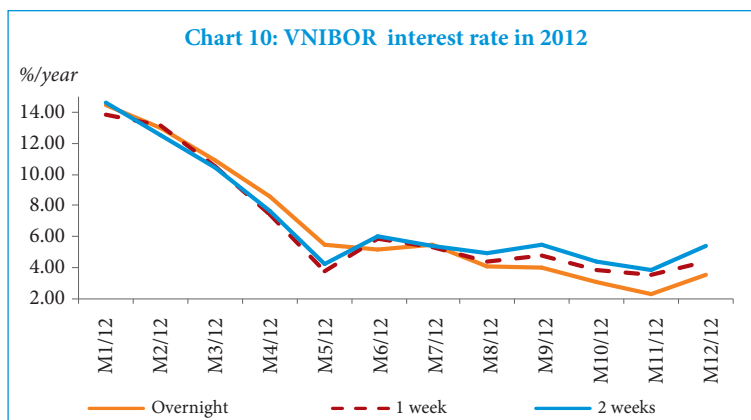
Transaction volume and interest rates were both dropping in the interbank money market

Regarding terms/maturities, most of 2012 interbank transactions were conducted with terms below 1-month, especially overnight. The turnovers of overnight transactions for the whole year in VND and in USD were VND2,407 trillion and VND1,895 trillion, equivalent to 40% and 46% of the total transaction volume in 2012, respectively.

Interbank rates dropped sharply

Average interbank rates in the first quarter of 2012 were still at high level compared with end-2011. Average overnight rate varied from 10.94% p.a to 14.50% p.a, other terms' rates also higher than end-2011 figures.

However, from QII on, interbank rates dropped sharply and followed a downward trend until November 2012. Though the seasonal effect prior to Tet holiday helped pick up the average interest rates in December, average interest rates at the year-end were still much lower than those at the beginning of 2012; overnight rate was down to 3.54% p.a in December from 14.5% p.a in January. The downward trend in interbank average interest rates for all terms in 2012 reflected the banking system's ample liquidity throughout the year.



Source: State Bank of Viet Nam

The average USD interbank rates also shared a gradual downward trend over months. The average

overnight rate decreased from 0.75% p.a in January to 0.25% p.a in December, 1-month rate from 1.91% p.a to 0.69% p.a. Average rates for other terms declined significantly compared to those at beginning of the year, except for the average 12 month rate being relatively stable without much fluctuation over months.

Forward sale and purchase of valuable papers

In 2012, forward purchase of valuable papers among CIs, foreign banks' branches in the inter-bank market in VND and in USD (converted to VND) reached VND 63,402 billion and VND 8,748 billion, respectively. Although this activity only accounted for a smaller proportion than lending and deposit activities (1.08% for VND and 0.2% for USD) with not many players, it became increasingly popular, contributing to the diversification of CIs' activities in the interbank money market and market efficiency improvement. Regarding to interest rates, interest rates for valuable paper purchases in the inter-bank market in 2012 generally moved in the same trend with those for lending and deposit activities in the inter-bank market.

Changes in inter-bank market management

For the purpose of enhanced transparency and information disclosure, and effectiveness and safety in the inter-bank market activities toward international standards, SBV promulgated Circular No. 21/2012/TT-NHNN dated 18 June 2012, regulating operations of lending, borrowing; term purchase and sale of valuable papers among CIs, foreign banks' branches. This Circular is a replacement of the former Regulation on lending among CIs issued together with Decision No. 1310/2001/QĐ-NHNN. The introduction of Circular No.21 with stricter rules on activities of CIs, foreign banks' branches in the inter-bank market, for example,

conditions for borrowing in the market, lending and borrowing principles, transaction periods, interest rates, payment/settlement methods, provisions, etc. exerted positive impacts on the inter-bank market. Interest rate level was lowered, market operations became more ordered, safe and sound, NPLs problem mitigated, the occurrence of contagion risks in the whole banking system was avoided, and the regulation and supervision of SBV enhanced.

Besides, in 2012, SBV improved market information collection, enhanced the quality and timeliness of interbank market information, and closely monitored the activities of all members in the market for the purposes of market management and active intervention when necessary.

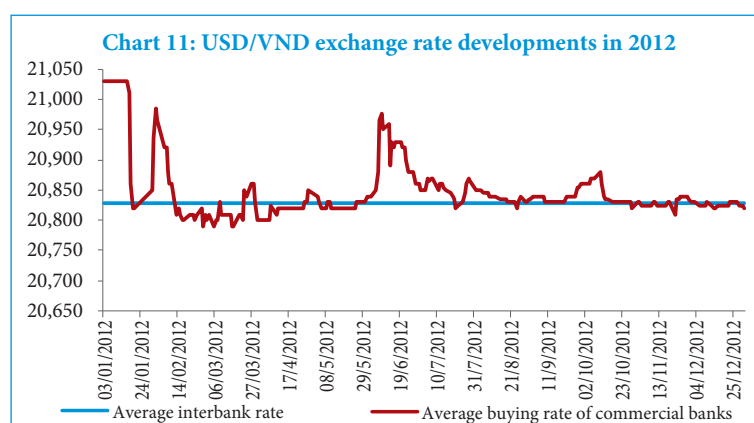
Foreign Exchange Market situation

The foreign exchange market remained stable. For the whole year, average exchange rate was maintained around 20,828 VND/USD; average exchange rate of commercial banks decreased by 0.92%; exchange rate in the parallel market increased by 1.61%. Positive movements in supply and demand for foreign currency facilitated exchange rate stabilization. Credit institutions tended to record net buying from customers and indirect investors. Legally eligible needs of individuals and enterprises for buying and selling foreign currencies were fully satisfied. SBV also purchased a large amount of foreign currencies from the banking system to accumulate foreign exchange reserves. From the last half of February, foreign exchange selling rates in the parallel market strictly followed the selling rates offered by commercial banks, which showed that foreign currency transactions of individuals and institutions were mainly conducted through banking system, trading in parallel market was limited, and speculation decreased dramatically.

“

Foreign Exchange Market was stable, liquidity improved

Small fluctuations in foreign exchange rate were observed in March 2012 when SBV decided to narrow the foreign exchange position from +/-30% to +/-20%, or in early June 2013 when foreign currency demand of importers, especially petroleum corporations, increased sharply. These were temporarily fluctuations, however, and the market was brought back to stabilization few days later. This was an obvious evidence of stability in demand, supply and market sentiments.



Source: *The State Bank of Viet Nam*

Positive developments in the foreign exchange market last year were mainly attributed to several factors. First of all, synchronous measures of the government and of the SBV achieved the objectives of curbing inflation, stabilizing macro-economy, and reducing dollarization, hence strengthening confidence in Viet Nam Dong. Measures taken by the SBV included: *(i)* making a commitment from the beginning of the year *(ii)* facilitating export credits, limiting trade deficit in order to maintain foreign exchange supply-demand balance; *(iii)* managing interest rates in consistence with macroeconomic developments with a reasonable interest rate differential between Viet Nam Dong and U.S Dollar holdings, which limited organizations and individuals' foreign currency speculation and hoarding; *(iv)* strengthening gold market management to strongly reducing gold speculation and smuggling activities, thereby mitigating

negative impacts on the foreign exchange market; (v) closely coordinating with the Ministry of Public Security and other authorities in restraining, detecting and punishing cases of illegal trading of foreign currencies. In addition to the government's measures, the ample supply of foreign currencies in 2012, especially the trade balance recording a large surplus for the first time in many years owing to strong export growth, and better surpluses in current transfers and capital account, as compared with previous years, helped maintain stability in the foreign exchange market.

Gold price developments

Domestic gold price generally followed the world price developments. As of the end of the year, domestic gold prices increased by 6.4%, lower than the 15.9% increase in 2011. Regarding the market trend during the year, the domestic gold price fell in the first 7 months of the year and rebounded strongly since August, peaking at VND 48.26 million per tale. It could be said that the management of the gold market in 2012 achieved some positive results in terms of the SBV's macro-management perspective. Although domestic gold prices and the world gold prices fluctuated upward strongly in latter months of the year, as the SBV implemented measures to manage the gold market in accordance with Decree No. 24/2012/NĐ-CP, purchases of foreign currencies for gold smuggling was limited. The exchange rate, the foreign exchange market and the macro-economy were, therefore, not destabilized.

Securities market

Securities market in 2012 bounced back in 2012 with positive growth of stock prices and transactions value, leading to an expansion of market scale. Compared to end-2011, VN-Index rose by 17.69% to 414, HNX-Index fell by 2.81% to 57. The average transaction value increased:

“

Despite the world gold price hikes in the latter months of the year, exchange rate and macroeconomic stability was not affected thanks to Government's measures of gold market management under Decree No. 24, the increased differences between and domestic gold prices.

“

Securities market rebounded due to stable macro-economy.

HSX reached VND 895.57 billion/session, an increase of 38.21% compared to VND 648 billion/session in 2011; HNX reached VND 434.13 billion/session, an increase of 13.65% compared to the VND 382 billion/session in 2011. The value of listed stocks increased by 55.03%, market capitalization was equivalent to 26% of GDP, compared to 13.03% and 20% of GDP in 2011, respectively. On the primary market, auctions of government bonds were buoyant with high volume and value of successful bids. Investors were mainly commercial banks. The rebound of the securities market was mostly due to the gradually stabilized macro-economy.

2.7. Activities of Credit Institutions

Implementing the Credit Institution System Restructuring Plan for the 2011-2015 period approved by the Prime Minister (Credit Institution System Restructuring Plan), the number of CIs and foreign bank branches in 2012 decreased, banks started to pay more attention to improving bank governance, financial capacity and prudential ratios. Systemic liquidity risk was significantly mitigated. Credit risk, however, tended to increase given economic difficulties and sharply diminished profitability of the banking system.

The focus on strengthening governance of CIs was in line with the Credit Institution System Restructuring Plan.

The number of credit institutions decreased in 2012 due to bank consolidation and mergers during the implementation of the Plan. As of the end of 2012, the banking system consisted of 5 state-owned banks (including 4 fully equitized banks), 34 joint stock commercial banks, 02 policy banks (Social Policy Bank and Viet Nam Development Bank), 49 foreign bank branches; 5 banks with 100% foreign capital; 4 joint venture banks, 50 representative offices, 18 finance

“

Credit institutions focused on improving governance and financial capacity to implement the Credit Institution System Restructuring Plan and cope with increased risks. The profitability of banks fell sharply.

companies, 12 financial leasing companies; 1 central people's credit fund and more than 1,000 local people credit funds. The network of credit institutions covered not only the domestic market, but also made great strides in expansion to international market.

**Figure 1: Credit Institution System in Viet Nam
(as of 31 December 2012)**

No.	Type	2011	2012
1	State-owned commercial banks	5	5
	(Equitized State-owned commercial banks)	3	4
2	Social Policy Bank	1	1
3	Development Bank	1	1
4	Joint Stock Commercial Banks	37	34
5	Joint Venture Banks	5	4
6	Branches of foreign banks	53	49
7	100% foreign-owned banks	5	5
8	Non-bank Credit Institutions	30	30
9	Financial Companies	18	18
10	Financial leasing companies	12	12
11	Central people's credit fund	1	1
12	Local people's credit funds	1,095	1,032
13	Micro-finance Institutions	1	2

Source: *The State Bank of Viet Nam*

Although Viet Nam's credit institutions focused on improving financial as well as governance and administration capacities, some credit institutions revealed many weaknesses, especially in risk management. This was one of the reasons leading to various difficulties and challenges facing the banking system in 2012. Thus, the SBV urgently directed credit institutions, foreign

bank branches to review their organizational and personnel structures to ensure compliance with the Law on Credit Institutions in 2010, with an acknowledgement that the continued improvement in personnel structure, management and governance capacity are an important issue to be strictly addressed during the implementation of the Credit Institution System Restructuring Plan.

In implementing the Credit Institution System Restructuring Plan and address increasing risks in the business climate, efforts were made by credit institutions and foreign bank branches to strengthen their financial capacities. The total chartered capital of the system reached 392.15 trillion dong, up by 11.29% from end-2011 even though this was the lowest growth in recent years. The total own capital of banks in the system increased slightly by 8.9% y-o-y to 425.9 trillion dong at end- 2012. The total assets of the banking system amounted to 5,085.7 trillion dong, up by 2.54% end- 2011.

Figure 2: Assets and Capital of Credit Institutions

	Total Assets		Equity		Charter Capital	
	Trillion dong	±%	Trillion dong	±%	Trillion dong	±%
SOCBs	2,201,660	11.8	137,268	18.7	111,550	28.1
JCBs	2,159,363	-4.5	183,139	6.3	177,624	8.1
JVBs, foreign banks	555,414	1.6	92,554	6.8	76,138	2.8
Financial companies, leasing companies	154,857	-8.4	10,767	-24.1	24,815	-1.1
Collective CIs	14,485	18.7	2,254	3.7	2,025	0
Total	5,085,780	2.5	425,982	8.9	392,152	11.2

Source: *The State Bank of Viet Nam*

Given difficulties in banking business, higher risk provisioning and provision-funded NPLS resolution,

income-expense differences was widened, leading to a decrease in the system's ROA and ROE. Of the whole system, ROA and ROE declined from 1.00% and 11.88% at year-end 2011 to 0.62% and 6.31% at year-end, respectively. The capital adequacy ratio (CAR) of the system ranged from 13.5% to 14.5% in 2012, and reached 13.75% in December 2012 compared to 12.92% at year-end 2011. The loan-to-deposit ratio of the system was 89.36%, of SOCBs and JSBs 96.77% and 70.01%, respectively, reflecting a significant decrease from previous years' figures. The ratio of short-term deposits to medium-term and long-term loans of the whole system at year-end 2012 was 17.16%.

Figure 3: Selected Operational Indicators of CIs

In %

	ROA	ROE	Capital Adequacy Ratio	Ratio of ST capital used for MT and LT loans	Loan-to-Deposit Ratio
SOCBs	0.79	10.34	10.28	21.45	96.77
JCBs	0.49	5.10	14.01	17.60	79.01
JVBs, foreign banks	0.92	4.50	27.63	-2.03	90.07
Financial companies, leasing companies	-0.76	-13.88	9.25	17.59	126.28
Collective CIs	1.53	8.00	38.83	-1.01	94.58
Total	0.62	6.31	13.75	17.16	89.35

Source: The State Bank of Viet Nam

Liquidity risk of the system mitigated drastically compared with 2011, but credit risk heightened given economic difficulties

Credit risk: Nonperforming loans tended to rise compared with the previous year given economic

difficulties and increasing number of distressed and bankrupted enterprises. However, NPLs experienced remarkably slower growth in later months of 2012, thanks to proactive measures of credit institutions in reviewing and evaluating credit quality and borrowers, making loan classification and provision as required, and promptly resolving bad debts through disposition of collaterals, utilization of provisions to resolve bad debts, debt disposal, etc

Liquidity risk: Credit institutions' liquidity in 2012 improved significantly, maintaining bank solvency and avoiding bank runs, then ensuring security and social stability. Weak banks were closely controlled and monitored by the SBV. Overall, systemic risk and threat of system failure were eliminated gradually.

Part II - The SBV's performance

To realize the Government's Resolution 01 and Resolution 13, the SBV put into place a wide range of solutions to address difficulties, promote business activities and support market development while ensuring contained inflation, stabilized macroeconomic conditions, and social security.

1. Monetary Policy Management

As guided by the Prime Minister, the SBV issued Instruction 01/CT-NHNN dated 13 February 2012 on the implementation of monetary policy and safe and sound banking system in 2012. Accordingly, the SBV set targets in 2012: *“To conduct monetary policy on a prudent and flexible basis, combining harmoniously with fiscal policy in order to stabilize monetary market, ensure the system liquidity, control total liquidity and credit growth at an appropriate level, lower interest rates to reasonable level in accordance with macroeconomic developments”*.

Significant policy rate cut

In 2012, the SBV conducted interest rate policy flexibly to macroeconomics and monetary market developments. From the beginning of the year, given decreasing inflation forecast, in order to guide the market, the SBV targeted to decrease interest rates to 9-10% p.a by the end of 2012, and scheduled to reduce it by 1% per quarter on average. In fact, due to inflation fall on a rapid and relatively steady trend while the economic performance is in difficulty, the SBV considerably cut down policy interest rates and VND-deposit rates ceiling to enable banks to reduce their lending rates, facilitate credit expansion and help enterprises deal with difficulties.

Particularly, there were 6 times of policy rates cuts (refinancing rate from 15% to 9% p.a, discount rate

“

Tight, prudent and flexible monetary policy to control credit growth rate around 15-17% and total liquidity growth around 14-16%.

from 13% to 7% p.a, overnight lending rate in interbank electronic payment from 16% to 10%); 5 times of cutting ceiling on VND deposit rate (ceiling on demand and 1-month deposit rate from 6% p.a to 2% p.a; 12-month deposit rate from 14% down to 8% p.a), allowing banks themselves to set their deposit rates for longer maturity based on market supply-demand relation since 11 June.

In addition, efforts to lower lending rates continued to be geared up in the second quarter. Since May, the SBV set ceiling on short-term VND lending rate applicable to key economic sectors, namely agriculture and rural areas, export, supporting industries, SMEs and high-tech companies¹. Ceiling rate was also reduced from 15% p.a to 12% p.a to make it consistent with declining trend of VND deposit rate ceiling². The SBV also encouraged banks to cut down interest rates of their existing loans to 15% p.a, which helped ease pressure on enterprises and enable themselves to expand credit.

Flexible management of OMOs in line with market supply-demand relation

In 2012, OMOs were flexibly managed on a prudent basis to support and regulate VND liquidity in the system, contributing to stabilize monetary market, and realize the monetary policy targets as guided by the Government. Accordingly, OMOs were carried out in both valuable paper purchases and SBV's bill sales; interest rates are reduced in line with monetary policy targets.

Valuable paper auction

In 2012, in order support liquidity to credit institutions, the SBV auctioned to buy valuable papers of

¹ VND short-term ceiling lending rate applicable to high-tech companies is effective since 24/12/2012.

² People's Credit Fund and Micro Finance Institutions are allowed to set VND short-term ceiling lending rate 1% higher than other credit institutions.

7, 14 and 21-day maturity, of which 7-day maturity is the most popular, bidding rate was reduced from 14% p.a to 7% p.a; bidding method is either volume-based or price-based one. In the liquidity redundancy, SBV's purchase of valuable papers in 2012 fell significantly in the numbers of sessions, participants, bidding volume and successful bids which value VND 1,500 billion/session on average.

SBV bill selling

In order to regulate liquidity in the system, contribute to curb inflation and sterilize USD purchases to build up the foreign reserves, in 2012, the SBV issued SBV's 28, 56, 91 and 182 - day bills at some times (from 15 March to June and during the last quarter). Bill's rates were falling gradually in line with market rate trend with average transaction volume of 2,203 billion dong/session.

Flexible employment of refinancing tool to support liquidity to credit institutions

In 2012, refinancing tool was coordinated with other monetary policy tools in a flexible and prudent manner in order to stabilize monetary market, ensure liquidity of credit institutions. Accordingly, the SBV focused on refinancing operations to provide short-term liquidity support to credit institutions before Nham Thin Tet holiday, when funds demand jumped up, to stabilize monetary market.

Maintaining VND and foreign currency required reserves in stable monetary market condition

In stable monetary market and contained inflation conditions, the SBV continued to keep VND-deposit required reserves at low levels and foreign currency deposit required reserves unchanged. Specifically, it was 3% for VND demand and less-than-12-month deposits, 1% for more-than-12-month deposit. For the latter, it

was 8% and 6%, respectively. It was 1% for abroad credit institutions deposit.

Flexible measures to control credit, synchronous and determined solutions to enterprises difficulties and market development

As inflation was sustainably contained while market's purchase power declined, the SBV expanded credit but guaranteed the systemic safety and soundness. Right from the beginning of the year, the SBV set the credit growth ceilings to credit institutions groups and may consider to adjust them based on performance evaluation and credit expansion capability of credit institutions. Credit to discouraged areas to total outstanding credit was limited by the SBV less than 16% (after removing some borrowers out of the discouraged areas to reflect the new market conditions). Besides, in order to keep foreign currency credit at a reasonable level and in line with the Government direction on fighting against dollarization in the economy and stabilizing forex market, the SBV continued to narrow demand for foreign currency loans by issuing Circular No. 03/2012/TT-NHNN dated 8 March 2012 on foreign currency lending by credit institutions, foreign bank branches to resident borrowers which was effective since 2 May 2012. In addition, the whole credit institution system put into place measures to solve problems of business enterprises to echo the SBV's call, such as: decreasing lending rates and saving expenditures to enable credit expansion; reviewing and evaluating debt service ability of the borrowers to help them repay their loans; restructuring payment schedule for borrowers with asset damages which make them deep in financial difficulties; providing advisory services and support to enterprises which have potentials and marketable products but in financial distress to borrow from banks for their business development.

2. Foreign Exchange Management

Stability-targeting management of exchange rate and forex market

From the beginning of the year, the SBV Governor proactively announced exchange rate management direction with 2-3% fluctuation range in 2012 in order to manage VND depreciation expectation. Average inter-bank exchange rate and the SBV's foreign currency purchasing rate were managed toward stability target. The SBV's foreign currency buying-selling operations were flexibly carried out to guide banks' transaction rates, support market liquidity, build up the state foreign exchange reserves. Additionally, the SBV put into place various measures to better regulate forex market in order to gradually shift foreign currency deposit-lending relationship to the selling-buying one, to decrease dollarization and increase confidence in VND, such as: narrowing domestic borrowers of foreign currency, tightening foreign currency position limit of credit institutions, foreign bank branches.... Besides, the SBV also coordinated with other relevant authorities to strengthen the regulation, monitoring and supervision over foreign currency and gold markets and to strictly deal with violations. The SBV also implemented synchronous solutions to step-by-step restructure gold market and fight against "goldenization" in the economy, which helped stabilize exchange rate and forex market.

Initial successes in gold market regulation

As guided by the Political Bureau and the Government in gold market regulation, the SBV developed and submitted to the Government to issue Decree No. 24/2012/NĐ-CP dated 03 April 2012 to replace Decree No. 174/1999/NĐ-CP on gold market regulation, and issued other regulations to guide its implementation. The SBV terminated gold deposit and



Management of exchange rate and forex market in line with foreign currency demand-supply relation, increased market liquidity, improved balance of payment and the state foreign exchange reserves.

lending activities of credit institutions and implemented synchronous measures to regulate gold market.

The SBV put in to place the SBV' monopoly mechanism to produce gold tael through using SJC gold brandname and required SJC Company Ltd to process gold tael for the SBV. The SBV issued Business license on gold trading to eligible enterprises, while actively coordinated with the Provincial and Urban People's Committee, Ministry of Security, Ministry of Industry and Trade to regulate gold tael trading of credit institutions and companies licenced by the SBV... These measures positively regulated the domestic gold tael market, and limited gold tael smuggling, which helped stabilize exchange rate and forex market.

Management of State foreign exchange reserves on a safe, liquid and profitable basis

Management of State foreign exchange reserves in 2012 continued to perform in a safe, liquid and profitable manner. As a result, together with forex market and exchange rate management in line with foreign currency demand-supply relation, increased regulation over gold market, subdued dollarization and contained trade deficit, the SBV purchased a large volume of foreign currency to build up the state foreign exchange reserves, which enhanced the market confidence in the SBV's policies.

Effective management of current account and foreign currency transactions

In 2012, foreign currency attracting policies remained open and consistent with the international integration trend. Foreign currency payment network developed nationwide. Hence, despite of global and domestic difficulties, remittances to Viet Nam were still stable as an important foreign currency source to offset trade deficit. Besides, supervision and consolidation of

forex activities was continuously implemented to detect violations in time. The SBV cooperated with relevant Ministries to supervise and punish forex violations, gradually tamed dollarization in the economy and stabilized forex market. Additionally, the SBV issued regulations to improve the foreign exchange legal framework on foreign currency cash trading, which helped residents with legal demand of foreign currency buy foreign currency cash when they go abroad.

Capital transaction management to ensure the safety and soundness of balance of payment

In 2012, the SBV gradually implemented policies to prudently regulate capital transactions, based on closely supervising capital in-outflows, analyzing capital structure and its implications on the economy and financial system to study, develop appropriate management policies to mitigate adverse impacts of capital flows, especially short-term ones. Apart from flexible management of exchange rate and employment of long-term measures to decrease trade deficit, increase foreign exchange reserves, close supervision of capital in-outflows helped relieve pressure on forex market, improve macroeconomic stability.

3. Financial Stability

3.1. Banking Supervision and Monitoring

In 2012, the SBV performed its duties in banking monitoring and supervision, making policies, licensing, anti-money laundering, handling complaints and denouncement, and carried out an important mission which is restructuring credit institution system under Decision No. 254/QD-TTg of the Prime Minister to approve the Plan to restructure credit institution system in 2011-2015. Having made many innovations, SBV's supervision recorded positive results in improving the effectiveness and efficiency in the state management at

“

Supervision pursued the critical task of implementing the credit institution system restructuring, in addition to continued

superivion focus on lending activities, interest rates, exchange rate, gold trading, financial investment, governance and management, anti-money laundering.

the Central level to provincial/local level, re-establishing principles and disciplines in banking area, accelerating the process to make banking system healthier, which made monetary policy management more effective.

Monitoring and supervision

The SBV carried out 744 supervision missions in total, including 22 missions over legal entities, 6,764 recommendations to credit institutions and foreign bank branches. For each legal entity, supervision method was overall and comprehensive, combining compliance-based and risk-based supervision.

As a result, there were several outcomes, namely: **(i)** financial assessment of each credit institution, **(ii)** identifying their popular and material risks and weaknesses to recommend corrective measures and solutions to restructure credit institutions, especially weak banks, and **(iii)** detecting and strictly handling legal violations. To monitor risks, **(i)** supervision mostly focused on closely scrutinizing business operations, liquidity, compliance to prudential ratios, credit growth compared to its set limit; **(ii)** topical supervisions were undertaken in some risky areas; **(iii)** information system was developed to monitor business operations of abroad subsidiaries and branches of Viet Nam credit instiutions; **(iv)** risk warnings; **(v)** some commercial banks under restructuring process were supervised and monitored. Supervisory findings and recommendations played an important role in improving banking regulations, policies towards promoting safety and soundness and directly supporting the system restructuring process.

To pave the way for the radical renovation of banking supervision, including early warning risks in banking operations, the SBV continued to carry out Project “Off-site supervision information system”, revised and supplemented statistical reporting mechanism, developed

supervisory criteria sets and ratios and advanced methodology in line with international standards and practices. Reporting forms, analyzing criteria were gradually improved towards early risk warning. Information processing continued to be undertaken to serve the management of People's Credit Fund system, and Project "Off-site supervision information system", which was a precondition for a radical reform of banking monitoring and supervision.

Licensing management

The SBV strengthened the licensing management for the establishments of credit institutions, foreign bank branches, network expansion to closely monitor their business sizes, limit their risks and actively support the system restructuring. In 2012, no license was granted to new credit institutions, foreign bank branches, except one micro-finance entity. Newly established bank branches were mainly targeted to the development of agricultural and rural areas and to the ensured national defense and security.

The implementation of Credit Institution Restructuring Plan in 2011-2015 period

The implementation of Credit Institution System Restructuring Plan in 2011-2015 period, issued under Decision No. 254/QD-TTg of the Prime Minister, was well kept on track by the SBV.

In particular: *(i)* the SBV evaluated and identified 09 commercial banks to be prioritized for restructuring. Accordingly, there was a merger among three banks, a bank's acquisition of another, a potential acquisition of one bank by one credit institution, and approvals of 2 banks' self-restructuring plans. The only remaining weak bank was being restructured under the SBV's measures in conformity with the above-mentioned Plan and

legislative regulations on a prudent and risk-controlled basis; *(ii)* During the restructuring process, there was a combination of timely liquidity support by the SBV and close monitoring and supervising of weak banks to ensure the systemic safety and soundness; *(iii)* the SBV also actively guided credit institutions to implement measures to improve their financial health, focusing on encouraging them to increase their charter capital and resolving bad debts by requesting them to actively review and re-evaluate credit quality and borrowers, and make loan classification and loan provisioning complied to law; to immediately implement measures to resolve NPL by themselves such as handling mortgages, using loan provision to solve bad debts, loans disposal...; *(iv)* For People Credit Funds, the SBV requested their branches to review the funds' implementation of Instruction No. 57/CT-TW of Political Bureau as the basis to restructure the system.

Anti-Money Laundering

In 2012, the SBV continued to collect, analyze and transfer information or files relating to anti-money laundering and combating the financing of terrorism (AML/CFT) to competent investigation bureaus; support investigation, prosecution and judgment of the criminals; act as the Standing Office of the AML/CFT Steering Committee in the period of 10/2012 - 06/2013 and implement the Government's commitments to Financial Action Task Force (FATF). The SBV cooperated with other relevant agencies to submit to the National Assembly for the approval of the Law on AML (Law No. 07/2012/QH13 dated 18 June 2012), acted as the leading agency in drafting the Decree on the implementation of the Law and the Prime Minister's Decision on the value of high value transactions, signed the Memorandum of Understanding on the AML information exchange between the SBV and the National Bank of Cambodia.

APG Typologies Workshop 2012 was successfully held in Ha Noi by the SBV.

3.2. Deployment of Financial Sector Assessment Program (FSAP)

In July 2012, the Prime Minister approved the FSAP Plan which was jointly implemented by the WB and the IMF. The SBV was assigned to lead and coordinate with related Ministries to prepare and implement the program. The FSAP was to comprehensively and detailedly evaluate the national financial sector with two key components, namely stability assessment carried out by the IMF, and the WB's evaluation of development and development needs of the financial sector.

In particular, the program had three main targets: **(i)** consolidating Viet Nam financial system by identifying strengths, weaknesses and threats; evaluating the needs for technical cooperation and development; **(ii)** transferring expertise and the best practices to ministries in financial sector; **(iii)** promoting financial sector reform by designing policy responses to better stabilize the financial system; making policy recommendations to strengthen the contribution of financial sector to the socio-economic developments.

The FSAP was carried out in four main phases, including: **(i)** preparation and self-assessment; **(ii)** official assessment; **(iii)** outcomes review and reports approval; **(iv)** continued self-assessment, updating and implementing the recommendations. In 2012, the SBV coordinated with WB/IMF and concerned ministries to complete Phase 2, focusing on three key areas, namely banking, capital market and insurance. Apart from the above-mentioned official assessments, WB/IMF also cooperated with Viet Nam in evaluating housing finance, which has a strong relation with the financial system stability.

On the basis of detailed evaluations in Phase 2 (including compliance assessment of international standards, practices on financial infrastructure, governance and monitoring banking, securities and insurances; macroprudential supervision framework, financial safety network, crisis handling...), the WB/IMF experts made specific recommendations for each area together with a comprehensive financial sector reform schedule. These recommendations will be discussed in the next phase of the Program and the WB/IMF will provide technical supports to help Viet Nam realise them in the incoming future.

4. Legislation



The SBV made outstanding achievements in 2012 when submitting and getting approval from the National Assembly on the Law on deposit insurance and the Law on Anti-Money Laundering; proposing the Government to issue Decree No. 24/2012/NĐ-CP dated 03 April 2012 on managing gold trading activities; Decree No. 101/2012/NĐ-CP dated 22 November 2012 on noncash payment.

In 2012 SBV finalized the two draft laws including the Law on Deposit Insurance and the Law on Anti-Money Laundering and obtained approval from the National Assembly, the 3rd Session of the 13th National Assembly on June 18, 2012 which came into effect from January 1, 2013. The issuance of the Law on Deposit Insurance helped improve legal framework for deposit insurance, protect lawful rights and interests of depositors and ensure safe and sound development of credit institutions. Similarly, the new Law on Anti-Money Laundering helped develop a uniform legislation basis for anti-money laundering activities, meet requirements of international integration process and fulfilling Viet Nam commitments on AML. In addition to that, SBV was assigned by the Government to lead the drafting of the Ordinance amending and supplementing a number of articles of the Ordinance on Foreign Exchange and submitted it to the Government and consequently to the Standing Committee of the National Assembly for approval, tentatively to be issued in 2013. In 2012, SBV also submitted to the Government for issuing three other decrees, including: Decree No. 24/2012/ND-CP dated April 03, 2012 on management of gold trading; Decree

No. 40/2012/ND-CP dated May 02, 2012 on banknote issuance, maintenance and transportation of precious assets and valuable papers within SBV system and among credit institutions and foreign banks' branches; and Decree No. 101/2012/ND-CP dated November 22, 2012 on non-cash payment. In collaborating with other ministries, entities and individuals nationwide, SBV actively participated in revising the 1992 Constitution as a result of a comprehensive review of its implementation results in the banking sector and prepared proposals and recommendations to the draft revised Constitution.

To implement Decree No. 01/NQ-CP of the Governemnt dated January 03, 2012 on guidelines to the socio-economic development plan and budget estimation for 2012, SBV issued 39 circulars focusing on such key areas as regulating interest and exchange rates mechanisms, monitoring gold trade, guiding implementation of the 2010 Law on SBV and the 2010 Law on Credit Institutions.

In order to ensure consistency in banking legislation SBV reviewed and announced the list of 100 legal documents issued by SBV Governnor since 1997 and no longer effective, at the same time, it declared null and void 123 legal documents which were not appropriate and not applicable in practice.

Strengthening compliance with banking regulations

To strengthen compliance with banking regulations, in 2012 SBV implemented the following key tasks: (i) Review active legislative papers; (ii) Enhance monitoring of law enforcement to report to the Ministry of Justice on the banking law enforcement in 2012, especially Law on Negotiable Instruments and Law on Bankruptcy of credit institutions; (iii) Provide active legal assistance to credit institutions and other enterprises under SBV supervision in accordance with existing regulations, contributing to

sound performance of the credit institutions system; *(iv)* Disseminate and educate public on legal knowledge, raise awareness of the Law on Deposit Insurance and the Law on Anti-Money Laundering. Besides, SBV made public outlines of new laws and decrees of the Government, actively announce to public various circulars issued by itself and coordinated closely with media agencies in disclosing and disseminating the Socialist Party and the State legal documents, guidelines and policies, especially those relating to the policies on interest rates, credit, exchange rates, foreign currencies and gold, etc.

5. Issue and Vault

Cash issuance and management



The SBV actively and flexibly managed cash in circulation to accommodate needs of the economy in terms of volume and denomination structure

Considering macroeconomic indicators, projected cash/total liquidity proportion and others, the SBV developed 2012 banknote printing plan. By making plan and managing in an active and timely manner, the SBV accommodated needs of the economy both in volume of banknote, denomination structure and national cash reserves requirement. Sustainable currency circulation was maintained by efficient cash management which was conducted in line with regional and provincial socio-economic developments, helped to avoid partial excess or shortage of cash in circulation. Where substantial unexpected shortages in commercial bank(s), province(s) or in high time of cash operations, SBV extended its timely supports to institutions with high cash volume to resolve problems or provide necessary means of transportation, collection and delivery. At the same time, the SBV's branches were instructed to provide additional cash operation to meet the demand of cash, especially where many ATMs were installed, etc.

In 2012, the SBV obtained the Prime Minister approval on suspending 10.000 VND and 20.000VND cotton-based denominations from circulation to unify

substance of VND banknotes and improve banknote counting, sorting, destruction and retrieving unfit banknotes, issuing new ones into circulation. The SBV continued to upgrade and build new vaults, especially regional ones to reduce the pressure on cash reservation and safety in transportation to SBV's branches.

Vault security

Safety and security in assets reservation, collection, delivery and transportation was enhanced with the well-coordination of safeguarding units and supports of advanced equipment, modern transportation and strengthened information system. Most of cash transportation and escort vehicles of the SBV were equipped with monitoring system with Global Positioning System - GPS to closely keep tracks of the journey and timely resolve any incidents that might happen. In 2012, the SBV completed the Project on centralization of SBV issue and vault management which was piloted in some provincial and municipal branches, proven to help promote efficiency of SBV guidance and regulation. New regulations on vault operations and cash management were promulgated and timely amended in accordance with applicable laws and practices. Shortcomings in related workflows and risks to vaults safety have been detected and timely monitored, lessons learnt from those were disseminated to the whole system for early prevention. The SBV continued to organize training courses to build capacity for cash and treasury staffs for the whole banking system.

Anti-counterfeiting measures

The SBV continued its on-going Project namely Promoting Efficiency of Counterfeiting Prevention Measures in the banking and national treasury systems and its co-operation with relevant agencies on counterfeiting prevention measures, conducting public

awareness promotion on how to realize genuine notes through means of public media and on SBV's website. Thus, the volume of counterfeiting money detected and confiscated in banking system and in criminal cases has been declined significantly in recent years.

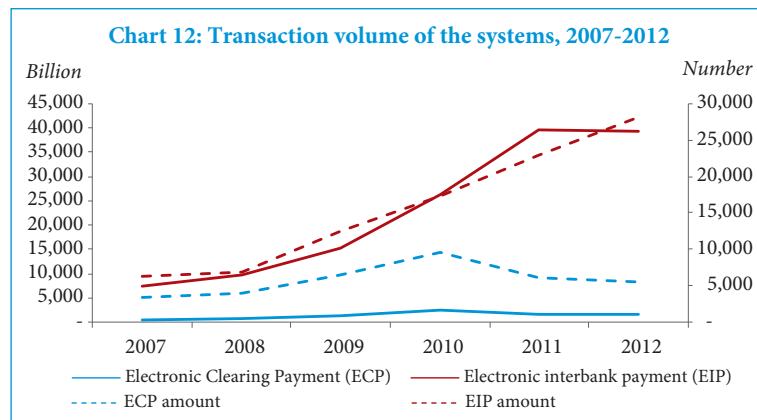
6. Banking Technology and Payment

The modernization of payment system

By end-2012, the Interbank Electronic Payment System (IEPS) had been connected to 66 units of the SBV, 478 units of 95 credit institutions (01 member less in comparison to end-2011 because of the merger of 02 commercial banks); in 2012, about 28,000 transactions were processed through IEPS with the total value of over VND 39,500 bil. (an increase of 22.9% in volume and the decrease of 0.8% in value compared to 2011).



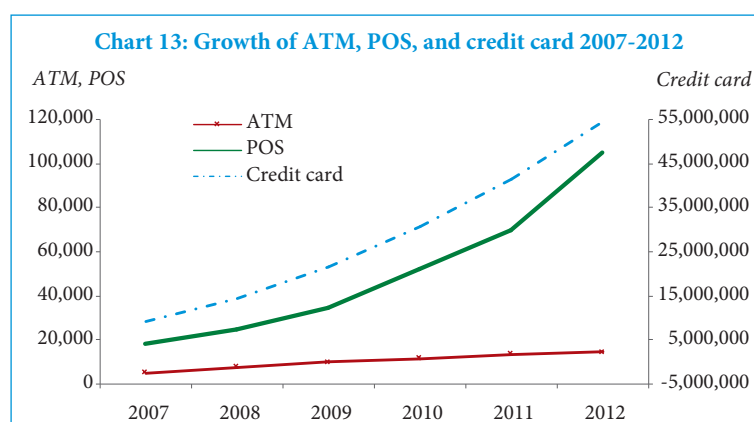
Electronic payment system operated in a stable and safe manner, well supporting payment demand of the economy, contributing to the acceleration of payment speed and developing non-cash payment.



Source: The State Bank of Viet Nam

The Electronic Clearing and Settlement System (ECSS) was deployed in 58/63 provinces and cities, and included 1,000 members. Due to economic difficulties during 2012, there was a decline in both volume and value of transactions processed through ECSS compared to 2011; the total value of transactions was VND 1,573 bil. with the total number of 5.466 mil., decreased by 8.4% and 7.1%, respectively compared to 2011.

In 2012, in developing the Central Switching Center project under the roadmap approved by the Prime Minister, the ATM/POS connection of VNBC member banks was switched to Banknetvn system. Plan to merge Banknetvn and Smartlink was prepared under the instruction of the SBV. By the end of 2012, over 76,000 POS were inter-connected in implementing the policy on POS inter-connection and promoting POS card payment. There was a positive change in the perception on POS card payment in cities and provinces and POS payment had gradually become popular in big cities. Commercial banks had proactively promoted card services via POS and increasingly paid their attention on investing in infrastructure development as well as launching a variety of promotion programs for card users. As of end-December, 2012, 46 commercial banks had deployed 14,200 ATM and over 104,500 POS in total (an increase of 6.8% and 50.0%, respectively compared to end-2011).



Sources: The State Bank of Viet Nam

Development of new, modern services and payment methods

New payment services and means continued to be developed and diversified with the launching of new, modern and useful services and means such as banking cards, Mobile Banking, Internet Banking, SMS Banking,

E-wallet, etc. Among means of payment, bank cards were popular thanks to their utilities and were largely invested by commercial banks, hence showed a fast growth. As of end-2012, over 54.2 mn cards had been issued (an increase of 31.5% compared to end-2011). In addition to the increase in number, commercial banks also paid attention to improving the quality of card services and utilities by cooperating with such organizations as schools, taxi companies, aviation companies,... for co-branded and multi-utilities cards. Several commercial banks started to launch the service of collection of fees of energy, water rate, tele-communication, cable television, petroleum, insurance premium as well as others like tuition fee and transportation fee.

09 non-bank credit institutions allowed by the SBV to provide e-wallet intermediary payment service had cooperated with commercial banks and suppliers to launch a variety of products including payments for e-trading, mobile transaction, invoice or order payment,... As of end-2012, e-wallet intermediary payment service providers issued over 1.3 mn e-wallets, 16 mn e-wallet transactions had been processed with the value of more than VND 5,800 bil.

Salary payment for state budget payees through the banking system continued to be carried out, hence gradually helped to change cash using habit of in the public. Most of the provincial and municipal state budget payees (accounted for approximately 90.0%) were paid through banking accounts.

Payment system management and supervision

In 2012, the Government released Decree No. 101/2012/ND-CP dated November 22, 2012 on non-cash payment, which came into effect on March 26, 2013. This was the major legal document which governed all institutions and individuals being engaged in payment and settlement systems of in the economy, helped to

enhance of SBV's state management function over payment and payment intermediary services providers. The SBV issued Circular No. 35/2012/TT-NHNN on fees applicable to domestic debit cards, Circular No. 36/2012/TT-NHNN on procurement, management, operation and security of ATM machines. SBV actively worked with Ministry of Public Security, particularly Department of Anti high-technology criminals, to ensure safe payment activities, and establish an information exchange channel for timely detecting and dealing with frauds and swindles in card and electronic payments, contributing to reducing transaction risks, protecting legal rights and benefits of relevant institutions and individuals.

The SBV's supervision over payment systems was introduced on a step-by-step basis, especially the on-line supervision via IEPS, which helped to detect and resolve constraints and problems to ensuring effective and safe operations of the payment systems.

7. Credit Information Activities

Collection of credit information and building up a national credit information data warehouse

CIC collected information and maintained archives of those from all credit institutions operating in accordance with Law of Credit Institution and from other institutions optionally joined credit information system. CIC data warehouse contained over 24 million borrower profiles, including over 400,000 corporate borrowers, remaining individuals and credit card holders. CIC data warehouse also consisted of customer identification, credit records, collaterals, credit cards, financial statements periodically updated and put in archives for 5 years.

CIC provision of credit information

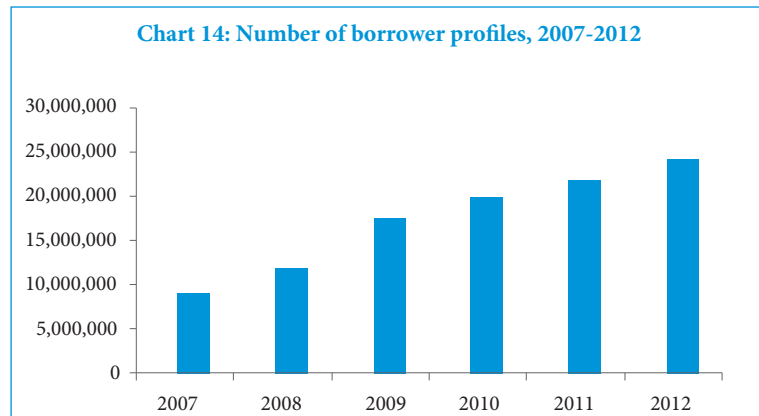
Information provision service by CIC was continuously improved in terms of quality, products



The operations of the Credit Information Center (CIC) became increasingly effective, contributing to better information transparency and risk prevention in banking activities.

development and diversification. At the same time, provision procedures was upgraded, helped to increase real time reports to 80%. The CIC provided nearly 50 credit information products under 4 reporting categories: domestic borrowers; foreign borrowers; credit rating, scoring and e-early warning services. In 2012, the CIC provided over 2.01 million credit information reports via CIC's websites, an increase of over 18% compared to that in 2010.

CIC developed some special products for the State Bank of Viet Nam to meet its need for banking regulation, supervision such as: reports on borrowers accounting for over 15% credit institution equities, borrowers with non performing loans, consolidated statements of corporations and state-owned ones, regions, industries, outstanding loans of credit institutions shareholders...



Source: The State Bank of Viet Nam

Credit rating and risk management supporting operations

CIC was the first institution in Viet Nam which implemented the credit rating system in 2002 and has gained remarkable achievements. In 2012, the CIC issued 20.392 corporate credit rating reports at customer requests. In addition, CIC renewed and upgraded its rating process and procedures adjusted to 35 economic sectors and corporate size (large, medium and small).

**Table 4: Credit Information Activity Indicators
in Viet Nam, 2010-2011**

Criteria	2011		2012	
	Viet Nam	East Asian and Pacific	Viet Nam	East Asian and Pacific
Depth of credit information index (grades from 0-6)	5	2	5	2
Public credit registry coverage (% adults)	26.4	8.2	29.8	10.3

Source: CIC, World Bank - Doing Business 2012

In 2012, CIC developed its early credit warning services, other supporting services which assist credit institutions in portfolio management, borrower monitoring, internal credit rating... CIC credit rating results represented independent judgements which were a useful resource for credit institution for reference in their risk management.

8. Information Transparency and Communication

In 2012, the SBV promoted communication timeliness, pro-activeness, transparency about policies and decisions and procedures of the State Bank of Viet Nam and performance of credit institutions to the press, National Assembly, organizations and the public, including the followings:

- Actively disclose information accurately and timely, especially issues of public interests on the SBV website, at press conferences hosted by Office of the Government, press meetings among mass media agencies, the National Assembly forums or press interviews. The State Bank of Viet Nam information disclosure was well appreciated by the public, especially those on solutions to stabilize the exchange rates, foreign currency and gold markets and the banking system restructuring.



Public communication was promoted pro-actively, channels of communication improved, contents enriched as acknowledged by the domestic and international communities.

- Coordinate with major media agencies (Viet Nam Television, Viet Nam News Agency, Voice of Viet Nam, Governmental news website, major national newspaper, etc.) to conduct propaganda of the State Bank of Viet Nam policies and contribution of banking sector in the implementation of the objectives of socio-economic development through reportages, industrial sites, forums, news, articles. This helped businesses and people understand and support policies and activities of banking system.

- The State Bank of Viet Nam closely monitor developments of banking sector for timely detection, respond and resolve any inaccurate information which destabilizes the market, contributing to effective implementation of solutions of monetary policies and banking performance.

Part III - Corporate Governance

1. Internal Audit Operations

Internal audit activities were implemented comprehensively on all operational aspects in the direction of further improving audit operation in lines with international standards and domestic requirements. In 2012, the internal audit operation focused on 06 areas, including financial statements, compliance and operations, capital investment, information technology, vault operations and FSMIMS Project; and centered on high-risk issues. The internal audit operation was conducted in consistence with the approved internal audit plans, timelines in order to ensure the compliance with the operational procedures, policies and legal framework in a safe and efficient manner.

The SBV conducted financial statement audit at 18 units (including 4 Departments and 14 branches); compliance and operation audit at 20 units (including 6 Departments and 14 branches); audit of 10 construction and investment projects; IT audits at 9 unit (including 2 Departments and 7 branches); vault operation audit at the 9 branches with cash vault and audit of FSMIMS Project.

In 2012, the outcomes of internal audit operation have contributed to clarify the strength, weaknesses and potential risks in the SBV's activities. The Internal Audit Department also advised other departments in correcting shortcomings to ensure compliance with the SBV's operational procedures and legal framework.

2. Human Resources and Training

Developments in human resource and personnel structure

In 2012, in order to enhance the capacity of the SBV's departments and units to ensure the effective fulfillment of the SBV's roles as the State management agency responsible for overseeing monetary and banking

“

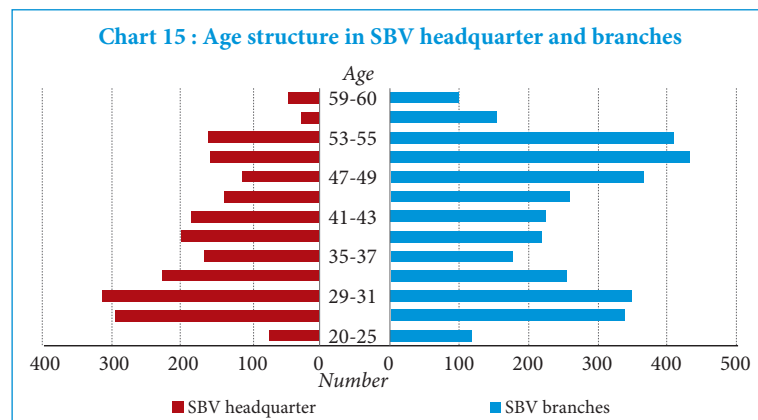
In 2012, internal control and audit were implemented comprehensively, making certain contributions to ensure the SBV's operations in a safe manner.

“

The SBV continued to enhance

quantity and quality of SBV units' human resource; upgrade the effectiveness of training activities, with a close linkage between training and application objectives.

areas and as the Government's advisor on monetary policy formulation and implementation, the SBV's personnel structure was adjusted toward having recruited young staff who have been well-educated with high professional skills for the policy making, implementing and supervising departments at the SBV's Headquarter. The age and quantity structure of the staff in branches and headquarter's units were as follows:



Source: *The State Bank of Viet Nam*

Training Activities

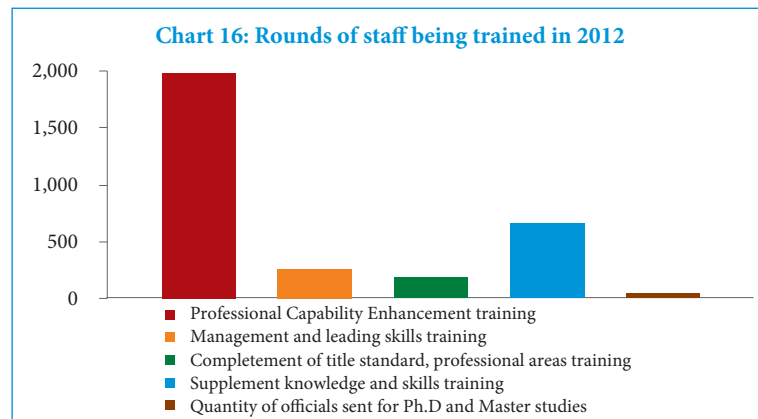
Training activities pursued the target of developing a capable professional human resource for formulating and implementing central bank policies in line with market principles by applying advanced technology, international standards and practices for central banking, thus contributing to effective implementation of the SBV's state management function over monetary and banking areas. In 2012, around 3126 SBV's staff were sent to training courses, mostly post-graduated courses; short-term professional training courses on monetary policy formulation and implementation, banking inspection and supervision, accounting, HR management; soft skills training courses; manager training courses and others. The focus of training programs was to equip the staff with updated knowledge, experiences and skills to timely and effectively deal with complicated and emerging issues in

banking restructuring process; risk management; banking supervision; economic, financial and monetary analysis and forecast. Most short-term courses were designed, programmed and conducted at the Banking Training School with increasingly improved training method and close cooperation of in-house trainers who were key staff at the SBV's departments.

Equipping staff with the sufficient knowledge and skills in line with their respective assigned positions and duties was set as medium and long term requirements for training activities. In this context, in 2012, the analysis of staffs capacity framework was conducted by the SBV and accordingly, training framework and training plans for each operation areas of the SBV were identified in line with required capabilities for staff in each group or section (e.g. monetary section, supervisory section, or group of staff at director-level). As a result, the Decision No. 1280/QD-NHNN dated 27/6/2012 was issued by the Governor, promulgating the Regulation on training civil servants and officials in the main direction of strengthening training activities; developing human resources for a modern central banking operation; training competent staff to build up professional and specialized experts; enhancing in-house trainers; encouraging knowledge sharing and self-learning practices in the SBV. In addition, the training scheme, which was proposed in 2012 and planned to be implemented in 2013, also highlighted the focus of training professional and specialized experts capable of conducting research, making proposals, responses to emerging and complicated issues, for the key departments and units of the SBV.

During the implementation of training activities, the SBV effectively mobilized and utilized resources (the State budget, the SBV, and other supported resources); especially through the training programs and projects

supported by the IMF, ADB, WB, JICA, GIZ, SECO, ASDiV, central banks of German, England, Poland, Sweden..., updated and high skilled knowledge shared by foreign specialists have timely met the requirements of enhancing professional knowledge and updated experiences for the SBV's staff.



Source: The State Bank of Viet Nam

Human resource management and utilization

In 2012, the SBV adjusted sets of standards for job titles, positions and vacancies to make functions and duties of each unit more appropriate in order to effectively perform the SBV's role as a State management agency over the monetary and banking operations. In particular, in 2012 the experienced and skilled staff from commercial banking system (mostly from state owned commercial banks), were supplemented to policy making and supervisory units of the SBV, thus both strengthening their capacity in monetary and banking policy formulation and implementation and effectively implementing rotation scheme of the SBV, particularly for high level management staff of the SBV's system. The human resource management and utilization of high level management staff and professional staff of the SBV was implemented in accordance with each assigned duties and positions.

3. Scientific Research Activities

In 2012, the SBV executed 37 scientific research topics and projects at the ministerial level, including the appropriate monetary policy management framework in Viet Nam; the development of foreign exchange market towards 2020; the coordination of the monetary policy and the fiscal policy to manage the macro-economy; the model of macro-economy for planning and managing monetary policies; the enhancement of inspection and supervision activities on credit institutions; related research topics to enhance the commercial bank governance such as applying business safety standards and risk-based management in consistent with international practices, maturity mismatch issue, topics on HR development resources, services and technology infrastructure of the banking system. Research results of some projects in 2011 and 2012 were applied in implementing assigned functions and duties and also kept for future reference for the advice and recommendation to the SBV's board of management in making policy decisions. Several typical issues successfully applied in reality, such as important solutions proposed in the topic on "Solutions for Viet Nam banking system in the current circumstance"; topic on "Solutions to improve the quality of internal inspection and audit in the SBV on the process of international integration on banking operation". Besides, in 2012, 81 basic research projects were conducted in 02 universities under the SBV, Banking Strategy Institute and School for banking cadres. After finalized, the issues analyzed under those research projects were timely deployed and applied, meeting the practical requirements on teaching and doing business activities. The SBV also successfully organized 02 scientific seminars at the ministerial level, namely "Coordinating fiscal and monetary policies in managing the macro-economy" and "Solutions to modernize the vault operation of the SBV"; and two workshops on several emerging issues in the fields of monetary, credit and banking system. The discussion and shared views in those workshops and seminars contributed to further



Banking Scientific and technological research activities often pursued the objectives and responsibilities and showed active movements, significantly contributing to the process of macroeconomic and monetary policy management in the SBV.

clarified theoretical grounds, arguments and solutions to solve the complicated and emerging issues of the banking operations, which were highly appreciated by both domestic and international economic specialists and attracted attention from mass media.

4. Statistics Work

In 2012, the SBV actively applied advanced informatics technologies, standardized the reporting system in lines with international practices on monetary financial statistics and domestic circumstances in order to meet information requirements for monetary policy management. In 2012, along with the improvement of the statistical system, implementation of the Circular No. 21/2010/TT-NHNN, was conducted towards collecting timely, sufficiently and precisely information, reports from credit institutions and enhancing a database to meet the requirements of data exploitation of concerned units of the SBV. At the same time, the application of technologies in the process of collecting, consolidating and reviewing information also helped to shorten the time to process data and improve the quality of statistical reports. Consequently, statistics on monetary, credit and banking activities remarkably improved and met the SBV's requirements on the management and supervision over the activities of credit institutions.

“

Statistics work in the SBV continued to consolidate and develop to better serve the SBV's operation and management.

5. Information Technology

Development on IT application strategy

On 6th April 2012, the Governor promulgated Decision No.627/QD-NHNN on the SBV's IT Application Strategy in the period of 2011-2015 to expand the IT application strategy in management activities, internal governance in line with the orientation on establishing electronic government and toward to the modern central banking model; improving the information transparency and public services; gradually creating solid foundations on the IT's infrastructure and ensuring the safety and security of the data and information system used for SBV's operations.

“

Expansion of information technology (IT) applications, together with enhancement of quality and development of electronic banking services and utilities.

State management over banking information technology

In order to create legal framework for IT application in the safe manner, in 2012, the Governor promulgated Circular No. 11/2012/TT-NHNN dated 25th April 2012 regulating the management and utilization of computer network in the SBV; Circular No. 11/2012/TT-NHNN dated 27th December 2012 on the development and maintenance of banking function software. At the same time, the SBV also implemented IT supervision activities by compiling, analyzing and reviewing credit institutions' reports and directly examining in 9 credit institutions to timely detect, prevent and punish violations on IT management, which ensured confidential security, and enhanced IT system's governance quality, implementation, and management in the SBV's units.

Functional activities were modernized gradually

In 2012, functional activities in the SBV were continuously modernized through enhancing IT applications, thus contributing to enhancing the SBV's governance and management. The SBV accomplished the establishment and started to operate the information system on issuance and vault management, accordingly, all activities including planning, examining issuance, transporting currency notes in Viet Nam had concentratively managed in the SBV; effectively applied a model collecting consolidated electronic statistic reports and data from headquarters of credit institutions, which was in conformity with the operational model of credit institutions; renewed data reporting method from written documents to electronic reports, ensured timeliness, readiness and consistency of the information; gathered interbank monetary market information through interbank electronic payment system to timely reflect the market developments.

Banking IT infrastructure was developed deliberately

In 2012, the SBV embarked on establishing high speed computer networks, banking data center and disaster prevention center pursuant to standard; improved Wide area network (WAN) connecting 58 SBVs branches with 5 centers of 2Mbps, and 5 centers of 2 Mbps with main center of 10 Mbps. At the end of 2012, SBVs electronic signature system provided roughly 7.000 electronic licences for SBV and credit institutions organizations and individuals, created program exchanging safe electronic data for various activities: interbank payment, financial report, reserve requirement, report in accordance with Decree No. 82/2007/NĐ-CP, statistics report, peoples credit union branches.... Besides, the SBV set up focused technical assistance service (Helpdesk) for officers in March, 2012, to ensure consecutive and uninterrupted SBVs IT system activities.

Part IV. International Cooperation

In 2012, the SBV was successful in promoting external relation activities as planned and targeted to strengthen cooperation with international partners and mobilization of external technical and financial supports to Viet Nam, contributing to efforts of macroeconomic stabilization, economic development, accelerating the international integration process and promoting Viet Nam's position in the international arena.

1. International Economic Integration Activities

As a part of ASEAN economic integration process, in 2012, the SBV sent various high-ranking delegations to actively attend the ASEAN's Central Banks high-level conferences to promote regional financial and banking integration among ASEAN countries, contributing to enhanced Viet Nam and SBV's role, voice and position of in the global and regional financial and monetary forums.

Under ASEAN+3 cooperation framework, Viet Nam continued to participate in financial cooperation initiatives including Chiang Mai Initiative's Multilateralization (CMIM). In 2012, the ASEAN+3 countries succeeded in reaching an overall agreement in upgrading the fund scale to US\$240 billion which enabled the expansion of potential supports to include crisis prevention mechanism beside the existing crisis resolution one.

Within APEC framework, the SBV continued its positive and proactive participation in APEC's research reports and financial cooperation initiatives, and coordination with related ministries and agencies in the various fields of the APEC's cooperation activities.

“

Regional financial and monetary cooperation expansion was continued.

Under SEACEN cooperation framework, the SBV attended the Central Bank Governors' Annual Meetings, Central Bank Deputy Governors' Annual Meetings and some other deputy governor - level conferences which created forums for Governors and Deputies to discuss issues related to regional cooperation in banking and finance research, training and other regional economic issues.

On the other hand, the SBV sent its selected officials to attend SEACEN short-term courses and seminars on central banks' topics. Through those courses, SBV staffs were updated with latest financial, monetary and banking developments in global and regional scopes.

In the implementation of Viet Nam's WTO free trade commitments on banking sector, the SBV amended, supplemented and built various banking legal documents with an aim to improve transparency of policy, compliance with market rules and international commitments to create a more equitable and favorable business environment for banks operating in Viet Nam.

The SBV actively collaborated with related ministries and agencies in preparing documents and providing necessary information for the 1st Review of Viet Nam's Trade Policy after joining the WTO. Through regular meetings of the Banking Working Group under the Viet Nam Business Forum, the SBV had open discussion with representatives of foreign banks in Viet Nam on banking policies and technical issues. The regular dialogues helped banks to understand more about Viet Nam's banking policies and regulations, on the other hand, assisted the SBV to know banks' concerns and suggestions for timely and efficient resolutions for pending issues.

Besides co-operation among regional organizations, the SBV actively carried out guidelines of international integration as set out by the Central Party and State by

participating in negotiations of agreements with regional and non-regional partners. In recent years, the SBV actively engaged in the preparation and negotiation of economic, commercial and investment agreements including Trans-Pacific Partnership (TPP), European Union and Viet Nam Free Trade Agreement (EVFTA), Free Trade Agreement between Viet Nam and the European Free Trade Association (EFTA), Regional Comprehensive Economic Partnership (RCEP).

2. Cooperation with International Financial and Monetary Institutions

The SBV successfully continued its role as Government of Viet Nam representative in multilateral financial and monetary institutions including Asian Development Bank (ADB), World Bank (WB) and International Monetary Fund (IMF), consolidated on relationships between Viet Nam and these organizations and effective leveled on their support for Viet Nam in general and the SBV in particular.

The SBV continued acting as the Government's representative in ADB by meeting and working with various senior and technical missions of ADB to discuss about socio-economic development situation in Viet Nam; supporting implementation of the programs, projects financed by the ADB; attending 45th ADB's Annual Meeting. Particularly, the SBV completed negotiation for 12 programs/projects with a total fund of \$1,282 billion, including \$450 billion for 9 programs/projects from ADF source and \$832 billion for 3 programs/projects from OCR fund. From 1993 to December 2012, the ADB approved to finance 114 programs/projects with total \$10.44 billion. Besides, the SBV continued to implement and prepare for technical assistance projects funded and to be funded by the ADB in the banking sector, including microfinance, non-bank

“

Strengthened relations with international monetary and institutions...

sector and those to build capacity for SBV in monetary policy conduct foreign exchange management. In the area of policy advice, in October, 2012, ADB announced the Country Partnership Strategy (CPS) for Viet Nam during 2012-2015 which will help the ADB to continue its strong and targeted supports to Viet Nam in implementing 2020 vision, including the supports to banking and financial sector. Under the mentioned Strategy, ADB will earmark USD1.3 billion for Viet Nam per year in the period of 2012-2015 in order to carry out the objectives set out in the framework of the Government's Socio-Economic Development Plan (SEDP) for 2011-2015.

The relationship between Viet Nam and the WB continued to be strengthened. The State Bank of Viet Nam actively participated in various conferences organized by the World Bank in order to seek for concurrence in maintain the IDA preferential borrowing status for Viet Nam and received a positive feedbacks from leaders and major shareholders of the World Bank. In 2012, the SBV successfully conducted management over projects and technical assistances funded by the World Bank for the banking sector, at the same time, it engaged in negotiation of and signed agreements for 18 programs/projects with total IDA concessional loans of more than \$ 2.2 billion and more than \$ 570 million from IBRD funds, which brought the total number of programs/projects entered with the World Bank as of December 2012 to 135 programs / projects with over \$ 16 billion. The SBV also worked with the Ministry of Planning and Investment and the World Bank under the framework of the Consultative Group meeting of donors to channel donors' financial support and technical assistance for Viet Nam. Following the success of The Poverty Reduction Support Credit (PRSC), the SBV, in collaboration with the World Bank and concerned Ministries, developed a *Program for Management Support and Enhance Economic Competitiveness (EMCC)* to support the implementation

of national major reforms with an aim to create a development momentum for the country to be shifted from natural condition based growth to productivity and competitiveness basis, the first cycle was planned to complete from 2012 to 2015 with approximately \$ 250 million per program per year (not including co-financed funds). A collaboration between the World Bank and SBV helped to build a Country Partnership Strategy (CPS) 2012-2016, which was expected to allocate from IDA about SDR 2.8 billion (approximately 4.2 billion USD) and USD770 million from IBRD for fiscal year of 2012-2014 to investment and policy making activities to help Viet Nam to enhance its competitiveness, capture opportunities for sustainable development.

In 2012, the SBV actively participated in a wide range of activities to improve Viet Nam's role as an IMF member country; the relationship between Viet Nam and the IMF continued to be maintained and consolidated through policy dialogues, macroeconomic surveillance, technical assistance and other activities. Viet Nam was negotiating with the IMF to raise its share from SDR 460.7 million to SDR 1.1531 million, equivalent to a quota increase from 0.193% to 0.242%. This year, the country also voluntarily contributed its first-time distributed profit from the IMF's sale of more than 400 tons of gold to the Poverty Reduction and Growth Trust (PRGT). More as a norm, the IMF sent annual Article IV consultation and staff visit missions to Viet Nam to update and assess its economic developments and outlook and make appropriate policy recommendations. The IMF also had regular policy dialogues with and provide advices to the SBV as well as other government agencies, at the same time highly appreciated Viet Nam's efforts and achievements during recent years. The Fund always expressed its willingness to assist Viet Nam Government in policy and resolution toward macroeconomic stability. Specifically, the IMF provided many rounds

of technical assistance in monetary and exchange rate policies, monetary and external sector statistics, financial soundness indicators compilation, banking supervision, and anti-money laundering and terrorist financing. The IMF also financed around 100 officials from the SBV and other government agencies to participate in specialized courses and seminars on macroeconomic and policy topics in Singapore, US and Austria Institutes. In addition, the SBV cooperated with the IMF to organize training courses in Viet Nam for government officials from Southeast Asian countries. Rounds of SBV staff were also sent to work at the IMF Representative Office in Hanoi to exchange knowledge and improve research and analytical skills.

3. Bilateral Cooperation Relations

“

Close relations with other central banks and international financial institutions.

SBV continued to create strong relationships and maintain regular contact with other Central Banks, financial institutions to mobilize international supports to strengthen the capacity of the SBV as a central bank and its position in the international forums of financial sector. In 2012, the State Bank signed memorandum of understandings on cooperation in the field of banking with Qatar Central Bank (1/2012), National Bank of Kazakhstan (09/10/2012), Memorandum of AML cooperation with National Bank of Cambodia (3/2012), Memorandum of Understandings on the exchange of information for Banking Supervision with Reserve Bank of India (11/16/2012), Central Bank of Myanmar (at 11/29/2012) and a memorandum for cooperation with Brunei Currency and Monetary Board during the visit of Viet Nam President to the 2 above countries (11/27/2012) and an, Amendment to 2003 Memorandum on Technical support with Deutsch BundesBank (12/04/2012).

Regarding the implementation of programs and projects of cooperation in the field of banking and finance, the SBV cooperated with the U.S. Treasury to implement

the technical assistance program to enhance capacity of central banking performance and its Banking Supervisory Agency, with the French Development Agency (AFD) to accelerate the implementation of a technical support to complete micro-finance legal framework, strengthen its corporate governance and supervision in Viet Nam. SBV entered into agreement with JICA on extension of the existing project namely “Strengthening of inspection, monitoring for the State Bank of Viet Nam” until June 2013. Following the success of the SBV institutional capacity building program and Phase 1 of “Training for Banch directors of Commercial banks” Project, Switzerland Federal Government through Swiss Federal Department of Economic Switzerland (SECO) express their intention to continue support for SBV and the banking sector in Viet Nam through the project “Training for Banch directors of Commercial banks” phase 2.

In term of training, the SBV, in cooperation with relevant stakeholders, organized courses, seminars and workshops on financial -banking topics with lecturers from Luxembourg, Sweden and Poland. Besides, SBV actively worked with relevant agencies to implement training programs on various financial and banking issues for Bank of the Laos PDR and initiated a training support programs for the National Bank of Cambodia.

In June 2012, the SBV successfully organized the 97th Council Meetings of the International Investment Bank (MIB) and 119th Bank for International Economic Cooperation (MBES). The 11th Viet Nam - Russia Interbank Working Group was held in September 2012 and 2012 Typologies Meeting of the Asia - Pacific Conference for Money Laundering (APG) was also held in Hanoi some weeks later. These events provided opportunities for member countries and international experts to share experiences, to expand cooperation in various fields of finance, banking and money laundering prevention.



APPENDIX

APPENDIX 1: INTEREST RATES ANNOUNCED BY THE SBV

Unit: % per annum

Time	Refinancing Rate	Rediscount Rate	OMO Bid Rate
December 2011	15	13	14
January 2012	15	13	14
February 2012	15	13	14
March 2012	14	12	13
April 2012	13	11	12
May 2012	12	10	11
June 2012	11	9	10
July 2012	10	8	8
August 2012	10	8	8
September 2012	10	8	8
October 2012	10	8	8
November 2012	10	8	8
December 2012	9	7	7

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 2: OPEN MARKET OPERATIONS

	Bid	2011	2012
Number of sessions		431	299
Maturity (days)		7; 14	7; 14; 21
Number of Bidders		8,469	1,431
Bid volume (VND billion)		5,981,403	657,371
Success volume (VND billion)		2,801,253	449,922
Interest rate (% per annum)		10-15	7-14
Bidding method		Volume	Volume; Interest
	Ask	2011	2012
Number of sessions		No	79
Maturity (days)			28; 56; 91; 182
Number of Bidders			1,003
Bid volume (VND billion)			723,820
Success volume (VND billion)			174,000
Interest rate (% per annum)			3.48-12.5
Bidding method			Volume; Interest

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 3: REQUIRED RESERVE RATIO DURING 2010-2012

Unit: %

Effective time	VND DEPOSITS				FOREIGN CURRENCY DEPOSITS				
	Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of customer, State Treasury, issuance of valuable papers		Deposits of credit institutions abroad		
	Demand and less than 12-month deposits	12-month and up deposits	Demand and less than 12-month deposits	12-month and up deposits	Demand and less than 12-month deposits	12-month and up deposits	Demand and less than 12-month deposits	12-month and up deposits	
Feb-2010	3	1	1	1	4	3	2	1	
Dec-2010(*)	3	1	1	1	4	3	2	1	
May-2011	3	1	1	1	6	5	4	3	
Jun-2011	3	1	1	1	7	6	5	4	
Sep-2011(**)	3	1	1	1	8	7	6	5	1

(*) Since 12/2012, according to Circular No. 20/2010/TT-NHNN dated 29/9/2010 of the SBV providing guidance on implementing monetary tools to support credit institutions to provide agricultural and rural development credits, credit institutions are classified into 2 groups in terms of required reserves ratio for VND deposits: (1) institutions applying regular required reserves ratios; and (2) institutions applying lower ratios if they provide high ratio of rural and agricultural development credit. Specifically, for institutions providing more than 70% and from 40%-70% of its total credit to rural and agricultural development areas, the applied required reserves ratios will be 1/20 and 1/5 correspondingly compared to regular ones.

(**) Deposits of offshore credit institutions according to Circular No. 27/2011/TT-NHNN dated 31 August 2011 and according to Decision No. 1972/QĐ-NHNN on applying credit institutions' required reserve ratio to foreign exchange deposits of overseas credit institutions.

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 4: BALANCE OF PAYMENT

Unit: USD million

	2011	2012
A. CURRENT ACCOUNT BALANCE	233	9,061
1. Balance of Trade	-450	9,884
Export (FOB)	96,906	114,573
Import (FOB)	97,356	104,689
Import (CIF)	106,750	113,792
2. Service	-3,168	-2,920
Receipts	8,692	9,600
Payments	11,860	12,520
3. Transfers	8,685	8,212
Private Sector	8,326	7,912
Public Sector	359	300
4. Investment Income	-4,834	-6,115
Receipts	395	295
Payments	5,229	6,410
B. BALANCE OF CAPITAL AND FINANCE	6,490	8,330
5. Foreign Direct Investment (FDI)	6,569	7,168
Foreign Investment in Viet Nam	7,519	8,368
Viet Nam's Investment Abroad	950	1,200
6. Loans, Medium and Long Term Debt	3,285	3,908
Disbursement	5,706	7,410
Government Loans	3,893	4,086
Business Loans (excluding FDI)	1,813	3,324
Amortization	2,421	3,502
Repayment of Government	792	920
Repayment of enterprises (FDI+Viet Nam enterprises)	1,629	2,582
7. Short term borrowing and servicing	1,615	1,306
Disbursements	14,568	16,011
Amortization	12,953	14,705
8. Foreign Indirect Investment (FII)	1,460	1,990
Foreign Investment in Viet Nam	1,111	1,887
Viet Nam's Investment abroad	-349	-103
9. Cash and Deposit	-6,439	-6,042
Banking sector	445	107
Other sectors	-6,884	-6,149
C. ERRORS AND OMISSIONS	-5,574	-5,524
D. OVERALL BALANCE	1,149	11,867
E. FINANCING	-1,149	-11,867
10. Change of International Reserves	-1,149	-11,867
Change of SBV's total foreign assets except IMF fundings	-1,118	-11,847
IMF fundings	-31	-20
Loans	0	0
Payment	31	20
11. Change of overdue and rescheduled debts	0	0
Change of overdue debt	0	0
Rescheduling	0	0

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 5: USD/VND EXCHANGE RATE

Unit: VND/USD

2012	Exchange Rate end - month		Average Exchange Rate in the Month			
	Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Commercial Banks		Average Rate on the Inter-bank Foreign Currency Market	Average Rate of Commercial Banks	
		Buying	Selling		Buying	Selling
January	20,828	20,936	21,036	20,828	20,975	21,008
February	20,828	20,810	20,870	20,828	20,850	20,912
March	20,828	20,800	20,860	20,828	20,814	20,878
April	20,828	20,850	20,930	20,828	20,819	20,874
May	20,828	20,840	20,890	20,828	20,826	20,872
June	20,828	20,850	20,925	20,828	20,902	20,965
July	20,828	20,850	20,885	20,828	20,852	20,893
August	20,828	20,840	20,880	20,828	20,837	20,874
September	20,828	20,860	20,900	20,828	20,839	20,883
October	20,828	20,825	20,865	20,828	20,842	20,883
November	20,828	20,830	20,870	20,828	20,829	20,873
December	20,828	20,820	20,860	20,828	20,825	20,867

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 6: DOMESTIC GOLD PRICES

Unit: Million VND/Tael

	Gold Price end - month	Average Gold Price in the Month
January	45.33	43.88
February	45.27	45.00
March	44.00	44.33
April	43.09	43.20
May	41.46	41.70
June	41.72	42.01
July	42.09	41.88
August	44.52	43.03
September	47.46	46.56
October	46.13	47.07
November	47.22	46.97
December	46.30	46.72

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 7: CONSUMER PRICE INDEX

Unit: %

Year	Time	January	February	March	April	May	June	July	August	September	October	November	December
2008	Year to date	2.38	6.02	9.19	11.60	15.96	18.44	19.78	21.65	21.87	21.64	20.71	19.89
	Month on month	2.38	3.56	2.99	2.20	3.91	2.14	1.13	1.56	0.18	-0.19	-0.76	-0.68
	Year on year	14.11	15.67	19.39	21.42	25.20	26.80	27.04	28.32	27.90	26.72	24.22	19.89
2009	Year to date	0.32	1.49	1.32	1.68	2.12	2.68	3.22	3.47	4.11	4.49	5.07	6.52
	Month on month	0.32	1.17	-0.17	0.35	0.44	0.55	0.52	0.24	0.62	0.37	0.55	1.38
	Year on year	17.48	14.78	11.25	9.23	5.58	3.94	3.31	1.97	2.42	2.99	4.35	6.52
2010	Year to date	1.36	3.35	4.12	4.27	4.55	4.78	4.84	5.08	6.46	7.58	9.58	11.75
	Month on month	1.36	1.96	0.75	0.14	0.27	0.22	0.06	0.23	1.31	1.05	1.86	1.98
	Year on year	7.62	8.46	9.46	9.23	9.05	8.69	8.19	8.18	8.92	9.66	11.09	11.75
2011	Year to date	1.74	3.87	6.12	9.64	12.07	13.29	14.61	15.68	16.63	17.05	17.5	18.13
	Month on month	1.74	2.09	2.17	3.32	2.21	1.09	1.17	0.93	0.82	0.36	0.39	0.53
	Year on year	12.17	12.31	13.89	17.51	19.78	20.82	22.16	23.02	22.42	21.59	19.83	18.13
2012	Year to date	1.00	2.38	2.55	2.60	2.78	2.52	2.22	2.86	5.13	6.02	6.52	6.81
	Month on month	1.00	1.37	0.16	0.05	0.18	-0.26	-0.29	0.63	2.20	0.85	0.47	0.27
	Year on year	17.27	16.44	14.15	10.54	8.34	6.90	5.35	5.04	6.48	7.00	7.08	6.81

Source: General Statistics Office

APPENDIX 8: MONETARY AND CREDIT INDICATORS

	2011	QI/2012	QII/2012	QIII/2012	QIV/2012
Absolute Value (billion VND)					
1. Total liquidity	3,125,960	3,166,352	3,306,645	3,408,878	3,702,867
2. Deposit of resident economic entities and individuals	2,754,968	2,796,233	2,938,643	3,006,451	3,247,363
3. Claims to the economy	2,839,525	2,813,333	2,887,697	2,915,693	3,090,904
Annual growth rate (%)					
1. Total liquidity	12.07	1.29	5.78	9.05	18.46
2. Deposit of resident economic entities and individuals	12.39	1.50	6.67	9.13	17.87
3. Claims to the economy	14.70	-0.92	1.70	2.68	8.85

Source: The State Bank of Viet Nam

APPENDIX 9: GROSS DOMESTIC PRODUCT

Year	GDP at Current Price (VND billion)	GDP Growth* (%)	GDP Per Capita (VND thousand)
2005	914,000	7.55	11,093
2006	1,061,600	6.98	12,742
2007	1,246,800	7.13	14,804
2008	1,616,000	5.66	18,986
2009	1,809,100	5.40	21,031
2010	2,157,800	6.42	24,822
2011	2,779,900	6.24	31,647
2012	3,245,400	5.25	36,556

Source: General Statistics Office

Note: * Base year 2010

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc - Tổng biên tập

NGUYỄN THỊ THU HÀ

Publishing Responsibility

Director - Editor in Chief

NGUYEN THI THU HA

Biên tập: NGÔ MỸ HẠNH
NGUYỄN THỌ VIỆT

Editors: NGO MY HANH
NGUYEN THO VIET

Thiết kế: TRẦN HỒNG MINH
NGÔ NHỊ LƯƠNG

Designer: TRAN HONG MINH
NGO NHI LUONG

In 700 cuốn, khổ 20,5 x 29 cm, tại Công ty TNHH In và Dịch vụ Thương mại Phú Thịnh
Đăng ký xuất bản số: 1563-2013/CXB/4-641/TTTT
Giấy phép xuất bản số: 340/QĐ-NXB TTTT ngày 20/11/2013
In xong nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2013.
Mã số: KK 70 HM 13

Printerd 700 copies, size 20.5 x 29 cm, in Phu Thinh Trade Service and Printing Co., Ltd
Publishing Plan: No 1563-2013/CXB/4-641/TTTT
Publishing Decision: No 340/QD-NXB TTTT date 20/11/2013
Completed and Registered in December 2013.
Code No. KK 70 HM 13